

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

...../.....

**BỘ NỘI VỤ**

...../.....

**HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA**

**NGUYỄN HỒNG ĐỨC**

**QUẢN LÝ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
TẠI THÀNH PHỐ NHA TRANG,  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

**THỪA THIÊN HUẾ - NĂM 2017**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

...../.....

**BỘ NỘI VỤ**

...../.....

**HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA**

**NGUYỄN HỒNG ĐỨC**

**QUẢN LÝ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
TẠI THÀNH PHỐ NHA TRANG,  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

Chuyên ngành: Tài chính ngân hàng

Mã số: 60.34.02.01

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**

**TS. NGUYỄN NGỌC THAO**

**THỪA THIÊN HUẾ - NĂM 2017**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan luận văn này là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu khoa học nào.

**Học Viên**

**Nguyễn Hồng Đức**

## Lời Cảm Ơn

*Để hoàn thành chương trình cao học và có được luận văn này, ngoài nỗ lực cố gắng của bản thân, tôi đã nhận được sự giúp đỡ tận tình của các thầy cô, các đồng nghiệp, bạn bè và gia đình. Tôi xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo Học viện Hành chính Quốc gia, các thầy cô giảng dạy lớp cao học Tài Chính - Ngân hàng đã truyền đạt cho tôi những kiến thức quý báu, giúp tôi hoàn thiện khoá học tại trường.*

*Đặc biệt, tôi xin gửi lời cảm ơn tới TS. Nguyễn Ngọc Châu đã nhiệt tình hướng dẫn, giúp đỡ tôi hoàn thành luận văn này.*

*Tôi xin chân thành cảm ơn các thầy cô trong Hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ đã có những ý kiến đóng góp quý báu để bản luận văn của tôi được hoàn thiện hơn và được bảo vệ luận văn trước hội đồng.*

*Xin chân thành cảm ơn bạn bè, đồng nghiệp và gia đình đã đồng viên giúp đỡ về thời gian, tinh thần để tôi hoàn thành tốt luận văn này.*

Học viên

Nguyễn Hồng Đức

# MỤC LỤC

Trang

Trang bìa phụ	
Lời cam đoan	
Lời cảm ơn	
Mục lục	
Danh mục các chữ viết tắt	
Danh mục sơ đồ bảng biểu	
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUẢN LÝ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b> .....	8
1.1. Tổng quan về thu ngân sách Nhà nước .....	8
1.1.1. Thu ngân sách Nhà nước.....	8
1.1.2. Các nhân tố tác động đến thu ngân sách Nhà nước .....	15
1.1.3. Thu ngân sách cấp huyện trong hệ thống ngân sách Nhà nước .....	17
1.2. Quản lý thu ngân sách Nhà nước cấp huyện .....	22
1.2.1. Khái niệm, đặc điểm quản lý thu ngân sách Nhà nước cấp huyện .....	22
1.2.2. Sự cần thiết quản lý thu ngân sách Nhà nước cấp huyện.....	24
1.2.3. Nội dung quản lý thu ngân sách Nhà nước cấp huyện.....	26
1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý thu ngân sách Nhà nước cấp huyện....	36
1.3.1. Thể chế, cơ chế chính sách liên quan đến thu ngân sách Nhà nước .....	36
1.3.2. Bộ máy tổ chức, quản lý và con người .....	36
1.3.3. Trình độ phát triển kinh tế xã hội của địa phương.....	37
1.4. Kinh nghiệm quản lý thu NSNN của một số địa phương và bài học rút ra có thể nghiên cứu áp dụng tại thành phố Nha Trang.....	38
1.4.1. Kinh nghiệm quản lý thu ngân sách của huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.....	38
1.4.2. Kinh nghiệm quản lý thu ngân sách của thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa .....	39

1.4.3. Bài học rút cho thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.....	41
<b><i>Tóm tắt chương 1</i></b> .....	43
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA.....</b>	44
2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của thành phố Nha Trang ảnh hưởng đến thu ngân sách Nhà nước .....	44
2.1.1. Điều kiện tự nhiên.....	44
2.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Nha Trang.....	46
2.1.3. Tình hình thu ngân sách Nhà nước giai đoạn 2014 – 2016 .....	48
2.2. Thực trạng quản lý thu ngân sách Nhà nước thành phố Nha Trang giai đoạn 2014 – 2016.....	50
2.2.1. Tình hình ban hành văn bản quản lý thu NSNN trên địa bàn.....	50
2.2.2. Tổ chức bộ máy thu NSNN tại Thành phố Nha Trang .....	51
2.2.3. Công tác quản lý thu thuế.....	51
2.2.4. Công tác quản lý thu phí, lệ phí.....	56
2.2.5. Công tác lập dự toán thu ngân sách.....	56
2.2.6. Thực hiện dự toán thu ngân sách.....	61
2.2.7. Công tác quyết toán thu ngân sách Nhà nước .....	66
2.2.8. Thanh tra, kiểm tra quản lý thu ngân sách Nhà nước .....	70
<b><i>Tóm tắt chương 2</i></b> .....	76
<b>Chương 3 ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN QUẢN LÝ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA.....</b>	77
3.1. Định hướng hoàn thiện quản lý thu NSNN tại thành phố Nha Trang .....	77
3.1.1. Định hướng phát triển KT - XH của thành phố Nha Trang đến 2020..	77
3.1.2. Các quan điểm hoàn thiện quản lý thu NSNN thành phố Nha Trang ..	80
3.2. Giải pháp hoàn thiện quản lý thu NSNN tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa .....	81

3.2.1. Nhóm giải pháp chung .....	81
3.2.2. Nhóm giải pháp chuyên môn.....	86
3.2.3. Nhóm giải pháp điều kiện thực hiện .....	92
3.3. Các kiến nghị với Nhà nước, chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan trong quản lý thu NSNN .....	97
3.3.1. Kiến nghị với Quốc hội và Chính phủ.....	97
3.3.2. Kiến nghị với Bộ Tài chính.....	97
3.3.3. Kiến nghị với UBND tỉnh Khánh Hòa và thành phố Nha Trang.....	99
<b><i>Tóm tắt chương 3</i></b> .....	100
<b>KẾT LUẬN</b> .....	101
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	102

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CNTT:	Công nghệ thông tin
DNNN:	Doanh nghiệp Nhà nước
GTGT:	Giá trị gia tăng
HĐND:	Hội đồng nhân dân
KBNN:	Kho bạc Nhà nước
KT- TM:	Kinh tế thương mại
KT- XH:	Kinh tế- xã hội
NSĐP:	Ngân sách địa phương
NSNN:	Ngân sách Nhà nước
NSTW:	Ngân sách trung ương
TNCN:	Thu nhập cá nhân
UBND:	Ủy ban nhân dân



## **DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU**

Sơ đồ 1.1: Hệ thống NSNN hiện hành của Việt Nam.....	19
Sơ đồ 2.1: Tổ chức, quản lý NSNN trên địa bàn thành phố Nha Trang .....	51
Bảng 2.1: Một số chỉ tiêu thu, chi NSNN thành phố Nha Trang 2014 – 2016.....	49
Bảng 2.2: Tổng hợp dự toán thu NSNN trên địa bàn thành phố Nha Trang theo từng lĩnh vực (2014-2016).....	60
Bảng 2.3: Tổng hợp quyết toán thu NSNN trên địa bàn thành phố Nha Trang theo từng lĩnh vực (2014-2016) .....	64
Bảng 2.4: Tổng hợp Tình hình thu NSNN trên địa bàn thành phố Nha Trang theo từng sắc thuế (2014-2016).....	65
Bảng 2.5: Tổng hợp thực hiện so với dự toán thu NSNN trên địa bàn thành phố Nha Trang theo từng lĩnh vực (2014-2016).....	69

# MỞ ĐẦU

## 1. Tính cấp thiết của đề tài luận văn

NSNN là công cụ điều chỉnh vĩ mô nền kinh tế thị trường, định hướng phát triển sản xuất, điều tiết thị trường, bình ổn giá cả, điều chỉnh đời sống xã hội. NSNN là công cụ định hướng hình thành cơ cấu kinh tế mới, kích thích phát triển sản xuất kinh doanh và chống độc quyền. Bằng cách sử dụng hợp lý, cân đối NSNN, Chính phủ sẽ hướng hoạt động của các chủ thể trong nền kinh tế vận động theo đúng định hướng đã đề ra, tạo điều kiện cho nền kinh tế phát triển ổn định và bền vững.

Những năm qua, mặc dù công tác quản lý thu ngân sách được thành phố Nha Trang đặc biệt chú trọng nhưng vẫn còn có những hạn chế nhất định. Việc tập trung thực hiện các chính sách, chiến lược và các giải pháp tạo mới, nuôi dưỡng, kích thích tăng trưởng nguồn thu gắn với việc thu đúng, thu đủ nhằm phát huy được nội lực trong phát triển kinh tế xã hội đã và đang được chính quyền địa phương đặt lên làm nhiệm vụ hàng đầu.

Vì vậy, việc nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện, cụ thể về lý luận và thực tiễn đối với hoạt động quản lý thu NSNN là một đòi hỏi bức xúc đang được đặt ra hiện nay, đặc biệt ở thành phố Nha Trang.

Xuất phát từ những lý do như trên, tác giả chọn nghiên cứu đề tài: ***“Quản lý thu ngân sách Nhà nước tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa”*** nhằm tìm ra những hạn chế trong công tác quản lý và nghiên cứu những giải pháp tổ chức thực hiện trong quá trình quản lý điều hành thu ngân sách tại địa phương, góp phần hoàn thành tốt kế hoạch phát triển KT - XH của địa phương.

## **2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn**

NSNN là vấn đề được các nhà quản lý cũng như nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Vì vậy đã có những công trình nghiên cứu về NSNN theo nhiều khía cạnh, góc độ và phạm vi khác nhau. Trong đó có những công trình nghiên cứu với phạm vi quốc gia, có những đề tài nghiên cứu đối với từng địa phương cụ thể. Một số đề tài, công trình nghiên cứu tại Việt Nam có thể nêu ra ở đây là:

*“Hoàn thiện quản lý thu thuế của Nhà nước nhằm tăng cường sự tuân thủ thuế của doanh nghiệp (nghiên cứu tình huống của Hà Nội)”*, Luận án tiến sỹ kinh tế, trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009).

*“Hoàn thiện phân cấp quản lý thu chi ngân sách Nhà nước đối với chính quyền địa phương qua thực tiễn khảo sát tại tỉnh Quảng Trị”*- luận văn thạc sỹ của tác giả Trần Thị Hồng Hạnh năm 2007 đã trình bày việc thực hiện phân cấp thu chi NSNN đối với chính quyền địa phương, khảo sát và đánh giá thực tiễn công tác này tại tỉnh Quảng Trị, từ đó đã đề ra các nhóm giải pháp hoàn thiện.

*“Giải pháp tăng cường nguồn thu ngân sách trên địa bàn thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh”* luận văn thạc sỹ của tác giả Nguyễn Thị Lan Anh (2010) đã đề cập đến thực trạng về thu NSNN tại thành phố Bắc Ninh và đưa ra các giải pháp nhằm tăng thu ngân sách trên địa bàn thành phố.

*“Hoàn thiện công tác quản lý ngân sách Nhà nước trên địa bàn thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ”* luận văn thạc sỹ kinh tế của tác giả Hoàng Thị Ánh Tuyết (2014). Luận văn đề xuất một số giải pháp hoàn thiện cơ chế quản lý thu, chi NSNN trên địa bàn, phù hợp với yêu cầu thực tiễn tại thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

*“Quản lý thu ngân sách Nhà nước tại huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định”* luận văn thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng tại Học viện Hành chính Quốc gia của Lê Kiều Anh (2015). Tác giả đã đưa ra nhiều giải pháp hoàn thiện quản lý thu ngân sách trên cơ sở khai thác lợi thế so sánh tại huyện Vụ Bản.

*“Quản lý thu ngân sách Nhà nước tại quận Đống Đa, thành phố Hà Nội”* luận văn thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng tại Học viện Hành chính Quốc gia của Nguyễn Đức Anh (2015). Luận văn đã khái quát lại những lý luận cơ bản về NSNN, quản lý thu, chi ngân sách đồng thời khảo sát phân tích thực trạng quản lý thu NSNN tại quận Đống Đa từ năm 2012 đến 2014. Bên cạnh đó tác giả đã đề xuất một số quan điểm và giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện quản lý thu NSNN của quận Đống Đa.

Ngoài ra, một số các luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học khác, nghiên cứu về NSNN nhưng tập trung vào các nội dung như kiểm soát thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý chi NSNN.

Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ và hệ thống về quản lý thu NSNN tại thành phố Nha Trang. Vì vậy, việc học viên chọn đề tài *“Quản lý thu ngân sách Nhà nước tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa”* là đề tài mới và không trùng lặp với các đề tài đã được công bố.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn**

#### **3.1. Mục đích**

Trên cơ sở hệ thống lý luận quản lý Nhà nước về thu NSNN, đề tài đi sâu phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý thu NSNN tại thành phố Nha Trang trong thời gian qua, nêu lên những hạn chế và nguyên nhân để từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thu NSNN tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa trong thời gian tới.

### **3.2. Nhiệm vụ**

Trên cơ sở mục đích nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu cụ thể của đề tài là:

- Hệ thống hóa lý luận cơ bản về NSNN, thu NSNN và quản lý thu NSNN.

- Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý thu NSNN tại thành phố Nha Trang từ năm 2014 đến năm 2016 và chỉ ra những vấn đề bất cập cần xử lý.

- Đề xuất hệ thống giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý thu NSNN tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa trong thời gian tới.

## **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn**

### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là hoạt động quản lý thu NSNN trên địa bàn thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

+ Không gian: tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

+ Thời gian: Từ năm 2014 đến năm 2016 và định hướng đến năm 2020.

## **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận văn**

### **5.1. Phương pháp luận**

Đề tài nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

### **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

#### **Phương pháp thu thập thông tin**

- Những số liệu được thu thập trong đề tài phục vụ cho nghiên cứu chủ yếu là số liệu thứ cấp.

- Các số liệu thứ cấp sử dụng trong đề tài nhằm nghiên cứu, phân tích, phản ánh về điều kiện tự nhiên, KT - XH, tình hình thực hiện thu ngân sách của thành phố được thu thập từ sách, báo, tạp chí, các trang Web, các báo cáo

của một số phòng chức năng của thành phố như phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố, để lựa chọn thông tin, số liệu phục vụ trong quá trình nghiên cứu đề tài.

Thu thập thông tin qua các báo cáo quyết toán thu, chi NSNN thành phố Nha Trang qua các năm của UBND thành phố Nha Trang; một số báo cáo Dự toán thu - chi ngân sách của thành phố Nha Trang qua các năm; tài liệu về tình hình phát triển kinh tế thành phố giai đoạn 2014-2016. Chủ yếu khai thác ở các nội dung: Tình hình tăng trưởng chung của nền kinh tế thành phố; cơ cấu kinh tế thành phố; tốc độ tăng trưởng kinh tế của một số ngành kinh tế mũi nhọn để tiến hành phân tích những biến động của thu và các thành phần thu NSNN.

Dựa trên những tài liệu thu thập, tiến hành đối chiếu giữa thực trạng thu và tiềm năng thu NSNN trên địa bàn thành phố để thấy được vấn đề đặt ra hiện tại của thành phố trong việc quản lý thu, khai thác và nuôi dưỡng nguồn thu NSNN. Phân tích sâu để tìm ra những nguyên nhân dựa trên một số tiêu chí như: Tăng trưởng kinh tế, cơ chế chính sách, tổ chức thực hiện thu và quản lý thu NSNN; qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm hướng tới mục tiêu tăng thu NSNN trên địa bàn thành phố trong những năm tiếp theo.

### **Phương pháp tổng hợp thông tin**

Tổng hợp và xử lý thông tin, sử dụng các công cụ tính toán trên phần mềm Excel: Nhập dữ liệu và tổng hợp theo các mục đích nghiên cứu, trên cơ sở thống kê mô tả, so sánh, ...

### **Phương pháp phân tích đánh giá**

#### *Phương pháp thống kê mô tả*

Sau khi thu thập số liệu, tiến hành phân bổ thống kê và tổng hợp thống kê, tính toán các loại số tuyệt đối, tương đối, số bình quân và một số chỉ số khác. Sử dụng các chỉ tiêu số tuyệt đối, số tương đối, số bình quân để so sánh

và phân tích làm rõ thực trạng thu ngân sách và quản lý thu NSNN của thành phố. Qua đó đánh giá được các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thu ngân sách của thành phố.

### *Phương pháp thống kê so sánh*

Đây là phương pháp được áp dụng rất phổ biến. So sánh trong phân tích là đối chiếu các chỉ tiêu, các hiện tượng kinh tế đã được lượng hóa có cùng một nội dung. Bao gồm so sánh qua các năm, so sánh việc thực hiện thu so với kế hoạch, có tính chất tương tự để xác định xu hướng biến động của các chỉ tiêu. Nó cho ta tổng hợp được những cái chung, tách ra được những nét riêng của chỉ tiêu được so sánh. Trên cơ sở đó có thể đánh giá được một cách khách quan thực trạng thu ngân sách của thành phố. Từ đó đưa ra cách giải quyết, các giải pháp nhằm đạt được hiệu quả tối ưu.

Trong luận văn có sử dụng các tài liệu, số liệu đã công bố liên quan đến đề tài.

## **6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn**

### **6.1. Ý nghĩa lý luận**

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về NSNN, thu NSNN, quản lý thu NSNN.
- Hệ thống hóa nội dung chủ yếu của NSNN, thu NSNN, quản lý thu NSNN.
- Chỉ ra mục đích, yêu cầu và nguyên tắc cũng như phương thức và công cụ quản lý thu NSNN.

### **6.2. Về thực tiễn**

Trên cơ sở đánh giá thực trạng, tham chiếu giữa lý luận và thực tiễn, so sánh với kinh nghiệm của các nước, từ đó nêu ra được hệ thống các giải pháp và những kiến nghị có tính khả thi nhằm hoàn thiện quản lý thu NSNN tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

## **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm có 3 chương:

***Chương 1: Cơ sở khoa học về quản lý thu ngân sách Nhà nước***

***Chương 2: Thực trạng quản lý thu ngân sách Nhà nước tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa***

***Chương 3: Định hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý thu ngân sách Nhà nước tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa***



## ***Chương 1:***

# **CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ QUẢN LÝ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

## **1.1. Tổng quan về thu ngân sách Nhà nước**

### ***1.1.1. Thu ngân sách Nhà nước***

#### ***1.1.1.1. Ngân sách Nhà nước***

Ngân sách Nhà nước là một phạm trù kinh tế và là phạm trù lịch sử. Nó là một thành phần trong hệ thống tài chính, phản ánh các quan hệ kinh tế phát sinh gắn liền với quá trình tạo lập, phân phối, sử dụng quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước khi Nhà nước tham gia phân phối các nguồn tài chính quốc gia nhằm thực hiện các chức năng của mình trên cơ sở luật định. Thuật ngữ "ngân sách Nhà nước" được sử dụng rộng rãi trong đời sống KT - XH ở mọi quốc gia. Nhưng quan niệm về NSNN lại chưa thống nhất. Có nhiều định nghĩa khác nhau về NSNN tùy theo các trường phái, các lĩnh vực nghiên cứu.

Theo Luật NSNN số 83/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 25/06/2015: “*Ngân sách Nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước*”.

Thu NSNN được lấy từ mọi lĩnh vực KT - XH khác nhau. Bao gồm các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí; các khoản thu từ hoạt động kinh tế của Nhà nước; các khoản đóng góp của các tổ chức và cá nhân; các khoản viện trợ; các khoản thu khác theo quy định của pháp luật. Trong đó, thuế là hình thức thu phổ biến dựa trên tính cưỡng chế là chủ yếu. Chi tiêu của NSNN nhằm thực hiện các chức năng của Nhà nước. Bao gồm các khoản chi phát triển KT - XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo đảm hoạt động của bộ máy Nhà nước; chi trả nợ của Nhà nước; chi viện trợ và các khoản chi khác theo quy định pháp luật.

NSNN là một hệ thống bao gồm các cấp ngân sách phù hợp với hệ thống chính quyền Nhà nước các cấp, được phân thành ngân sách Trung ương (NSTW) và ngân sách địa phương (NSDP). NSTW là ngân sách của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan khác ở Trung ương. NSDP bao gồm ngân sách của đơn vị hành chính các cấp có Hội đồng nhân dân (HĐND) và UBND. Tương ứng với các cấp ngân sách của hệ thống NSNN, quỹ NSNN được chia thành: quỹ ngân sách của Trung ương, quỹ ngân sách của chính quyền cấp tỉnh, quỹ ngân sách của chính quyền cấp huyện, quỹ ngân sách của chính quyền cấp xã. Quỹ ngân sách các cấp gồm nhiều phần nhỏ để sử dụng cho các lĩnh vực khác nhau: dùng cho phát triển kinh tế; dùng cho phát triển văn hoá, giáo dục, y tế; dùng cho các biện pháp xã hội, an ninh, quốc phòng...

#### *1.1.1.2. Khái niệm, đặc điểm thu ngân sách Nhà nước*

Để thực hiện chức năng của mình, Nhà nước cần có một khoản thu nhất định để trang trải các khoản chi phí đảm bảo cho sự tồn tại, phát triển bộ máy, các hoạt động quản lý xã hội và đảm nhận các khoản chi phí phục vụ cho mục đích công cộng khác. Do đó, Nhà nước đã đặt ra các khoản thu (các khoản thuế khóa) để hình thành nên quỹ tiền tệ của mình, tạo tiền đề về vật chất cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

Thực chất, thu NSNN là việc Nhà nước dùng quyền lực để tập trung một phần nguồn tài chính quốc gia hình thành quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước. Đồng thời thu NSNN cũng là một kênh phân phối thu nhập quốc dân trong hệ thống tài chính quốc gia. Về phương diện pháp lý, thu NSNN bao gồm những khoản tiền Nhà nước huy động vào ngân sách để thỏa mãn nhu cầu chi tiêu của Nhà nước. Về bản chất, thu NSNN là hệ thống những quan hệ kinh tế phát sinh trong quá trình Nhà nước dùng quyền lực chính trị để

thực hiện phân phối các nguồn tài chính nhằm hình thành quỹ tiền tệ của Nhà nước.

Như vậy: *Thu NSNN là quá trình Nhà nước sử dụng quyền lực công để tập trung một bộ phận của cải xã hội hình thành nên quỹ NSNN phục vụ chi dùng của Nhà nước.* (Giáo trình bồi dưỡng công chức Kho bạc, 2016).

Nhà nước tập trung một phần nguồn lực xã hội vào tay mình bằng cách phân chia các nguồn lực của xã hội giữa Nhà nước với các chủ thể khác trong nền kinh tế dựa trên quyền lực chính trị của Nhà nước. Sự phân chia đó là tất yếu khách quan xuất phát từ yêu cầu tồn tại và phát triển của bộ máy Nhà nước, cũng như việc thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Nhà nước.

*Đặc điểm thu ngân sách Nhà nước:*

Thu NSNN chỉ bao gồm những khoản tiền Nhà nước huy động vào ngân sách mà không bị ràng buộc bởi trách nhiệm hoàn trả trực tiếp cho đối tượng nộp.

Các khoản thu cho ngân sách gắn liền với chức năng, nhiệm vụ và quyền lực chính trị của Nhà nước. Ngược lại đây cũng là tiền đề vật chất quan trọng không thể thiếu để Nhà nước duy trì hoạt động, phát triển bộ máy, thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của mình.

Mọi khoản thu đều được thể chế hóa bởi các chính sách, pháp luật và được thực hiện theo nguyên tắc hoàn trả không trực tiếp là chủ yếu.

Trong các nguồn thu ngân sách, nguồn thu nội địa phải luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất. Vì đây là nguồn thu có sự bền vững hơn các nguồn thu từ nước ngoài (vay nợ, nhận viện trợ...), các nguồn thu có liên quan đến các yếu tố bên ngoài (thuế nhập khẩu, tiền bán tài nguyên thiên nhiên...). Thuế là nguồn thu ngân sách chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn nhất vì nó được trích từ những giá trị do nền kinh tế tạo ra và mang tính bắt buộc cao.

Chính sách thu NSNN phải dựa trên các căn cứ cụ thể và khoa học. Đó là căn cứ vào tình hình hiện thực của nền kinh tế, mức độ phát triển kinh tế, tỷ lệ tăng trưởng GDP, các định hướng phát triển kinh tế... Đây là các yếu tố khách quan hình thành nên các khoản thu và cũng là cơ sở để nhà nước quyết định mức độ động viên vào NSNN.

### *1.1.1.3. Các nguồn thu ngân sách Nhà nước*

#### **- Thuế**

Thuế là hình thức động viên bắt buộc một phần thu nhập của cá nhân, doanh nghiệp cho Nhà nước có thể bằng hình thức trực tiếp (thuế đánh vào thu nhập) hoặc gián tiếp (thuế GTGT, thuế xuất nhập khẩu...).

Trong các nội dung thu NSNN thì nguồn thu từ thuế chiếm chủ yếu và có tính bền vững cao do được trích từ một phần giá trị của hoạt động sản xuất, kinh doanh, và cũng là một công cụ hữu hiệu của Nhà nước dùng để điều tiết các hoạt động của nền kinh tế.

Tiền thu từ thuế không hoàn trả trực tiếp mà hoàn trả gián tiếp và không tương đương dưới hình thức người chịu thuế được hưởng các hàng hoá, dịch vụ Nhà nước cung cấp không mất tiền hoặc với giá thấp và không phân biệt giữa người nộp thuế nhiều hay ít.

#### **- Phí và lệ phí**

Phí và lệ phí là khoản thu có tính chất bắt buộc, nhưng mang tính đối giá, nghĩa là phí và lệ phí thực chất là khoản tiền mà mọi công dân trả cho Nhà nước khi họ hưởng thụ các dịch vụ do Nhà nước cung cấp. So với thuế, tính pháp lý của phí và lệ phí thấp hơn. Phí gắn liền với vấn đề thu hồi một phần hay toàn bộ chi phí đầu tư đối với hàng hóa dịch vụ công cộng hữu hình. Lệ phí gắn liền với việc thụ hưởng những lợi ích do việc cung cấp các dịch vụ hành chính, pháp lý cho các thể nhân và pháp nhân.

### ***- Các khoản thu từ hoạt động kinh tế của Nhà nước***

Các khoản thu này bao gồm:

- + Lãi được chia cho nước chủ nhà và các khoản thu khác từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;
- + Các khoản thu hồi vốn của Nhà nước đầu tư tại các tổ chức kinh tế;
- + Thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước;
- + Thu phân lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp Nhà nước (DNNN);
- + Chênh lệch thu lớn hơn chi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- + Thu hồi tiền cho vay của Nhà nước (bao gồm cả gốc và lãi), trừ vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ.

### ***- Thu từ hoạt động dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập***

Các khoản thu được thu từ bán sản phẩm của các đơn vị sự nghiệp như thu tiền kiểm định xe cơ giới, tiền dịch vụ khám chữa bệnh, tiền bán sách do trường tự in ấn... hay là khoản chênh lệch giữa thu và chi của các đơn vị hoạt động sự nghiệp có thu.

### ***- Các khoản thu khác***

- + Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;
- + Thu từ bán tài sản Nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan, đơn vị, tổ chức của Nhà nước quản lý.
- + Tiền sử dụng đất; tiền cho thuê đất, thuê mặt nước; tiền sử dụng khu vực biển; tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước.
- + Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước; thu cấp quyền khai thác khoáng sản, thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

+ Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật.

+ Các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

+ Các khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân ở ngoài nước cho Nhà nước, chính phủ Việt Nam, cho cơ quan Nhà nước ở địa phương.

+ Thu từ quỹ dự trữ tài chính theo quy định tại Điều 11 Luật Ngân sách Nhà nước.

+ Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

#### *1.1.1.4. Vai trò của thu ngân sách Nhà nước*

NSNN có vai trò rất quan trọng trong toàn bộ hoạt động KT - XH, an ninh, quốc phòng và đối ngoại của đất nước và bao gồm hai hoạt động thu và chi ngân sách. Vai trò của NSNN luôn gắn liền với vai trò của Nhà nước theo chiến lược, định hướng phát triển của KT - XH trong từng thời kỳ nhất định. Trong đó, vai trò của thu NSNN có thể được xem xét trên hai khía cạnh là công cụ tập trung nguồn lực tài chính để đảm bảo nhu cầu chi tiêu của Nhà nước và góp phần tổ chức quản lý nền kinh tế.

***- Thu NSNN là công cụ tập trung nguồn lực tài chính đảm bảo nhu cầu chi tiêu của Nhà nước***

Thu NSNN có vai trò bảo đảm nguồn vốn huy động để thực hiện các nhu cầu chi tiêu, các kế hoạch phát triển KT-XH của Nhà nước. Vai trò này xuất phát từ sự cần thiết khách quan của việc ra đời Nhà nước và chức năng quản lý KT - XH của Nhà nước và được xem là một nhiệm vụ hàng đầu của hoạt động tài chính vĩ mô.

Các nguồn tài chính này có thể được động viên cả ở trong nước và từ nước ngoài, từ mọi lĩnh vực hoạt động và mọi thành phần kinh tế, dưới nhiều

hình thức khác nhau. Các khoản thu NSNN chủ yếu bắt nguồn từ khu vực sản xuất kinh doanh dịch vụ dưới hình thức thuế. Do vậy, về lâu dài để tăng thu NSNN phải tăng sản phẩm quốc dân, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Mức động viên các nguồn tài chính từ các chủ thể trong nguồn kinh tế đòi hỏi phải hợp lí, mức động viên phải hợp lý không quá cao hoặc quá thấp. Vì vậy cần phải xác định mức huy động vào NSNN một cách phù hợp với khả năng đóng góp tài chính của các chủ thể trong nền kinh tế.

Ngoài thu NSNN, Nhà nước cũng phải thực hiện các khoản vay bù đắp cho sự thiếu hụt nếu các khoản thu không đủ để trang trải các khoản chi tiêu.

#### ***- Thu NSNN góp phần tổ chức quản lý nền kinh tế***

Thu ngân sách ngoài vai trò huy động nguồn lực tài chính cho nhu cầu chi tiêu của Nhà nước còn góp phần trong tổ chức quản lý nền kinh tế. Thông qua thu ngân sách, Nhà nước thực hiện việc quản lý và điều tiết vĩ mô nền KT-XH nhằm hạn chế những khuyết điểm, phát huy những mặt tích cực của nó và làm cho nền kinh tế hoạt động ngày càng hiệu quả hơn.

Nhà nước dùng quyền lực của mình đặt ra các chính sách về thuế để can thiệp vào hoạt động của nền kinh tế nhằm định hướng cơ cấu kinh tế, định hướng tiêu dùng. Việc điều chỉnh các mức thuế suất, xét về mặt sản xuất có thể làm thay đổi quyết định đầu tư của nhà đầu tư, xét về mặt tiêu dùng có thể thay đổi nhu cầu tiêu dùng của nền kinh tế. Các mức thuế suất khác nhau, các ưu đãi về thuế sẽ định hướng đầu tư; điều chỉnh các cơ cấu của nền kinh tế. Hoặc để định hướng tiêu dùng cho toàn xã hội theo hướng kích cầu hay hạn chế cầu tiêu dùng thì Nhà nước sẽ giảm thuế hoặc đánh thuế cao với loại hàng hóa đó.

Ngoài ra, thu ngân sách cùng với hoạt động chi ngân sách đảm nhận vai trò điều tiết thu nhập giữa các tầng lớp dân cư trong xã hội góp phần thực hiện công bằng xã hội. Thông qua thuế thu nhập, Chính phủ sẽ khấu trừ thu

nhập của các cá nhân theo những tỷ lệ khác nhau. Sau đó, doanh thu thuế lại được sử dụng một phần cho các chương trình thanh toán chuyên nhượng nhằm trợ giúp cho người nghèo. Bằng cách này, Chính phủ có thể giảm bớt phần nào giảm bớt những bất bình đẳng về thu nhập trong xã hội. Ngoài ra, thuế đánh vào hàng hóa còn tạo ra những gánh nặng khác nhau cho các nhóm người khác nhau trong xã hội, tạo ra tương quan phân phối thu nhập và lợi ích giữa các nhóm khác người khác nhau.

### ***1.1.2. Các nhân tố tác động đến thu ngân sách Nhà nước***

#### ***1.1.2.1. Thu nhập GDP bình quân đầu người***

Chỉ tiêu GDP bình quân đầu người phản ánh tốc độ tăng trưởng và phát triển của một quốc gia. Mức GDP bình quân đầu người càng cao thì khả năng tiêu dùng của dân chúng được bảo đảm. Đồng thời người dân cũng có điều kiện tiết kiệm để đầu tư vào sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy kinh tế tăng trưởng và phát triển và ngược lại.

GDP bình quân đầu người cũng là nhân tố làm cơ sở để quyết định mức động viên của NSNN. Nếu không tính đến chỉ tiêu này khi xác định mức động viên của ngân sách sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến các vấn đề tiết kiệm, tiêu dùng và đầu tư trong nền kinh tế và ảnh hưởng ngược lại đến thu ngân sách trong tương lai.

#### ***1.1.2.2. Tỷ suất doanh lợi trong nền kinh tế***

Tỷ suất lợi nhuận trong nền kinh tế phản ánh hiệu quả của đầu tư phát triển kinh tế. Tỷ suất lợi nhuận càng cao phản ánh hiệu quả đầu tư càng lớn và ngược lại. Tỷ suất lợi nhuận cao, nguồn tài chính lớn mới có khả năng để quyết định đến việc nâng cao tỷ lệ động viên của NSNN.

Dựa vào tỷ suất lợi nhuận để xác định mức độ động viên vào NSNN sẽ tránh được việc các chính sách, các quy định về thu nộp ngân sách gây khó



khăn về tài chính cho hoạt động kinh tế, làm ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh của các cá nhân, tổ chức trong nền kinh tế.

#### *1.1.2.3. Khả năng khai thác và xuất khẩu nguồn tài nguyên thiên nhiên*

Việc khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên có giá trị xuất khẩu lớn như dầu mỏ, các loại kim loại quý sẽ đem lại nguồn thu to lớn cho NSNN. Với cùng một điều kiện phát triển kinh tế, quốc gia nào có tỷ trọng xuất khẩu dầu mỏ và khoáng sản lớn thì tỷ lệ thu NSNN cũng lớn hơn. Tuy nhiên sản lượng khai thác các nguồn tài nguyên này cần phải được lên kế hoạch trong từng thời kỳ, phải được tính toán khoa học, tránh tình trạng khai thác tràn lan, tận thu dẫn đến cạn kiệt.

#### *1.1.2.4. Mức độ trang trải các khoản chi phí của Nhà nước*

Thu NSNN là nhằm mục đích trang trải các chi phí của chính phủ, mức chi tiêu của Chính phủ càng cao thì một trong các biện pháp là nâng tỷ lệ đóng viên vào NSNN. Trong khi đó, mức độ trang trải chi phí của Chính phủ phụ thuộc vào các nhân tố: quy mô tổ chức và hiệu quả hoạt động của bộ máy Nhà nước, đường lối, chủ trương và các nhiệm vụ phát triển KT - XH đảm bảo quốc phòng an ninh trong từng thời kỳ, chính sách chi tiêu của Nhà nước.

Trong điều kiện các nguồn tài trợ khác cho chi phí Nhà nước không có khả năng tăng lên, việc tăng mức độ chi phí sẽ dẫn đến áp lực thu NSNN phải tăng lên. Tăng thu ngân sách để đảm bảo các nhu cầu chi tiêu của Nhà nước cần có giới hạn, vì tăng thu quá mức lại làm cho tốc độ tăng trưởng chậm lại ảnh hưởng đến thu ngân sách trong tương lai. Do vậy, Nhà nước cần phải thực hiện nghiêm túc các kế hoạch ứng dụng khoa học công nghệ vào cải cách hành chính, tinh giảm biên chế, hạn chế các khoản chi thường xuyên nhằm thu gọn bộ máy hành chính, giảm gánh nặng cho NSNN. Trong việc hoạch định các chính sách, Nhà nước phải có một chương trình phát triển KT - XH thận trọng trên cơ sở khoa học và

thực tiễn để đạt hiệu quả cao. Từ đó xác lập chính sách chi tiêu có hiệu quả và tiết kiệm để giải quyết hài hoà quan hệ thu - chi ngân sách.

#### *1.1.2.5. Tổ chức bộ máy thu nộp*

Nhân tố này ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả thu. Do vậy trong hoạt động thu cần phải: tổ chức bộ máy thu nộp gọn nhẹ, đạt hiệu quả, chống được thất thu do trốn, lậu thuế góp phần tích cực tăng hiệu quả thu NSNN. Trong tổ chức thu nộp ngân sách phải đảm bảo bao quát toàn bộ nguồn thu, thu đúng, thu đủ, thu theo luật định, thu ngân sách được nhiều nhất, chi phí thu ít nhất.

Ngoài các nhân tố trên có nhiều nhân tố khác có ảnh hưởng đến thu NSNN đó là: các điều kiện tự nhiên về tài nguyên và khả năng khai thác tài nguyên thiên nhiên, tỷ lệ tiết kiệm để đầu tư của nền kinh tế, tính ổn định của hệ thống chính trị, các chính sách thu của Nhà nước và hệ thống luật pháp...

Trong từng giai đoạn cụ thể, Nhà nước cần phải phân tích, đánh giá cụ thể các nhân tố tác động đến thu ngân sách để có chính sách thu đúng đắn và phù hợp với sự phát triển của KT - XH.

### ***1.1.3. Thu ngân sách cấp huyện trong hệ thống ngân sách Nhà nước***

#### *1.1.3.1. Hệ thống ngân sách Nhà nước*

Ở Việt Nam, việc tổ chức hệ thống ngân sách cũng dựa vào hệ thống các đơn vị hành chính. Trong lịch sử, không phải mỗi cấp chính quyền luôn luôn là một cấp ngân sách. Cơ cấu của hệ thống NSNN đã có những thay đổi nhất định theo thời gian.

Sau Cách mạng tháng Tám cho tới trước năm 1967, nước ta chỉ có một ngân sách duy nhất, đó là NSNN. Không có sự phân định thẩm quyền giữa các cấp chính quyền Nhà nước trong quản lý NSNN. Mọi hoạt động huy động các nguồn tài chính đều nhằm hình thành quỹ NSNN tập trung và mọi chi tiêu từ quỹ tiền tệ này đều nhằm mục tiêu chung của cả nước là “kháng chiến thắng lợi”

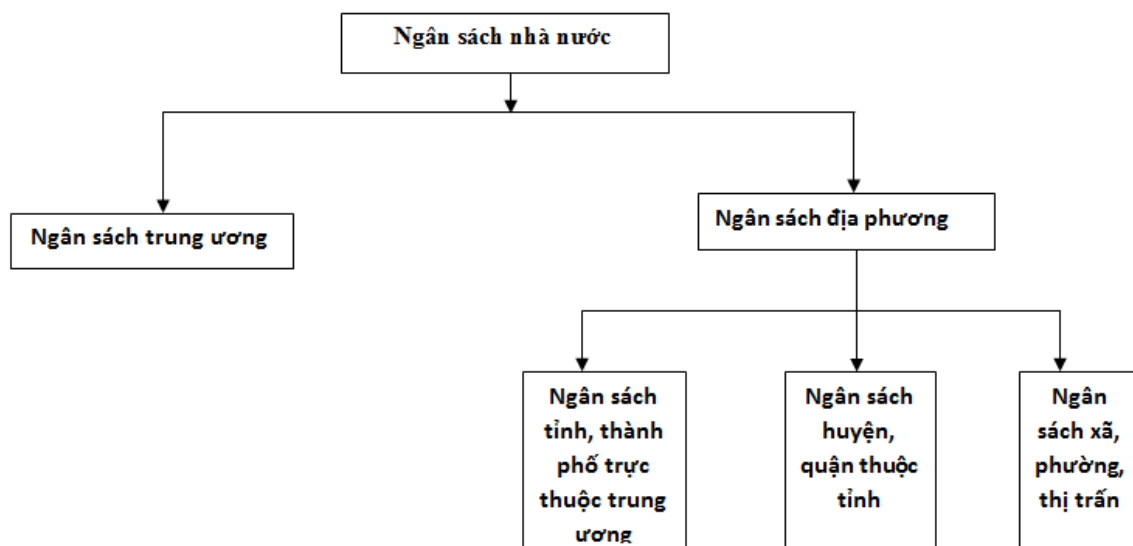
Đến năm 1967, bắt đầu có sự phân cấp quản lý ngân sách. Theo đó, hệ thống NSNN gồm hai cấp: NSTW và ngân sách cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tuy nhiên, Chính phủ chỉ phân giao cho chính quyền địa phương thực hiện một số nghiệp vụ nhất định trong hoạt động của NSNN có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ phát triển KT - XH của cấp chính quyền trên địa bàn mình quản lý. Thực tế đã cho thấy, tổ chức hệ thống NSNN theo mô hình này đã không khuyến khích các cấp chính quyền địa phương phát huy tính chủ động, sáng tạo trong việc khai thác và huy động nguồn tài chính trên địa bàn để phục vụ nhu cầu phát triển KT - XH của địa phương mình. Từ đó tạo tư tưởng ỷ lại, trông chờ của các đơn vị hành chính cấp tỉnh vào sự trợ giúp của ngân sách cấp tỉnh; còn cấp tỉnh lại dựa dẫm vào sự tài trợ từ cấp Trung ương.

Để khắc phục tình trạng trên, đến năm 1978, Chính phủ đã quy định trách nhiệm, quyền hạn của chính quyền cấp tỉnh và cấp huyện về quản lý tài chính và ngân sách. Theo đó NSDP được chia thành hai cấp: ngân sách tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương và ngân sách huyện/quận. Việc thừa nhận hệ thống NSNN gồm ba cấp đã phần nào khắc phục nhược điểm của hệ thống ngân sách hai cấp, khuyến khích địa phương khai thác tiềm năng và thế mạnh trong việc huy động các nguồn thu phát sinh trên địa bàn mình quản lý.

Nhằm tạo điều kiện cho chính quyền cấp xã có phương tiện tài chính để thực thi nhiệm vụ được giao, năm 1983 Chính phủ đã ban hành quyết định nêu rõ chính quyền cấp xã cũng được coi là một cấp ngân sách. Từ đây hệ thống NSNN Việt Nam gồm bốn cấp: NSTW, ngân sách tỉnh/thành phố, ngân sách huyện/quận và ngân sách xã/phường đã được thừa nhận và áp dụng tại Việt Nam và vẫn được duy trì cho đến nay.

Hiện nay, theo Luật NSNN (2015) thì “NSNN gồm NSTW và NSDP”. NSDP bao gồm ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện và ngân

sách cấp xã. Cụ thể, cơ cấu hệ thống NSNN hiện hành của Việt Nam được mô tả theo sơ đồ sau:



### ***Sơ đồ 1.1: Hệ thống NSNN hiện hành của Việt Nam***

Trong hệ thống ngân sách này, Quốc hội chỉ phân giao nguồn thu và nhiệm vụ chi cụ thể cho NSTW. Đồng thời xác định tổng khối lượng thu, chi trong năm ngân sách cho NSDP, còn chính quyền nhân dân mỗi cấp địa phương sẽ quyết định phân phối thu, chi của cấp mình. Giữa các cấp ngân sách có sự tương tác lẫn nhau trong quá trình thu, chi NSNN. Hệ thống NSNN được điều hành tốt vừa là kết quả vừa là nguyên nhân của một nền KT - XH ổn định. Một cấp ngân sách được điều hành tốt không chỉ liên quan đến việc ổn định, thúc đẩy phát triển KT - XH trong phạm vi của cấp chính quyền tương ứng quản lý, mà còn góp phần vào việc điều hành ngân sách cấp khác, địa phương khác thuận lợi hơn và ngược lại.

#### ***1.1.3.2. Thu ngân sách Nhà nước cấp huyện***

##### ***Khái niệm***

Theo Bộ Tài chính, thì "Ngân sách huyện (quận) là quỹ tiền tệ tập trung của huyện (quận) được hình thành bằng các nguồn thu và đảm bảo các khoản chi trong phạm vi huyện (quận)"

Như vậy, thu NSNN cấp huyện có thể hiểu là toàn bộ các khoản thu mà chính quyền cấp huyện huy động vào quỹ ngân sách trong một thời kỳ để đáp ứng nhu cầu chi tiêu của Nhà nước. Nó chỉ bao gồm những khoản thu, mà chính quyền địa phương huy động vào ngân sách, không bị ràng buộc bởi trách nhiệm hoàn trả cho đối tượng nộp.

Nội dung thu NSNN cấp huyện bao gồm:

- (1) Thu thuế do các tổ chức, cá nhân nộp theo quy định của pháp luật;
- (2) Các khoản phí, lệ phí, thu từ các hoạt động sự nghiệp nộp vào ngân sách theo quy định của pháp luật;
- (3) Các khoản thu từ hoạt động kinh tế của Nhà nước theo quy định của pháp luật;
- (4) Các khoản thu từ đất: Tiền sử dụng đất; tiền cho thuê đất, tiền cho thuê và bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước; thu hoa lợi công sản và đất công ích;
- (5) Viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài cho địa phương;
- (6) Thu kết dư ngân sách;
- (7) Thu chuyển nguồn;
- (8) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật;
- (9) Huy động từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;
- (10) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước.

### ***Đặc điểm***

*Thứ nhất*, Huyện trực thuộc tỉnh là một cấp hành chính với những chức năng nhiệm vụ được quy định trong Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Cấp này chỉ mang tính độc lập tương đối, chịu sự lãnh đạo toàn diện của tỉnh.

*Thứ hai*, theo Luật NSNN hiện hành, ngân sách cấp huyện thuộc tỉnh là một cấp ngân sách hoàn chỉnh với nguồn thu và nhiệm vụ chi được quy định cụ thể.

*Thứ ba*, do không phải là cấp có thể hình thành các chính sách, chế độ về thu ngân sách nên nội dung thu của ngân sách huyện do tỉnh (cụ thể là HĐND và UBND tỉnh) quyết định,

*Thứ tư*, quy mô ngân sách huyện thường không ổn định qua các giai đoạn.

### ***Vai trò***

Thu NSNN cấp huyện có vai trò rất quan trọng trong toàn bộ hoạt động của Nhà nước và nền KT - XH, cụ thể là:

- Thu NSNN cấp huyện bảo đảm nguồn vốn để thực hiện các nhu cầu chi tiêu, các kế hoạch phát triển KT - XH của huyện, của Nhà nước. Vì NSNN được xem là quỹ tiền tệ tập trung quan trọng nhất của Nhà nước và được dùng để giải quyết những nhu cầu chung của Nhà nước về kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội, hành chính, an ninh và quốc phòng.

Xuất phát từ vai trò này, việc tăng thu NSNN cấp huyện là rất cần thiết, được xem là một nhiệm vụ hàng đầu của hoạt động tài chính vĩ mô.

- Thông qua thu NSNN, chính quyền cấp huyện, cấp tỉnh thực hiện việc quản lý và điều tiết vĩ mô nền KT - XH nhằm hạn chế những mặt khuyết tật, phát huy những mặt tích cực của địa phương và làm cho nó hoạt động ngày càng hiệu quả hơn, góp phần vào sự phát triển chung của tỉnh, của quốc gia.

- Thu NSNN cấp huyện còn đóng vai trò quan trọng trong vấn đề điều tiết thu nhập của các cá nhân trên địa bàn. Thông qua công cụ thuế, Nhà nước đánh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao hoặc đánh thuế cao đối với các hàng hóa xa xỉ, hàng hóa không khuyến khích tiêu dùng...

## **1.2. Quản lý thu ngân sách Nhà nước cấp huyện**

### **1.2.1. Khái niệm, đặc điểm quản lý thu ngân sách Nhà nước cấp huyện**

#### **1.2.1.1. Khái niệm**

Thu NSNN cấp huyện là quá trình Nhà nước tập trung một phần nguồn lực trong nền KT - XH tại địa phương vào tay Nhà nước. Trong thực hiện thu ngân sách, Nhà nước sử dụng nhiều công cụ và các biện pháp khác dựa trên quyền lực của mình trong điều hành quá trình thu nhằm quản lý hình thức thu, số thu ngân sách, và các nhân tố tác động đến thu ngân sách nhằm đảm bảo đảm bảo các mục đích, yêu cầu của thu ngân sách đã đề ra trong từng giai đoạn cụ thể.

Như vậy: Quản lý thu NSNN cấp huyện là quá trình Nhà nước sử dụng tổng hợp các công cụ, biện pháp dựa trên quyền lực chính trị của Nhà nước để tập trung các nguồn lực trong nền KT - XH tại địa phương cho Nhà nước theo quy định của pháp luật và kiểm soát các nhân tố ảnh hưởng đến thu ngân sách theo đúng mục tiêu mà Nhà nước đã đề ra.

Thu NSNN cấp huyện bao gồm các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí; các khoản thu từ hoạt động kinh tế của Nhà nước; các khoản đóng góp của các tổ chức và cá nhân; các khoản viện trợ; các khoản thu khác theo quy định của pháp luật. Trong đó, thu từ thuế là nguồn thu chiếm chủ yếu, có tính bền vững cao cũng là một trong các công cụ hữu hiệu của Nhà nước dùng để điều tiết các hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng trong nền kinh tế. Vì thế công tác quản lý thu NSNN, quản lý về thuế quan trọng và chủ yếu nhất. Để có thể phát huy tốt vai trò điều tiết vĩ mô của công cụ thuế thì hệ thống thuế phải được thường xuyên sửa đổi cho phù hợp với trình độ phát triển của KT - XH. Hệ thống thuế tốt không chỉ đảm bảo vận hành tốt trong hiện tại mà còn phải đi trước và có sự tiên lượng để quản lý các yêu cầu phát sinh trong tương lai,

khi đó quản lý về thu mới có thể đạt được hiệu quả cao và hạn chế được thất thu cho ngân sách.

Quản lý các nội dung thu ngoài thuế cũng có những ý nghĩa quan trọng nhất định. Quản lý về thu phạt có vai trò trong ổn định môi trường kinh tế - chính trị - xã hội trên tất cả mọi mặt của đời sống. Quản lý các nguồn thu từ tài nguyên khoáng sản nhằm sử dụng tốt các điều kiện về tự nhiên mà thiên nhiên ban tặng phục vụ có hiệu quả trong phát triển kinh tế. Quản lý các khoản phí lệ phí góp một phần động viên vào NSNN và quan trọng là khẳng định vai trò và vị trí của Nhà nước trong các hoạt động của xã hội...

#### *1.2.1.2. Đặc điểm*

*Thứ nhất*, huyện là một cấp hành chính rất quan trọng trong hệ thống hành chính ở nước ta hiện nay với những chức năng nhiệm vụ được quy định trong luật tổ chức HĐND và UBND các cấp. Tuy nhiên cấp này chỉ mang tính độc lập tương đối, chịu sự lãnh đạo toàn diện của tỉnh.

*Thứ hai*, theo Luật NSNN hiện hành, ngân sách cấp huyện là một cấp ngân sách hoàn chỉnh với nguồn thu được quy định cụ thể để đảm bảo hoàn thành chức năng nhiệm vụ của cấp huyện. Luật NSNN cũng đã quy định đối với các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách thì Quốc hội quyết định tỷ lệ điều tiết Ngân sách giữa Trung ương và địa phương; còn HĐND tỉnh thì quyết định tỷ lệ điều tiết giữa ngân sách tỉnh, ngân sách thành phố (và quận, huyện, thị xã) và ngân sách xã. Do đó có thể thấy rằng quy mô ngân sách, khả năng tự cân đối của ngân sách cấp huyện hoàn toàn phụ thuộc vào việc phân cấp nguồn thu của tỉnh đối với huyện như tỷ lệ điều tiết ngân sách giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện. Hay như tỷ lệ điều tiết ngân sách giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện. Có thể nói ngân sách huyện có tự cân đối chủ động trong điều hành được hay không phần lớn phụ thuộc vào ý chí của HĐND, UBND tỉnh.



*Thứ ba*, do không phải là chủ thể ban hành các chính sách, chế độ về thu ngân sách nên nội dung thu ngân sách huyện do tỉnh (cụ thể là HĐND và UBND tỉnh) quyết định. Do đó trong thực tiễn thường phát sinh mâu thuẫn giữa yêu cầu nhiệm vụ phát triển KT - XH ở địa phương và những nhiệm vụ được giao thêm, với cân đối ngân sách đã được ổn định (thời gian từ 3 - 5 năm theo Luật NSNN quy định). Điều này đặt ra yêu cầu là các cơ quan hoạch định chính sách, xây dựng chính sách chế độ thu ngân sách, tham mưu việc phân cấp nguồn thu và tỷ lệ điều tiết cho ngân sách cấp huyện phải xuất phát từ những cơ sở lý luận và thực tiễn đầy đủ để tham mưu cho cơ quan có thẩm quyền của tỉnh quyết định, tránh yếu tố cả tính, thiếu cơ sở khoa học. Đồng thời phân cấp phải trên quan điểm tăng quyền chủ động cho ngân sách huyện cũng như xã, phường để tạo điều kiện cho huyện và xã, phường hoàn thành ngày càng tốt hơn nhiệm vụ phát triển KT - XH ở địa phương.

*Thứ tư*, với những đặc điểm trên có thể thấy quy mô ngân sách huyện thường không ổn định qua các giai đoạn. Nguồn thu của ngân sách huyện thường chủ yếu là các khoản thu về thuế, phí và lệ phí. Trong đó, lệ phí là nguồn thu chiếm tỷ trọng 70 - 80% tổng thu ngân sách. Thực tiễn cho thấy rằng khoản thu thuế được giao chủ yếu là các sắc thuế như giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực ngoài quốc doanh. Đây là khoản thu rất khó thực hiện. Quy mô số thu không lớn, nhưng chi phí phải bỏ ra cho công tác thu không nhỏ. Đây cũng là địa chỉ của những sai phạm trong việc chấp hành luật thuế như gian lận thương mại, trốn thuế, mua bán hóa đơn...

### **1.2.2. Sự cần thiết quản lý thu ngân sách Nhà nước cấp huyện**

*Ngân sách cấp huyện có vai trò quan trọng trong việc điều tiết kinh tế phát triển kinh tế, kích thích phát triển sản xuất*

Cấp huyện có vai trò tham mưu với các cơ quan cấp trên thực hiện chính sách chống độc quyền. Thông qua ước tính các thời kỳ đề ra mức thu

chi sao cho hợp lý từng bộ phận, định hướng cách đi mới cho thế mạnh từng vùng. Thông qua khoán chi thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng, hình thành doanh nghiệp then chốt trong mọi thành phần kinh tế. Hình thành các DNNN, bảo đảm cạnh tranh hoàn hảo, điều chỉnh giá cả, tiền lương huy động tài chính thông qua sự chỉ đạo, tạo điều kiện cho doanh nghiệp muốn đầu tư tại địa phương.

*Ngân sách cấp huyện có vai trò quan trọng trong việc giải quyết vấn đề xã hội*

Thông qua sự điều chỉnh của HĐND và UBND tỉnh về các chính sách thuế và phân bổ dự toán ngân sách thực hiện các chính sách trợ cấp xã hội, trợ giá, kế hoạch hoá dân số, giải quyết công ăn việc làm. Phát triển ngành lao động truyền thống tận dụng được lao động nhàn rỗi.

*Xây dựng, thực hiện các phân kế hoạch kinh tế - xã hội huyện là đơn vị hành chính cơ sở*

Thông qua thu ngân sách mà nguồn thu được tập trung nhằm tạo lập quỹ ngân sách, giúp các cấp thực hiện kiểm tra, kiểm soát điều chỉnh các hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo đúng pháp luật. Thu ngân sách góp phần đảm bảo công bằng, duy trì phát triển sản xuất, nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước, nâng cao dân trí sức khoẻ cho người dân. Quản lý ngân sách cấp huyện, thành phố là nhân tố cơ bản quyết định sự tồn tại phát triển hay trì trệ của toàn thể bộ máy chính quyền. Mỗi bộ phận là sự kết hợp của nhiều người có mục tiêu hội tụ với nhau. Các cơ quan chỉ hoạt động tốt khi nó được tiến hành các hoạt động của mình phù hợp với yêu cầu của các quy luật có liên quan điều này biểu hiện quản lý ngân sách cấp huyện đúng đắn giúp cho tổ chức hạn chế được nhược điểm của mình, liên kết được mọi người tạo ra niềm tin sức mạnh và truyền thống, tận dụng mọi cơ hội và sức mạnh tổng hợp của các tổ chức bên ngoài.

### ***1.2.3. Nội dung quản lý thu ngân sách Nhà nước cấp huyện***

Quản lý thu ngân sách là quá trình Nhà nước sử dụng tổng hợp các biện pháp, công cụ dựa trên quyền lực chính trị của Nhà nước để tập trung các nguồn lực trong nền KT - XH cho Nhà nước đúng quy định của pháp luật và kiểm soát các nhân tố ảnh hưởng đến thu ngân sách theo đúng mục tiêu mà Nhà nước đã đề ra. Công tác quản lý thu NSNN tại huyện được đánh giá theo các nội dung sau:

#### ***1.2.3.1. Hệ thống văn bản quản lý thu ngân sách cấp huyện***

Theo quy định hiện nay, việc quản lý thu NSNN trước hết phải tuân thủ Luật NSNN, các Luật thuế và những văn bản hướng dẫn thi hành các luật này, các luật, văn bản khác được ban hành, quy định những vấn đề cụ thể liên quan đến thu ngân sách.

Căn cứ vào chỉ thị của UBND cấp tỉnh, hướng dẫn của Sở Tài chính; căn cứ chủ trương của Ban thường vụ Huyện ủy, Nghị quyết HĐND cấp huyện, kế hoạch phát triển KT - XH và dự toán thu ngân sách của các đơn vị, phòng ban, các xã, phường, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện phối hợp với Chi cục thuế huyện tổng hợp dự toán ngân sách để UBND huyện báo cáo UBND tỉnh và các ngành chức năng.

Căn cứ dự toán tỉnh giao, Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp với Chi cục thuế tham mưu cho UBND huyện lập dự toán ngân sách huyện và thẩm định, thống nhất giao dự toán ngân sách cho các xã, phường, các cơ quan đơn vị trực thuộc quản lý để UBND huyện trình HĐND huyện (đối với các huyện thí điểm bỏ HĐND huyện thì trình lên HĐND cấp tỉnh) quyết định phê chuẩn.

#### ***1.2.3.2. Tổ chức bộ máy thu nộp ngân sách cấp huyện***

Ngân sách địa phương chịu trách nhiệm quản lý thu NSNN trên địa bàn và chi NSNN địa phương. HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp chính quyền

địa phương phù hợp với phân cấp quản lý KT -XH, quốc phòng, an ninh và trình độ quản lý của mỗi cấp trên địa bàn.

Ngân sách cấp huyện, do chính quyền cấp huyện tổ chức thực hiện quản lý thu, chi theo quy định phân cấp của tỉnh nhằm khai thác tốt nguồn thu để đảm bảo nhiệm vụ chi ngân sách cấp mình.

Ngân sách cấp xã, phường do chính quyền cấp xã phường tổ chức thực hiện theo quy định của cấp huyện nhằm đảm bảo các nhiệm vụ phát sinh trên địa bàn địa phương mình quản lý.

### *1.2.3.3. Lập dự toán thu ngân sách*

Dự toán NSNN hàng năm được lập làm căn cứ cho việc ra kế hoạch của các đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ thu. Trong quá trình lập dự toán, có quy định cụ thể về thời gian thực hiện theo từng nội dung cụ thể.

#### ***Yêu cầu và căn cứ của lập dự toán thu ngân sách Nhà nước***

##### ***+ Yêu cầu của lập dự toán:***

Các nội dung thu NSNN phải được tổng hợp theo từng lĩnh vực thu, chi tiết các nội dung thu, chi tiết theo các sắc thuế.

Dự toán phải được lập đúng theo quy định về biểu mẫu, nội dung và thời hạn đã quy định.

Dự toán phải có kèm theo báo cáo thuyết minh cụ thể về cơ sở, căn cứ tính toán các nội dung trong dự toán.

##### ***+ Căn cứ lập dự toán:***

Nhiệm vụ phát triển KT - XH và bảo đảm quốc phòng, an ninh, các chỉ tiêu cụ thể của năm kế hoạch.

Chính sách, các quy định cụ thể về chế độ thu ngân sách, trong đó cụ thể là các Luật thuế của hệ thống thuế, các văn bản hướng dẫn thi hành, các quy định về thu phí lệ phí, các quy định về thu phạt... là các căn cứ pháp lý quan trọng nhất cho việc xác định các chỉ tiêu về thu NSNN.

Phân cấp nguồn thu NSNN mà cụ thể phân chia tỷ lệ hưởng các khoản thu NSNN của các cấp ngân sách.

Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc lập dự toán ngân sách, hướng dẫn của UBND các cấp về lập dự toán ở địa phương.

Số kiểm tra về dự toán thu, kết quả phân tích, đánh giá tình hình thực hiện thu ngân sách các năm trước.

### ***Quy trình lập dự toán ngân sách***

Theo quy định tại Luật NSNN (2002), quy trình lập dự toán NSNN gồm các giai đoạn cụ thể như sau:

#### ***+ Xác lập và thông báo số kiểm tra***

Hàng năm, Thủ tướng Chính phủ ban hành chỉ thị về việc xây dựng kế hoạch phát triển KT - XH và dự toán NSNN năm sau. Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn lập dự toán NSNN và thông báo số kiểm tra về dự toán NSNN cho các Bộ, cơ quan Trung ương và UBND cấp tỉnh.

Sau khi số kiểm tra đã được xác lập, các bộ, cơ quan Trung ương thông báo số kiểm tra về dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc.

UBND cấp tỉnh tiếp tục hướng dẫn và thông báo số kiểm tra về dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc và UBND cấp huyện.

UBND cấp huyện tiếp tục hướng dẫn và thông báo số kiểm tra về dự toán ngân sách cho các đơn vị trực thuộc và UBND cấp xã.

#### ***+ Lập và thảo luận dự toán ngân sách***

Các đơn vị trên cơ sở các văn bản hướng dẫn và số kiểm tra tiến hành lập dự toán thu ngân sách trong phạm vi nhiệm vụ được giao, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp. Đơn vị dự toán cấp I xem xét, tổng hợp, lập dự toán tổng thể báo cáo cơ quan tài chính, kèm theo bản thuyết minh chi tiết.

Cơ quan tài chính các cấp tổ chức thảo luận về dự toán ngân sách với cơ quan, đơn vị cùng cấp và UBND, cơ quan tài chính cấp dưới. Cơ quan, đơn

vị cấp trên phải tổ chức thảo luận về dự toán với các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc trong quá trình lập dự toán.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan, tổng hợp và lập dự toán thu NSNN, trình Chính phủ. Bộ Tài chính thừa uỷ quyền Thủ tướng Chính phủ báo cáo và giải trình với Quốc hội về số dự toán thu NSNN.

+ *Quyết định, phân bổ, giao dự toán ngân sách Nhà nước*

Căn cứ vào các nghị quyết của Quốc hội, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ thu ngân sách cho cơ quan Trung ương theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ thu, tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa NSTW và NSDP.

HĐND cấp tỉnh quyết định dự toán ngân sách địa phương, Căn cứ vào nghị quyết của HĐND cấp tỉnh, Sở Tài chính trình UBND cấp tỉnh quyết định giao nhiệm vụ thu ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh; nhiệm vụ thu, chi, tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa NSTW và NSDP và giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương.

Sau khi nhận được quyết định giao nhiệm vụ thu ngân sách của UBND cấp trên, UBND trình HĐND cùng cấp quyết định dự toán NSDP và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp mình.

### ***Các nội dung sửa đổi, bổ sung theo Luật NSNN năm 2015***

Tại Luật NSNN năm 2015 (có hiệu lực từ năm ngân sách 2017) đã bổ sung quy định về thời gian, quy trình lập, tổng hợp, trình và quyết định NSNN, phương án phân bổ NSTW. Đồng thời Luật NSNN năm 2015 có bổ sung quy định mới tại Điều 43 là lập kế hoạch tài chính – NSNN 3 năm. Cụ thể kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm được lập hàng năm cho thời gian 3 năm, dựa trên kế hoạch tài chính 5 năm được lập kế từ năm dự toán ngân sách và 2 năm tiếp theo, theo phương thức cuốn chiếu. Kế hoạch này được lập cùng thời điểm lập dự toán NSNN hàng năm nhằm định hướng cho công tác

lập dự toán NSNN hàng năm, định hướng thứ tự ưu tiên phân bổ nguồn lực tài chính trong trung hạn.

#### *1.2.3.4. Chấp hành dự toán thu ngân sách*

##### ***Yêu cầu của chấp hành dự toán***

Triển khai thực hiện các chỉ tiêu thu trong kế hoạch ngân sách năm từ khả năng, dự kiến thành hiện thực. Từ đó, góp phần thực hiện các chỉ tiêu của kế hoạch phát triển KT - XH của Nhà nước.

Trong khâu chấp hành dự toán thu phải đảm bảo thu đúng, thu đủ và thu kịp thời vào NSNN đảm bảo phục vụ cho nhu cầu chi tiêu của Nhà nước. Trong tổ chức thu cần đảm bảo tính công bằng và tránh thất thu và phải đảm bảo hiệu quả công tác thu nộp về mặt xã hội. Đó là đảm bảo việc chi phí cho mỗi đồng tiền thu vào ngân sách, gồm chi phí của công tác tổ chức bộ máy thu nộp và cả chi phí của người nộp vào ngân sách là thấp nhất.

Kiểm tra việc thực hiện các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức của Nhà nước trong quá trình chấp hành dự toán và thông qua đó có đánh giá sự phù hợp của chính sách với thực tiễn.

Việc kiểm tra lại các chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức về thu ngân sách là một yêu cầu quan trọng để làm căn cứ có các điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện cụ thể trong từng giai đoạn và thời kỳ khác nhau.

##### ***Nội dung chấp hành thu ngân sách Nhà nước***

Trên cơ sở nhiệm vụ thu cả năm được giao và nguồn thu dự kiến phát sinh trong quý, cơ quan thu ngân sách lập dự toán thu ngân sách quý chi tiết theo khu vực kinh tế, địa bàn và đối tượng thu chủ yếu. Các khoản thu nội địa như thuế, phí, lệ phí thường do cơ quan thuế thực hiện; cơ quan Hải quan tổ chức thu từ xuất nhập khẩu, cơ quan Tài chính và các cơ quan thu khác được uỷ quyền thu các khoản thu còn lại của NSNN.

Các tổ chức cá nhân có nghĩa vụ nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác vào NSNN theo quy định của pháp luật.

Về nguyên tắc toàn bộ các khoản thu của NSNN phải nộp trực tiếp vào Kho bạc Nhà nước (KBNN), trừ một số khoản cơ quan thu có thể thu trực tiếp song phải định kỳ nộp vào KBNN theo quy định.

### ***Các nội dung sửa đổi, bổ sung theo Luật NSNN năm 2015***

So với Luật NSNN năm 2002, Luật NSNN năm 2015 có một số nội dung mới như sau:

Về sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi so với dự toán hàng năm: Luật NSNN năm 2015 cơ bản kế thừa Luật NSNN năm 2002, có bổ sung thêm một số nhiệm vụ như: bổ sung nguồn thực hiện cải cách tiền lương; thực hiện các chế độ chính sách, an sinh xã hội và thực hiện bù hụt thu do nguyên nhân khách quan cho ngân sách cấp dưới.

Về cơ chế hỗ trợ hụt thu cho NSDP: Luật NSNN năm 2015 quy định khi kết thúc năm ngân sách, trường hợp NSDP hụt thu so với dự toán cấp trên giao do nguyên nhân khách quan, sau khi đã điều chỉnh giảm một số khoản chi và sử dụng các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương mà chưa bảo đảm được cân đối NSDP thì ngân sách cấp trên hỗ trợ ngân sách cấp dưới theo khả năng của ngân sách cấp trên.

Về ứng trước dự toán ngân sách năm sau (Điều 57): NSTW, ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện được ứng trước dự toán ngân sách năm sau để thực hiện các dự án quan trọng quốc gia, các dự án cấp bách của Trung ương và địa phương thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSNN đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Mức ứng trước không quá 20% dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản năm thực hiện của các công trình xây dựng vốn cơ bản thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSNN đã được phê duyệt. Khi phân bổ dự toán ngân sách năm sau phải bố trí đủ dự toán để thu hồi hết số đã



ứng trước. Không được ứng trước dự toán năm sau khi chưa thu hồi hết số ngân sách đã ứng trước;

Ngoài ra, Luật NSNN 2015 còn sửa đổi, bổ sung một số nội dung về: thưởng vượt thu ngân sách, cải cách thủ tục hành chính trong việc cơ quan tài chính thẩm tra phân bổ dự toán của các cơ quan, đơn vị; thời hạn điều chỉnh dự toán.

#### *1.2.3.5. Quyết toán*

##### ***Yêu cầu của quyết toán thu ngân sách Nhà nước***

Số liệu trong báo cáo quyết toán phải chính xác, trung thực, đầy đủ. Số quyết toán là số thu đã thực nộp hoặc đã hạch toán thu NSNN qua KBNN.

Báo cáo quyết toán phải theo đúng các nội dung trong dự toán được giao và theo mục lục NSNN; báo cáo quyết toán năm phải có phần thuyết minh nguyên nhân tăng, giảm so với dự toán.

KBNN các cấp có trách nhiệm tổng hợp số liệu quyết toán gửi cơ quan Tài chính cùng cấp để cơ quan này lập báo cáo quyết toán. KBNN xác nhận số liệu thu ngân sách trên báo cáo quyết toán của ngân sách các cấp.

##### ***Trình tự lập, xét duyệt, thẩm định và phê chuẩn quyết toán thu ngân sách Nhà nước***

Trước khi lập báo cáo quyết toán thu NSNN, cơ quan tài chính, KBNN và cơ quan thu cùng cấp đôn đốc các cơ quan liên quan xử lý số tạm thu, tạm giữ để nộp vào NSNN theo chế độ quy định; thực hiện đối chiếu số thu NSNN phát sinh trên địa bàn và số thu đảm bảo khớp đúng cả về tổng số và chi tiết theo Chương, Loại, Khoản, Mục và Tiểu mục của Mục lục NSNN.

Trình tự lập, gửi, thẩm định, phê chuẩn quyết toán thu ngân sách hàng năm của ngân sách các cấp được tiến hành như sau:

Ban Tài chính xã lập quyết toán thu ngân sách cấp xã trình UBND xã xem xét gửi Phòng Tài chính huyện; đồng thời UBND xã trình HĐND xã phê

chuẩn. Sau khi được HĐND xã phê chuẩn, UBND xã báo cáo bổ sung quyết toán ngân sách gửi Phòng Tài chính huyện.

Phòng Tài chính huyện thẩm định quyết toán thu ngân sách xã; lập quyết toán thu ngân sách cấp huyện; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu NSNN trên địa bàn huyện và quyết toán thu ngân sách huyện (bao gồm quyết toán thu ngân sách cấp huyện và cấp xã) trình UBND cấp huyện xem xét gửi Sở Tài chính. Đồng thời UBND cấp huyện trình HĐND cấp huyện phê chuẩn. Sau khi được HĐND cấp huyện phê chuẩn, UBND cấp huyện báo cáo bổ sung, quyết toán ngân sách gửi Sở Tài chính.

Sở Tài chính thẩm định quyết toán thu NSNN phát sinh trên địa bàn huyện, quyết toán thu ngân sách huyện; lập quyết toán thu NSNN cấp tỉnh; tổng hợp lập quyết toán thu NSNN trên địa bàn tỉnh và quyết toán thu NSDP (bao gồm: quyết toán thu ngân sách cấp tỉnh; quyết toán thu ngân sách cấp huyện và quyết toán thu ngân sách cấp xã) trình UBND cấp tỉnh xem xét gửi Bộ Tài chính. Đồng thời UBND cấp tỉnh trình HĐND cấp tỉnh phê chuẩn. Sau khi được HĐND cấp tỉnh phê chuẩn, UBND báo cáo bổ sung, quyết toán ngân sách gửi Bộ Tài chính.

Bộ Tài chính thẩm định quyết toán thu NSNN, báo cáo quyết toán thu NSDP; lập quyết toán thu NSTW và tổng hợp lập tổng quyết toán thu NSNN (bao gồm quyết toán thu NSTW và quyết toán thu NSDP) trình Chính phủ xem xét để trình Quốc hội phê chuẩn; đồng gửi cơ quan Kiểm toán Nhà nước.

### ***Các nội dung sửa đổi, bổ sung theo Luật NSNN năm 2015***

Về công tác duyệt, thẩm định, tổng hợp quyết toán NSNN: Luật NSNN năm 2002 chưa quy định cụ thể nội dung này. Vì vậy Luật NSNN năm 2015 quy định cụ thể nội dung duyệt, thẩm định, tổng hợp quyết toán NSNN. Trong đó nội dung quan trọng nhất là duyệt các khoản chi tại các đơn vị sử dụng ngân sách trên cơ sở dự toán, định mức chi ngân sách, tiêu chuẩn, chế

độ để làm rõ trách nhiệm của từng cơ quan trong các khâu nêu trên. Đồng thời, Luật NSNN năm 2015 không quy định Bộ Tài chính thẩm định quyết toán NSDP mà căn cứ vào quyết toán NSDP do HĐND cấp tỉnh phê chuẩn để tổng hợp báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, phê chuẩn.

Về đánh giá kết quả, hiệu quả chi NSNN gắn với công tác quyết toán NSNN: Luật NSNN năm 2015 quy định báo cáo quyết toán của đơn vị sử dụng ngân sách, đơn vị dự toán cấp trên, ngân sách các cấp phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả chi ngân sách gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, địa phương, lĩnh vực, chương trình, mục tiêu được giao.

Về chi chuyển nguồn sang năm sau: Luật NSNN năm 2002 quy định về chuyển nguồn sang ngân sách năm sau rất chưa rõ ràng, chỉ quy định cụ thể ở các văn bản hướng dẫn luật. Luật NSNN năm 2015 quy định cụ thể các nội dung được phép chuyển nguồn sang năm sau (không quy định xét duyệt chuyển nguồn).

#### *1.2.3.6. Công tác thông tin tuyên truyền*

Công tác thông tin, tuyên truyền trong việc quản lý thu NSNN là một nội dung quan trọng. Đây là khâu đột phá của toàn bộ lộ trình cải cách và hiện đại hóa ngành thuế trong giai đoạn hiện nay. Công tác này có tầm quan trọng đặc biệt, không những nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm và tính tự giác tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế, giúp cho người nộp thuế, doanh nghiệp chủ động và tự chịu trách nhiệm về việc tính toán chính xác số thuế phải nộp và thực hiện tốt nghĩa vụ với NSNN. Qua đó không những góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của ngành, tăng số thu cho NSNN mà còn tạo mối quan hệ gắn kết giữa cơ quan thuế và người nộp thuế. Một trong những tiêu chí để đánh giá hoạt động của cơ quan thuế là tính hiệu quả mang lại, rõ nét nhất là tính tự giác tuân thủ pháp luật thuế, tự nguyện cao trong việc chấp hành nghĩa vụ đối với Nhà nước của người nộp thuế. Tạo lập được mối quan hệ bình đẳng, thân thiện giữa cơ quan quản lý

thuế và người nộp thuế theo hướng người nộp thuế là người được phục vụ, là “khách hàng” của cơ quan thuế và cơ quan thuế là người phục vụ đáng tin cậy nhất của người nộp thuế. Cơ quan thuế và người nộp thuế là bạn đồng hành trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

Tiếp tục đẩy mạnh việc đối thoại với doanh nghiệp để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cung cấp ngày một tốt hơn các dịch vụ hỗ trợ về thuế góp phần nâng cao tính tự giác, ý thức tuân thủ pháp luật về thuế của người nộp thuế.

#### *1.2.3.7. Kiểm tra, giám sát và thanh tra trong quá trình thực hiện thu ngân sách Nhà nước*

Thu NSNN bao gồm các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí,... Trong đó, thuế đóng vai trò rất quan trọng trong nguồn thu NSNN. Mỗi một loại thuế mà Nhà nước ban hành đều nhằm vào mục đích là tạo nguồn thu cho NSNN. Trong nền kinh tế thị trường vai trò này của thuế càng nổi bật bởi thuế là nguồn thu chủ yếu của NSNN. Xác định công tác thanh tra, giám sát, kiểm tra thuế là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu và là công việc thường xuyên của cơ quan thuế các cấp. Vì vậy, nâng cao hiệu quả thanh tra thuế sẽ góp phần tăng thu NSNN. Việc thanh tra, kiểm tra tập trung các lĩnh vực hoạt động sản xuất khai thác tài nguyên khoáng sản, khai thác đất, đá, cát, sỏi, các đơn vị xây dựng cơ bản ngoài tỉnh, các ngành có rủi ro về kê khai thất thu thuế như: kinh doanh vận tải, dịch vụ ăn uống, khách sạn, vật liệu xây dựng, thu mua các mặt hàng nông, lâm, thủy sản... Qua thanh tra, kiểm tra để phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật thuế, thực hiện kiến nghị xử lý truy thu về thuế, xử phạt vi phạm pháp luật về thuế, góp phần tích cực trong việc chống thất thu thuế, khai thác nguồn thu và kịp thời chấn chỉnh các hành vi vi phạm pháp luật thuế, nâng cao ý thức trách nhiệm của người nộp thuế, góp phần tăng nguồn thu cho NSNN.

### **1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý thu ngân sách Nhà nước cấp huyện**

#### ***1.3.1. Thể chế, cơ chế chính sách liên quan đến thu ngân sách Nhà nước***

Mức độ phù hợp với thực tế của Luật và các qui định trong chính sách của Nhà nước, của chính quyền địa phương liên quan đến công tác quản lý thu ngân sách có tác động lớn đến kết quả và hiệu quả công tác quản lý thu ngân sách ở địa phương. Nếu Luật và cơ chế chính sách về quản lý thu NSNN phù hợp, linh hoạt thì sẽ khuyến khích nộp thuế và phí, tạo điều kiện tăng nguồn thu, nuôi dưỡng nguồn thu, tránh được tình trạng tận thu. Những quy định không phù hợp với thực tế sẽ gây khó khăn cho cấp địa phương trong triển khai thực hiện thu ngân sách và quản lý thu ngân sách, khó khăn trong vận dụng, không khuyến khích được các tổ chức kinh tế và cá nhân làm kinh tế ở địa phương phát triển. Những quy định của chính quyền địa phương nhằm cụ thể hóa những quy định trong Luật và chính sách của Trung ương nếu không rõ ràng, nếu không sát với thực tế, nếu không chỉnh sửa, cập nhật liên tục sẽ gây khó khăn cho đội ngũ triển khai, quản lý, dễ đưa đến tình trạng xin - cho, nhũng nhiễu, tham nhũng.

#### ***1.3.2. Bộ máy tổ chức, quản lý và con người***

Bộ máy tổ chức, quản lý đối với công tác thu NSNN là một trong những nhân tố quan trọng quyết định hiệu quả công tác quản lý thu NSNN. Bộ máy được tổ chức, bố trí hợp lý, gọn nhẹ, được trang bị kỹ thuật hiện đại sẽ giúp theo dõi, quản lý tốt tới từng đối tượng thực hiện thu NSNN. Sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong quản lý thu NSNN, giữa chính quyền các cấp với các cơ quan chức năng cũng hết sức quan trọng trong việc tổ chức, triển khai, theo dõi, giám sát công tác thu NSNN tại từng đơn vị, công trình, đối tượng. Bên cạnh đó, năng lực của cán bộ làm công tác quản lý thu NSNN có ý nghĩa quyết định đến sự thành công hay không thành công, đến kết quả và hiệu quả quản lý thu NSNN tùy theo vị trí công tác của cán bộ

trong hệ thống. Cán bộ với nhận thức, ý thức, nhiệt tình, bản lĩnh chính trị cao, có trình độ chuyên môn và nghiệp vụ, thông thạo sử dụng các công cụ hiện đại sẽ giúp triển khai, quản lý tốt thu NSNN. Ngược lại, cán bộ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ yếu sẽ dễ dẫn đến thất thu, bội chi ảnh hưởng lớn đến khả năng tự cân đối NSNN tại địa phương.

### ***1.3.3. Trình độ phát triển kinh tế xã hội của địa phương***

Trình độ phát triển KT - XH của địa phương là một trong những nhân tố quan trọng tác động đến kết quả thu NSNN ở địa phương. Địa phương có hạ tầng tốt, có vị trí địa chiến lược thuận lợi cho phát triển kinh tế và thông thương hàng hóa, có cơ chế chính sách thu hút đầu tư và khuyến khích doanh nghiệp, cá nhân làm ăn kinh doanh sẽ là điểm đến của nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước, tạo nên nguồn thu từ thuế cho NSNN của địa phương. Doanh nghiệp càng làm ăn thuận lợi, càng phát triển thì địa phương càng có cơ hội tăng thu ngân sách từ thuế. Trình độ phát triển KT - XH cũng ảnh hưởng đến nhận thức, tư duy của đối tượng nộp thuế. Những quy định công khai, minh bạch của chính quyền địa phương, cùng với nhận thức đúng đắn của đối tượng nộp thuế, phí sẽ là điều kiện tăng nguồn thu ngân sách. Mặt khác, trình độ phát triển KT - XH kém, hạ tầng thấp kém sẽ không thu hút được các nhà đầu tư, địa phương sẽ phải dành khoản ngân sách lớn hơn cho chi phát triển, dễ dẫn đến mất cân đối thu, chi NSNN. Có thể nói, trình độ phát triển KT-XH của địa phương có tác động không nhỏ đến nhận thức của người quản lý, triển khai thu, chi NSNN, đến nhận thức của đối tượng nộp thuế, đối tượng thực hiện các công việc từ nguồn NSNN, và do đó có ảnh hưởng đến hiệu quả công tác thu, chi NSNN ở địa phương.

## **1.4. Kinh nghiệm quản lý thu NSNN của một số địa phương và bài học rút ra có thể nghiên cứu áp dụng tại thành phố Nha Trang**

### ***1.4.1. Kinh nghiệm quản lý thu ngân sách của huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị***

Huyện Hải Lăng trực thuộc tỉnh Quảng Trị. Cơ cấu kinh tế được xác định là: dịch vụ, du lịch - công nghiệp - nông lâm nghiệp.

Trong công tác quản lý thu NSNN, đặc biệt công tác quản lý thu thuế, phí và lệ phí được thực hiện như sau: trên cơ sở đề án ủy nhiệm thu được UBND tỉnh phê duyệt, Chi cục thuế thực hiện quản lý thu thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh đối với các doanh nghiệp và các hộ kinh doanh có doanh thu lớn, thuế chuyên quyền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thu cấp quyền sử dụng đất, lệ phí trước bạ. Cấp xã, phường tổ chức thu thuế nhà đất, môn bài từ bậc 4 đến bậc 6, thuế công thương nghiệp đối với hộ kinh doanh nhỏ, người trực tiếp thực hiện ủy nhiệm thu và xã, phường được trích tỷ lệ hoa hồng ủy nhiệm thu từ kinh phí của Chi cục thuế.

UBND huyện cũng đã chỉ đạo các đoàn liên ngành thường xuyên kiểm tra tình hình giá cả thị trường tại các cơ sở kinh doanh hàng hóa, xử phạt vi phạm hành chính (trong năm 2016 là 57 trường hợp với tổng số tiền hơn 214 triệu đồng). Tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với các hoạt động kinh doanh, khai thác tại các chợ trên địa bàn huyện.

Thu ngân sách của huyện hàng năm luôn vượt kế hoạch được giao. Việc phân cấp nguồn thu cũng như tỷ lệ điều tiết các khoản thu giữa các cấp ngân sách được thực hiện ổn định trong các năm đã từng bước nâng các được tính chủ động và trách nhiệm của chính quyền địa phương trong điều hành ngân sách, tăng nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Hải Lăng đã tổ chức lập dự toán chấp hành quyết toán thu ngân sách, công tác dân vận thực hiện các khoản thu phí, lệ phí rõ ràng, minh bạch.

Các cán bộ thuộc Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thường xuyên được tham gia các lớp được tập huấn nghiệp vụ, nâng cao trình độ chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, quản lý giá, quản lý công sản do UBND huyện và Sở Tài chính Quảng Trị tổ chức. Lãnh đạo HĐND và UBND huyện thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và chỉ đạo thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tiếp dân, tạo thuận lợi cho người dân trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính để tăng nguồn thu trên địa bàn huyện.

#### ***1.4.2. Kinh nghiệm quản lý thu ngân sách của của thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa***

Trong 5 năm trở lại đây, thị xã Ninh Hòa đã luôn hoàn thành và hoàn thành vượt mức dự toán thu được giao, năm sau cao hơn năm trước, đảm bảo nguồn lực tài chính để huyện hoàn thành nhiệm vụ kinh tế chính trị Tỉnh giao hàng năm, thực hiện thắng lợi các Nghị quyết về phát triển KT-XH của thị xã đề ra. Để đảm bảo nguồn thu của NSNN, các chế độ thu quốc doanh, các pháp lệnh về thuế công thương nghiệp, thuế nông nghiệp được bổ sung sửa đổi, hệ thống thu ngân sách được cải cách, các sắc thuế được áp dụng thống nhất cho các thành phần kinh tế được xây dựng và hoàn thiện từng bước.

##### *Về lĩnh vực công nghiệp:*

HĐND và UBND thị xã xác định chính quyền cần phải phối hợp chặt chẽ đối với Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong để có thể thu hút được nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước để phát triển mạnh các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh, như đóng tàu, điện lực, xăng dầu...

Hỗ trợ tạo điều kiện các thành phần kinh tế tham gia sản xuất, nhằm thu hút nhiều lao động, giải quyết việc làm cho nhân dân trong thị xã. Đẩy mạnh hoạt động khuyến công và các chính sách khác có liên quan để phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, quan tâm bồi dưỡng và đào tạo nghề để nâng cao chất lượng lao động.



*Về dịch vụ, du lịch, thương mại:*

UBND thị xã đã xây dựng lại chợ trung tâm cho các xã, phường. Nhất là các chợ ở xã để hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới, xây dựng và thu hút đầu tư chợ đầu mối theo hình thức đấu thầu kinh doanh và khai thác. Xây dựng cơ sở hạ tầng thương mại nhằm phục vụ cho việc xuất khẩu nông sản để nâng cao giá trị hàng hóa, tăng thêm thu nhập cho bà con nông dân.

UBND thường xuyên tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư vào các cơ sở du lịch cao cấp về biển, có tiềm năng thế mạnh về biển nhằm thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế, đặc biệt là khách du lịch quốc tế.

Khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ khác như vận tải, tài chính ngân hàng, khoa học công nghệ, cung ứng vật tư kỹ thuật phục vụ sản xuất nông nghiệp, môi trường...

*Về thu – chi ngân sách và huy động nguồn vốn đầu tư:*

Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã luôn tham mưu UBND huyện thực hiện tốt Luật NSNN và các luật quản lý thuế hiện hành, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nhằm đảm bảo thu đúng, thu đủ, giảm thất thu.

Thực hành tiết kiệm trong công tác chi đầu tư và chi thường xuyên; tăng cường giám sát đầu tư kiểm tra kiểm soát chi tiêu ở tất cả các ngành, các cấp, phát hiện và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm về quản lý tài chính nhằm kịp thời ngăn chặn tiêu cực và thất thoát trong chi tiêu ngân sách, góp phần tạo nguồn vốn cho đầu tư phát triển.

Ưu tiên đầu tư cho các công trình giáo dục, phân cấp cho các xã (trừ phường). Nguồn vốn NSNN còn lại bố trí để xây dựng cho các công trình bức xúc, thiết yếu. Đẩy mạnh việc xã hội hóa các công trình dân sinh.

Trong những năm vừa qua, nguồn thu từ việc bán đấu quyền sử dụng đất và nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước đóng góp không nhỏ vào kết quả thu ngân sách của địa phương. UBND thị xã đã kịp thời chỉ đạo Phòng Tài chính – Kế hoạch và

Trung tâm Phát triển Quỹ đất thị xã phối hợp với các ngành có liên quan để xây dựng quỹ đất đấu giá, lập phương án giá khởi điểm hàng năm đối với khoảng trên 400 thửa đất.

#### ***1.4.3. Bài học rút cho thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa***

Từ kinh nghiệm quản lý thu NSNN của huyện Hải Lăng và thị xã Ninh Hòa, có thể rút ra một số bài học, nội dung tham khảo, có thể vận dụng vào quản lý thu NSNN đối với thành phố Nha Trang:

##### ***Đối với lập dự toán***

Các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội đảm bảo. Chính sách chế độ phân cấp thu. Các chế độ tiêu chuẩn định mức thu ngân sách do Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và HĐND quy định, kiểm tra về dự toán ngân sách và tình hình thực hiện dự toán.

Về trình tự lập dự toán: Cơ quan tài chính phối hợp với cơ quan thuế, chi cục thuế các ban ngành tổ chức căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao và chế độ định mức tiêu chuẩn thu và lập dự toán thu khi cân đối ngân sách cần trình lên UBND báo cáo cho người đứng đầu ban ngành xem xét. Phòng Tài chính - Kế hoạch làm việc với UBND về dự toán ngân sách khi có yêu cầu. Khi quyết định giao nhiệm vụ thu phải hoàn chỉnh phương án phân bổ dự toán trình lên cơ quan có thẩm quyền quyết định sau đó tiến hành công bố công khai tài chính về NSNN. Điều chỉnh dự toán ngân sách hàng năm trong trường hợp có yêu cầu của UBND cấp trên đảm bảo với định hướng chung hoặc có biến động lớn về nguồn thu.

##### ***Đối với chấp hành dự toán ngân sách***

Để chấp hành tốt thu ngân sách, các địa phương căn cứ vào dự toán ngân sách và phương án phân bổ dự toán đã được UBND, HĐND thông qua. Chi cục thuế được phối hợp với ban tài chính thực hiện thu đúng, thu đủ từ các tổ chức, cá nhân và cần phải có biên lai thu tiền. Đối với các khoản thu bổ sung thì Phòng Tài

chính - Kế hoạch thị dựa vào dự toán số thu bổ sung đã giao cho xã, phường để cân đối ngân sách thông báo số bổ sung cho các đơn vị giao dự toán.

### ***Đa dạng hóa các nguồn thu ngân sách***

Bên cạnh các nguồn thu từ dịch vụ, du lịch, thương mại, công nghiệp, xử phạt vi phạm hành chính,... thì nguồn thu từ việc bán quyền sử dụng đất và bán nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước cũng rất quan trọng. Tuy nhiên trong những năm vừa qua, nguồn thu này vẫn chưa được thành phố quan tâm khai thác, mặc dù Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã được Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh phân bổ quỹ đất đấu giá để quản lý theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Vì vậy đến nay UBND thành phố vẫn chưa lập kế hoạch bán đấu giá đối với quỹ đất được chuyển giao này.

### ***Tổ chức thực hiện định mức thu hợp lý và công tác kiểm tra giám sát hoạt động đảm bảo tính minh bạch rõ ràng trong quản lý thu ngân sách***

Các tổ chức đơn vị cá nhân đã thực hiện thu đúng dự toán được giao đúng định mức, đúng mục đích các khoản tiền đã thu nộp vào KBNN thông qua cơ quan thuế và Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, chấp hành nghiêm túc pháp luật về kế toán thống kê và quyết toán thu ngân sách. Chi cục thuế tiến hành kiểm tra số thu của các tổ chức có nộp đầy đủ kịp thời đúng quy định hay không các khoản nộp sai chế độ.

## ***Tóm tắt chương 1***

Chương 1 đã hệ thống hóa những vấn đề về NSNN, thu NSNN và quản lý thu NSNN cấp huyện. Trong đó, tác giả đã trình bày những vấn đề chung về NSNN, thu NSNN, các nhân tố ảnh hưởng đến thu NSNN và quản lý thu NSNN cấp huyện trên cơ sở lý luận về NSNN cấp huyện và các quy định luật pháp hiện hành của Việt Nam.

Cũng trong chương này, luận văn trình bày kinh nghiệm về quản lý thu NSNN của một số địa phương trong nước và đối chiếu với các quy định về quản lý thu NSNN để nghiên cứu áp dụng trong công tác quản lý thu NSNN nói chung và đặc biệt ở thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa nói riêng.

## *Chương 2:*

# **THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**

## **2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của thành phố Nha Trang ảnh hưởng đến thu ngân sách Nhà nước**

### **2.1.1. Điều kiện tự nhiên**

#### *2.1.1.1. Vị trí địa lý*

Nha Trang là một thành phố ven biển và là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật và du lịch của tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Trước khi trở thành một phần lãnh thổ của Việt Nam, Nha Trang thuộc về Chiêm Thành. Các di tích của người Chăm cũ có nhiều tại Nha Trang. Thành phố Nha Trang được mệnh danh là hòn ngọc của biển Đông, Viên ngọc xanh vì có vịnh đẹp nổi tiếng thế giới, giá trị thiên nhiên và khí hậu hiếm có của nó.

Thành phố Nha Trang nằm ở vị trí trung tâm tỉnh Khánh Hòa. Phía Bắc giáp huyện Ninh Hòa, phía Nam giáp thành phố Cam Ranh, phía Tây giáp huyện Diên Khánh, phía Đông tiếp giáp với biển.

Thành phố Nha Trang có tổng diện tích đất tự nhiên là 252,6km<sup>2</sup>, có nhiều lợi thế về địa lý, giao thông thuận tiện về đường bộ, đường sắt, đường hàng không, đường biển trong nước và quốc tế. Là cửa ngõ Nam Trung bộ và Tây Nguyên nên Nha Trang có nhiều điều kiện mở rộng quan hệ giao lưu và phát triển.

Nha Trang cách thủ đô Hà Nội 1.280km, cách thành phố Hồ Chí Minh 448km, cố đô Huế 630km, Phan Rang 105km, Phan Thiết 260km, Cần Thơ 620km.

Nha Trang có nhiều trường đại học, viện nghiên cứu, các trường cao đẳng, trường dạy nghề, các trung tâm triển khai các tiến bộ kỹ thuật chuyên

ngành tương đối đồng bộ. Chính vì vậy, thành phố Nha Trang đã trở thành một trung tâm đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao của tỉnh Khánh Hòa và của vùng Nam Trung bộ.

#### *2.1.1.2. Địa hình*

Nha Trang có độ cao trải dài từ 0 đến 900m so với mặt nước biển, được chia thành 3 vùng địa hình. Vùng đồng bằng duyên hải và ven sông Cái có diện tích khoảng 81,3km<sup>2</sup>, chiếm 32,33% diện tích toàn thành phố. Vùng chuyển tiếp và các đồi thấp có độ dốc từ 30 đến 150 chủ yếu nằm ở phía Tây và Đông Nam hoặc trên các đảo nhỏ chiếm 36,24% diện tích. Vùng núi có địa hình dốc trên 150 phân bố ở hai đầu Bắc - Nam thành phố, trên đảo Hòn Tre và một số đảo đá chiếm 31,43% diện tích toàn thành phố.

#### *2.1.1.3. Khí hậu*

Nha Trang có khí hậu nhiệt đới xavan chịu ảnh hưởng của khí hậu đại dương. Khí hậu ở đây khá ôn hòa. Nhiệt độ trung bình cả năm là 26,3°C. Mùa đông ít lạnh và mùa khô kéo dài. Mùa mưa lệch về mùa Đông bắt đầu từ tháng 9 và kết thúc vào tháng 12 Dương lịch, lượng mưa chiếm gần 80% lượng mưa cả năm (1.025mm). Khoảng 10 đến 20% số năm mùa mưa bắt đầu từ tháng 7, 8 và kết thúc sớm vào tháng 11. So với các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ, Nha Trang là vùng có điều kiện khí hậu thời tiết khá thuận lợi để khai thác du lịch hầu như quanh năm. Những đặc trưng chủ yếu của khí hậu Nha Trang là: nhiệt độ ôn hòa quanh năm (25°C - 26°C), tổng tích ôn lớn (>9.500°C), sự phân mùa khá rõ rệt (mùa mưa và mùa khô) và ít bị ảnh hưởng của bão.

#### *2.1.1.4. Tài nguyên thiên nhiên*

##### ***Tài nguyên biển***

Nha Trang có rất nhiều bãi tắm đẹp nằm ngay trung tâm thành phố. Ngoài ra, dọc bờ biển còn tập trung nhiều đảo lớn, nhỏ có khả năng tổ

chức du lịch, lặn biển, vui chơi giải trí trên các đảo. Đặc biệt, đảo Hòn Tre quanh năm có nhiều bãi tắm đẹp như bãi Trữ, bãi Tre, Bích Đàm...

Về mặt sinh thái, vịnh Nha Trang là một trong những hình mẫu tự nhiên hiếm có của hệ thống vũng, vịnh trên thế giới bởi nó có hầu hết các hệ sinh thái điển hình, quý hiếm của vùng biển nhiệt đới. Đó là hệ sinh thái đất ngập nước, rạn san hô, rừng ngập mặn, thảm cỏ biển, hệ sinh thái cửa sông, hệ sinh thái đảo biển, hệ sinh thái bãi cát ven bờ. Đặc biệt, khu vực Hòn Mun của vịnh Nha Trang có đa dạng sinh học cao nhất với 350 loài rạn san hô chiếm 40% loài san hô trên thế giới.

### ***Tài nguyên khoáng sản***

Nha Trang có nhiều loại khoáng sản như than bùn, môtípđen, cao lanh, sét, vàng sa khoáng, nước khoáng, sét chịu lửa, cát, san hô, đá granite... Trong đó đáng chú ý là nước khoáng với tổng lưu lượng khoảng 40l/s, khả năng khai thác 3400 - 3500 m<sup>3</sup>/ngày. Một số nơi đã đưa vào khai thác công nghiệp như nước khoáng Đánh Thạnh (57 triệu lít/năm).

Tài nguyên khoáng sản là một trong những loại tài nguyên có thể tiếp tục khai thác trong tương lai để phát triển các sản phẩm tham gia cạnh tranh thị trường.

### ***2.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Nha Trang***

#### ***Đặc điểm kinh tế - xã hội***

Vì là một thành phố biển có tiềm năng thế mạnh về phát triển dịch vụ, du lịch cộng với nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào trên địa bàn để phát triển công nghiệp và phát triển nông nghiệp ven đô cho nên từ những năm 2000, HĐND và UBND thành phố Nha Trang đã định hướng phát triển cơ cấu kinh tế theo thứ tự ưu tiên sau: dịch vụ - du lịch, công nghiệp - xây dựng, nông - lâm - thủy sản.

Trong những năm qua, thành phố cơ bản đạt các chỉ tiêu đề ra về giá trị thương mại, thu ngân sách đại phương, giải quyết việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

### ***Dân số và lao động***

Theo điều tra dân số năm 2009, toàn thành phố có 392.279 người. Trong đó dân số thành thị chiếm 74,6%, nông thôn chiếm 25,4%. Về tỉ lệ giới tính, nam chiếm 48,5% và nữ chiếm 51,5%. Tuy nhiên theo cách tính quy mô dân số trong phân loại đô thị (bao gồm cả dân số thường trú và dân số tạm trú quy đổi) thì quy mô dân số Nha Trang hiện nay khoảng 480.000 - 490.000 người (bao gồm cả học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, lao động tạm trú thường xuyên, tạm trú vắng lai..., nhưng không tính khách du lịch).

Mật độ dân số trung bình toàn thành phố là 1.562 người/km<sup>2</sup>. Dân cư phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở các phường nội thành. Khu vực trung tâm thành phố thuộc các phường Vạn Thắng, Vạn Thạnh, Phương Sài, Phước Tân, Phước Tiến, Tân Lập có mật độ dân cư rất cao với gần 30000 người/km<sup>2</sup>. Tuy nhiên một số xã như Vĩnh Lương, Phước Đồng với địa hình chủ yếu là núi cao có mật độ dân số thấp, chỉ vào khoảng 320 - 370 người/km<sup>2</sup>.

Trong những năm qua HĐND và UBND thành phố Nha Trang luôn chỉ đạo ngành Lao động – Thương binh và Xã hội đẩy mạnh chương trình giải quyết việc làm và giảm nghèo. Năm 2016, số lao động được giải quyết việc làm tăng thêm 5.565/5.500 lao động, đạt 101,18% kế hoạch đề ra. Số lao động được tuyển mới là 8.987/7.930 lao động, tăng 13,3% kế hoạch, trong đó tỷ lệ lao động được đào tạo nghề đạt 48%.

Đầu năm 2016, cả thành phố có 1.820 hộ nghèo theo tổng điều tra hộ nghèo đa chiều, chiếm 2,13%. Đến cuối năm con số này giảm xuống còn 1.334 hộ nghèo.



### ***Mức độ trang trải các khoản chi phí của Nhà nước***

Thành phố Nha Trang là địa phương tự đảm bảo về tài chính. Theo đó, tổng số chi ngân sách hàng năm ổn định trong khoản 90% số thu ngân sách. Chiếm phần lớn trong chi NSDP là chi thường xuyên, thường chiếm từ 80% - 90% tổng chi NSDP. Hàng năm thành phố còn dành một khoản ngân sách để chi đầu tư phát triển nhằm xây dựng cơ sở hạ tầng làm nền tảng để phát triển KT - XH.

#### ***2.1.3. Tình hình thu ngân sách Nhà nước giai đoạn 2014 – 2016***

Trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2016, tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình của thành phố Nha Trang là 12,1%/năm. Sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh không ngừng phát triển, cơ cấu chuyển dịch kinh tế theo hướng dịch vụ - du lịch, công nghiệp - xây dựng, nông - lâm - thủy sản theo đúng định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong quy hoạch phát triển KT - XH của địa phương đến năm 2020.

Kết quả đó một phần do địa phương thực hiện tốt Luật NSNN, bố trí hợp lý các khoản chi góp phần tích cực cho đầu tư phát triển KT - XH, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, xóa đói giảm nghèo và thực hiện các chính sách, các chương trình, dự án của thành phố, của tỉnh. Phát hiện, có chính sách khai thác và bồi dưỡng nguồn thu, tăng thu đảm bảo nguồn tài chính cho ngân sách và nâng cao tính chủ động của địa phương trong việc tự đáp ứng các nhu cầu chi tiêu. Bên cạnh đó là sự đổi mới, nâng cao hiệu quả, ứng dụng ngày càng sâu rộng công nghệ hiện đại trong công tác quản lý NSNN. Tình hình thu - chi ngân sách còn mất cân đối cao, theo số liệu Bảng 2.1.

*Thu ngân sách:* Trong 3 năm 2014-2016 tổng thu ngân sách thành phố Nha Trang đạt 6.740.525 triệu đồng, tốc độ tăng thu bình quân 30%/năm. Tỷ lệ thu ngân sách trên địa bàn đã đáp ứng được chi thường xuyên, trung bình trong cả giai đoạn tỷ lệ này là 32%/năm. Thu bổ sung

cân đối từ ngân sách tỉnh còn chiếm tỷ trọng rất lớn trong năm 2014 (37%) thì đến năm 2016 nội dung thu này chỉ còn chiếm 11% tổng chi ngân sách của địa phương hàng năm.

**Bảng 2.1: Một số chỉ tiêu thu, chi NSNN thành phố Nha Trang 2014 – 2016**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

<b>Nội dung</b>	<b>Năm 2014 (triệu đồng)</b>	<b>Năm 2015 (triệu đồng)</b>	<b>Năm 2016 (triệu đồng)</b>
<b>I.Thu ngân sách nhà nước</b>	<b>1.722.422</b>	<b>2.118.026</b>	<b>2.900.077</b>
1.Thu NSNN tại địa phương	934.725	1.239.497	1.969.914
2.Thu bổ sung từ NS cấp trên	592.732	486.397	289.988
3. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	103.476	284.554	259.812
3. Thu bổ sung từ nguồn kết dư	91.489	107.578	380.363
<b>II. Chi NS tại địa phương</b>	<b>1.618.598</b>	<b>1.740.146</b>	<b>2.570.438</b>
-Trong đó:			
+ Chi ĐTPT	270.018	304.253	242.239
+ Chi thường xuyên	916.606	1.023.797	1.136.252
+ Chi khác	431.974	412.096	1.191.947
<i>Thu NS tại địa phương/Chi TX</i>	102%	121%	173%

*Nguồn: báo cáo quyết toán NSNN thành phố Nha Trang từ năm 2014 đến năm 2016*

*Chi ngân sách:* Tổng chi ngân sách địa phương thời kỳ 2014-2016 là 5.929.182 triệu đồng, trong đó chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển là 3.893.165 triệu đồng. Trong năm 2015, tốc độ tăng chi ngân sách địa phương tăng 8% so với năm 2014. Tuy nhiên đến năm 2016, tốc độ chi ngân sách tăng đột biến lên 48%. Chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển có tốc độ tăng nhanh từ 6% những năm 2014 - 2015 lên 62% những năm 2015-2016. Chi đầu tư phát triển trong cả giai đoạn còn khá thấp, chiếm khoảng 15% tổng chi ngân sách tại địa phương.

## **2.2. Thực trạng quản lý thu ngân sách Nhà nước thành phố Nha Trang giai đoạn 2014 – 2016**

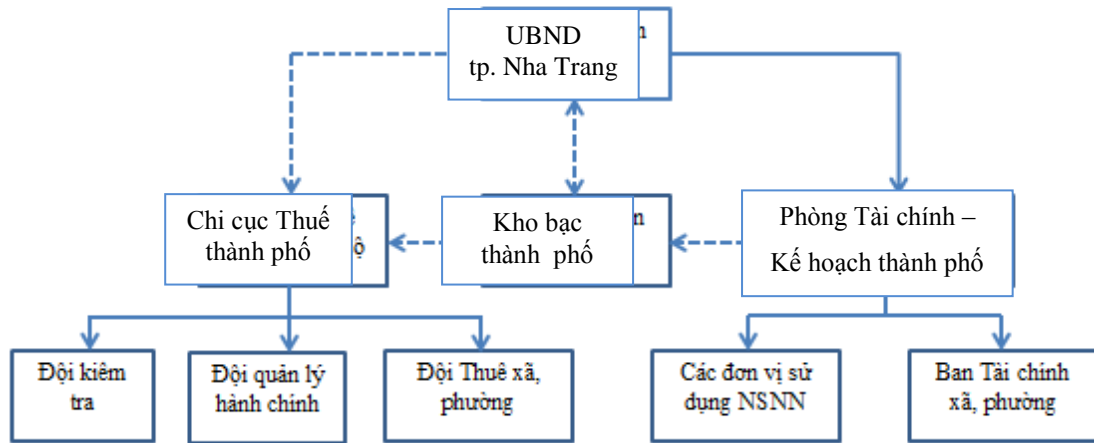
### ***2.2.1. Tình hình ban hành văn bản quản lý thu NSNN trên địa bàn***

Trên cơ sở các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính cũng như của Sở Tài chính Khánh Hòa về việc thực hiện Luật Ngân sách năm 2015, hàng năm để quản lý tốt công tác thu NSNN trên địa bàn, Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Nha Trang đã chủ động ban hành các văn bản triển khai, hướng dẫn, điều hành thu ngân sách tại địa phương. Cụ thể là triển khai và hướng dẫn xây dựng dự toán hàng năm; hướng dẫn khóa sổ cuối năm và quyết toán hàng năm; hướng dẫn và chỉ đạo quản lý sử dụng tài sản, công cụ dụng cụ lâu bền theo quy định.

Hàng năm, xây dựng, triển khai kế hoạch thực hiện thu chi NSNN có phân công nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể để thực hiện nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý Nhà nước trên địa bàn. Ban hành, sửa đổi bổ sung kịp thời các quy trình, quy chế, chương trình, kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ cụ thể và kiểm tra việc triển khai thực hiện thu chi NSNN có đúng quy định và đảm bảo tiến độ đạt hiệu quả.

Việc chú trọng xây dựng văn bản trong điều hành thu ngân sách thành phố đã góp phần quản lý thu ngân sách trên địa bàn huyện ngày càng tốt hơn và tạo điều kiện thu hút các nguồn vốn của các thành phần kinh tế để bảo đảm huy động cao nhất các nguồn lực cho đầu tư phát triển, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương.

### 2.2.2. Tổ chức bộ máy thu NSNN tại Thành phố Nha Trang



Sơ đồ 2.1: Tổ chức, quản lý NSNN trên địa bàn thành phố Nha Trang

#### Chú thích:

—————> : Quan hệ trực thuộc

◄-----> : Quan hệ phối hợp

Trong việc giải quyết vấn đề tài chính của thành phố, bộ máy quản lý NSNN là một hệ thống các tổ chức, ban ngành có mối liên hệ với nhau. Nhìn vào sơ đồ trên ta thấy các ngành thuế, KBNN và Tài chính có liên quan với nhau, hỗ trợ nhau để quản lý nguồn thu - chi NSNN. Trong việc quản lý các nguồn thu, cơ quan thuế có vai trò quan trọng đối với việc thực hiện kế hoạch thu của cơ quan tài chính. Ngược lại cơ quan tài chính giúp cơ quan thuế xác định được nguồn thu đó từ đâu, hoàn thành được đến đâu... Thuế và KBNN giúp nhau quản lý các khoản thu. KBNN giám sát và phân chia nguồn thu theo tỷ lệ điều tiết quy định, từ đó thuế tổng hợp số đã thu và chưa thu được.

### 2.2.3. Công tác quản lý thu thuế

Xác định thuế là nguồn thu chính của ngân sách thành phố nên những năm qua Thành ủy, HĐND và UBND thành phố đã tập trung chỉ đạo quyết liệt đối với công tác thu ngân sách nói chung và công tác thu thuế nói riêng. Công tác quản lý thu NSNN đã đạt những kết quả to lớn. Tổ chức bộ máy quản lý thu thuế của thành phố không ngừng được củng cố và tăng cường,

chất lượng đội ngũ cán bộ thuế đã có bước thay đổi rõ nét về trình độ năng lực, phẩm chất đạo đức, góp phần quyết định đến việc hoàn thành và hoàn thành vượt mức dự toán ngân sách hàng năm được tinh giao. Công tác quản lý thu thuế đã chuyển biến theo hướng tích cực, công khai, dân chủ, minh bạch, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ý thức tự giác chấp hành nghĩa vụ thuế ngày càng được nâng lên.

Thuế từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là khoản thu chủ yếu, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu thuế của thành phố và cũng là nội dung trọng tâm trong công tác quản lý thu thuế của Chi cục thuế thành phố. Nhận thức rõ điều này, Chi cục thuế thành phố đã thường xuyên, kịp thời tham mưu cho UBND thành phố ban hành các văn bản chỉ đạo công tác thu, tập trung vào việc đề ra các biện pháp để hoàn thành dự toán thu được giao, tăng cường các biện pháp nghiệp vụ trong công tác thuế. Trong đó tập trung vào việc chống thất thu, sót hộ, gian lận thương mại, không chấp hành các quy định của pháp luật về thu ngân sách, nợ đọng dây dưa về thuế. Việc tìm ra các giải pháp để quản lý các khoản thu có hiệu quả, đảm bảo công bằng, khuyến khích các tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp mở rộng kinh doanh, nâng cao hiệu quả, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của thành phố cũng là vấn đề rất được quan tâm đề ra.

Căn cứ nhiệm vụ được giao, ngay từ đầu năm, Chi cục thuế Nha Trang đã phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố tham mưu cho UBND thành phố giao kế hoạch pháp lệnh cho các xã, phường và các đơn vị sự nghiệp. Nội bộ đơn vị cũng đã tiến hành phân bổ và giao chi tiêu thu cho các tổ đội để có cơ sở xây dựng và thực hiện phương án thu ngay từ đầu năm theo đúng quy trình quản lý.

Thành phố Nha Trang có vị thế thuận lợi là trung tâm du lịch nghỉ dưỡng của cả nước. Những năm qua, tỉnh và thành phố đã quan tâm đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, quảng bá du lịch nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho

sản xuất dinh doanh. Đặc biệt, hoạt động kinh doanh nhà hàng, cơ sở lưu trú, dịch vụ du lịch, thương mại rất phát triển. Các thành phần kinh tế tham gia lĩnh vực này khá đa dạng, dẫn đến số đối tượng nộp thuế ngày càng tăng lên.

Đối với khu vực cá thể, Chi cục thuế thành phố cùng với các xã, phường, Ban quản lý các chợ đã tăng cường quản lý hộ, nắm nguồn thu mới phát sinh, tập trung đôn đốc thu thuế môn bài ngay trong tháng 1 hàng năm. Thực tế cho thấy việc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thông thoáng đã tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển mạnh nhất là hộ cá thể. Đặc biệt là lĩnh vực lưu trú, thủ công mỹ nghệ, kinh doanh ăn uống nhưng việc phát triển này thiếu ổn định. Việc kinh doanh, ngừng, nghỉ kinh doanh diễn ra tùy tiện. hiện tượng nghỉ kinh doanh địa bàn này để chuyển kinh doanh địa bàn khác không khai báo cơ quan thuế làm cho công tác quản lý gặp nhiều khó khăn.

Thu từ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và các cơ sở nộp thuế theo kê khai chiếm 48% đến 50%/tổng số thuế ngoài quốc doanh thu được. Qua đó cho thấy, việc quản lý thu thuế tốt đối với các đối tượng này là vấn đề quyết định mức độ hoàn thành kế hoạch thu thuế ngoài quốc doanh của thành phố hàng năm. Hiện nay, Chi cục thuế thành phố Nha Trang đang quản lý tổng số 6.000 doanh nghiệp, 14.390 hộ kinh doanh và 90.002 hộ nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. Mặc dù khối lượng công việc nhiều, dự toán thu NSNN ngày càng cao qua các năm tuy nhiên Chi cục thuế Nha Trang đã có những biện pháp để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Từ năm 2011 đến 2015, tổng số thu do Chi cục thuế thực hiện đạt hơn 4.024 tỷ đồng, góp phần quan trọng trong việc cân đối thu chi ngân sách của thành phố và tỉnh. Hàng năm, Chi cục thường xuyên tăng cường công tác quản lý thuế đối với các hộ, cơ sở kinh doanh nộp thuế theo kê khai; chống gian lận, trốn thuế. Công tác ổn định thuế khoán đối với các hộ kinh doanh tại 29 địa bàn chợ, xã, phường cũng được

triển khai thực hiện tốt. Bên cạnh đó, Chi cục thuế còn tham mưu cấp trên thành lập Ban Chỉ đạo thu hồi nợ thuế cấp thành phố, đội kiểm tra liên ngành, chỉ đạo thành lập các tổ thu nợ ở các chợ, xã, phường liên quan.

Tuy nhiên, theo đánh giá của Chi cục thuế thành phố Nha Trang, hiện nay có khoảng 1/3 trên tổng số các doanh nghiệp, hộ kinh doanh nêu trên hoạt động kém hiệu quả. Cụ thể là thường xuyên không có thuế và âm thuế giá trị gia tăng, tình trạng ghi chép sổ sách mang tính đối phó để trốn thuế ở nhiều doanh nghiệp diễn ra phổ biến. Để khắc phục những tồn tại này, Chi cục đã thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra xuống trực tiếp các đơn vị. Trong 9 tháng đầu năm 2016, Chi cục thuế đã thực hiện kiểm tra chuyên đề các doanh nghiệp kinh doanh lĩnh vực giáo dục, tư vấn thiết kế, quảng cáo. Số thuế truy thu và phạt qua kiểm tra hơn 2,2 tỷ đồng, đạt 269,4% so với cùng kỳ năm 2015. Cùng với đó, Chi cục tích cực rà soát việc kê khai thuế tài nguyên; đối chiếu hồ sơ khai thuế từng kỳ kê khai theo từng chỉ tiêu như: sản lượng kê khai, loại khoáng sản, giá tính thuế, thuế suất... Qua đó, kịp thời yêu cầu doanh nghiệp kê khai theo quy định nếu có sai lệch các chỉ tiêu. Trong 9 tháng, số thu từ hoạt động khai thác tài nguyên do chi cục thực hiện hơn 4,7 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Chi cục còn quản lý kịp thời, đôn đốc thu nộp các khoản thu phát sinh từ hoạt động xây dựng tư nhân hơn 9,5 tỷ đồng. Để khắc phục tình trạng thất thu thuế nói trên chi cục thuế đã tổ chức quản lý thu theo định mức chủ yếu của từng loại hình sản xuất kinh doanh, đã mang lại hiệu quả cao.

Bên cạnh đó, hàng năm lãnh đạo Chi cục thuế còn phối hợp với cơ quan tài chính và các ngành có liên quan tổ chức nhiều đợt đối thoại, tổ chức tư vấn, giải đáp thắc mắc bằng biên bản, đối thoại trực tiếp cho hàng trăm đối tượng kinh doanh. Ngoài ra còn tổ chức khảo sát, cân đối các nhà hàng kinh doanh ăn uống, ấn định doanh thu tối thiểu cho các nhà hàng lớn để ngăn chặn

tình trạng ghi chép sổ sách kế toán mang tính chất đối phó.

Công tác ủy nhiệm thu được Chi cục thuế tham mưu UBND thành phố triển khai thực hiện từ năm 2005. Việc thực hiện ủy nhiệm thu đã tạo điều kiện cho UBND các xã, phường tăng cường khai thác nguồn thu, bao quát nguồn thu, gắn thu ngân sách với nhu cầu chi. Đồng thời đây cũng là một bước xã hội hóa công tác thuế, từ đó tạo điều kiện chống thất thu thuế có hiệu quả hơn. Hiện nay Chi cục thuế đang ủy nhiệm cho UBND các xã, phường, Ban quản lý các Chợ, Ban quản lý bến tàu du lịch Cầu Đá - Vĩnh Nguyên thu các khoản thuế sau :

- + Thuế Công thương nghiệp ngoài quốc doanh hộ cá thể có môn bài từ bậc 4 - bậc 6.

- + Các loại thuế của hoạt động cho thuê nhà, cho thuê địa điểm kinh doanh, các hộ kinh doanh vận tải, xây dựng tư nhân, thuế hải sản, các khoản thu vĩnh lai.

- + Thuế Nhà đất và thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Chi cục thuế Nha Trang đã tổ chức tập huấn những kiến thức cơ bản về thuế, quy trình quản lý hộ kinh doanh cá thể, biện pháp khai thác nguồn thu mới, đơn đốc thu nợ... cho lực lượng làm công tác ủy nhiệm thu ở xã, phường và các Ban quản lý. Nhờ đó công tác ủy nhiệm thu đã mang lại nhiều kết quả. Số thuế ngoài quốc doanh thu được chiếm hơn 40% số thuế ngoài quốc doanh hộ cá thể thu được của toàn Chi cục.

Ngoài ra Chi cục Thuế luôn chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra thuế. Nhất là trong điều kiện các doanh nghiệp chuyển dần sang hình thức tự khai tự nộp. Đây là biện pháp quan trọng để một mặt chống thất thu, vi phạm Luật Thuế. Mặt khác, để chấn chỉnh uốn nắn cho các doanh nghiệp trong công tác ghi chép sổ sách kế toán, sử dụng hóa đơn chứng từ theo đúng quy định.



#### ***2.2.4. Công tác quản lý thu phí, lệ phí.***

Mặc dù chiếm tỷ trọng không lớn trong thu ngân sách thành phố nhưng thu phí, lệ phí đã góp phần tăng thu cho NSDP. Nội dung thu phí, lệ phí trước đây căn cứ vào danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị định 57/2002/NĐ-CP ngày 3/6/2002 của Chính phủ và Nghị định 24/2006/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định về phí và lệ phí trong Nghị định 57/2002/NĐ-CP. Hiện nay, sau khi Luật phí và lệ phí và Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ về việc hướng dẫn Luật phí và lệ phí có hiệu lực, nội dung thu được thực hiện theo Nghị định này, cũng như một số loại phí, lệ phí được phân cấp cho HĐND tỉnh ban hành. Các đơn vị được giao thu phí, lệ phí chủ yếu là các Ban quản lý chợ, Ban quản lý bến tàu du lịch, các trường thuộc phòng Giáo dục, phòng Quản lý Đô thị, phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Tư pháp, công ty TNHH Môi trường Đô thị, UBND các xã, phường. Nhìn chung các đơn vị đã tổ chức thực hiện công tác thu phí, lệ phí tương đối tốt, hoàn thành dự toán thu được giao và quyết toán kịp thời với cơ quan thuế. Chi cục thuế thành phố cũng đã thường xuyên kiểm tra việc chấp hành chế độ và quyết toán thu nộp phí, lệ phí của các đơn vị. Công tác ghi thu ghi chi các khoản phí, lệ phí được để lại quản lý chi qua ngân sách được thực hiện kịp thời, đúng quy định. Qua thanh tra, kiểm toán định kỳ chưa phát hiện cơ quan, đơn vị nào tự ý đặt ra các khoản phí, lệ phí ngoài quy định.

#### ***2.2.5. Công tác lập dự toán thu ngân sách***

Lập dự toán thu hàng năm là khâu đầu tiên và làm cơ sở để triển khai thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách cho năm kế hoạch. Thực trạng công tác quản lý lập dự toán thu ngân sách tại thành phố Nha Trang được đánh giá cụ thể:

### ***Căn cứ lập dự toán***

Luật NSNN 2002, Nghị định số 60/2003/NĐ-CP về Quy định và hướng dẫn thi hành Luật NSNN, Thông tư số 59/2003/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP, Quyết định của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi NSNN hàng năm, Nghị quyết của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển KT-XH và các văn bản khác, là căn cứ lập dự toán thu hàng năm của thành phố Nha Trang. Từ năm 2017, việc lập dự toán NSNN được thực hiện căn cứ trên cơ sở Luật NSNN 2015, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 342/2016/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn khác.

Hiện nay, cơ sở phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu ngân sách ở thành phố Nha Trang trong thời kỳ ổn định 2011-2016 thực hiện theo Nghị quyết số 12/2010/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2010 và Nghị quyết số 13/2010/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm của HĐND tỉnh Khánh Hòa. Công tác phân cấp còn một số hạn chế như sau:

- Quy định về phân cấp nguồn thu được áp dụng chung cho tất cả các xã, phường trên địa bàn trong khi trình độ phát triển KT-XH cũng như đặc thù của mỗi địa phương là khác nhau. Vì vậy, áp dụng quy định theo 02 Nghị quyết nêu trên đôi khi còn chưa đảm bảo được yêu cầu cho từng địa phương. Ví dụ như phường Lộc Thọ, Xương Huân, Vĩnh Nguyên, Tân Lập là trung tâm du lịch và thủy sản của thành phố nên có nguồn thu dồi dào; trong khi các xã Vĩnh Thái, Vĩnh Ngọc, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Phương, Vĩnh Trung là những xã nông nghiệp ở xa trung tâm thành phố nên có nguồn thu ít và chưa đảm bảo nhiệm vụ chi hàng năm.

- Quy định về phân cấp nguồn thu và tỷ lệ phân chia nguồn thu còn có một số khoản thu có quy định phức tạp vừa thực hiện phân cấp theo sắc thuế, vừa phân loại theo đối tượng nộp, theo địa bàn gây khó khăn trong quản lý như: thuế GTGT, thuế môn bài thu từ cá nhân và hộ sản xuất kinh doanh dịch vụ, thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân.

- Phân cấp thu ngân sách hiện nay chưa đảm bảo số thu ngân sách hàng năm của ngân sách thành phố và ngân sách cấp xã đủ lớn để chủ động nguồn ngân sách cho chi tiêu hàng năm cũng như khuyến khích các địa phương trong việc nâng cao hiệu quả quản lý thu ngân sách.

***Thực trạng lập và việc giao dự toán thu cho các xã, phường, các đơn vị trực thuộc trên địa bàn:***

Việc lập, giao dự toán thu hàng năm tại thành phố Nha Trang đã tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước. Cụ thể trong quá trình lập dự toán thu hàng năm đã thực hiện đảm bảo từng nội dung từ thông báo số kiểm tra, thảo luận và lập dự toán đến việc giao dự toán thu chính thức cho các đơn vị trực tiếp thực hiện.

Khi nhận được thông báo số kiểm tra về thu ngân sách hàng năm, Chi cục thuế, các đơn vị khác được giao nhiệm vụ thu ngân sách, UBND thành phố thông báo số kiểm tra thu ngân sách cho cấp dưới trực thuộc làm cơ sở cho lập dự toán thu ngân sách.

Trong nội dung lập dự toán thu ngân sách, các đơn vị liên quan đã thực hiện nghiêm túc đảm bảo yêu cầu lập dự toán, trong đó:

- Doanh nghiệp thực hiện dự kiến số thuế, các khoản phải nộp ngân sách, dự kiến số thuế GTGT được hoàn; gửi cơ quan thuế và cơ quan Nhà nước khác được giao nhiệm vụ thu ngân sách.

- UBND thành phố dự toán thu NSNN trên địa bàn, dự toán thu NSDP.

- Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa chủ trì xem xét dự toán thu do cơ quan thuế, dự toán thu ngân sách của thành phố; lập dự toán thu NSNN trên địa bàn báo cáo UBND tỉnh để trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét gửi Trung ương tổng hợp dự toán NSNN.

Trên cơ sở Dự toán thu ngân sách hàng năm được giao chính thức, UBND thành phố sẽ ra quyết định giao dự toán cho các đơn vị thuộc thành phố và các xã, phường cụ thể để triển khai thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách hàng năm.

Theo số liệu dự toán thu ngân sách tại Bảng 2.2 cho thấy:

Nội dung thu từ thuế ngoài quốc doanh chiếm tỷ trọng lớn nhất và có tốc độ tăng đều trong cả thời kỳ. Cụ thể, số dự toán thu năm 2014 là 1.129.715 triệu đồng, năm 2015 là 1.331.850 triệu đồng đến năm 2016 là 1.644.000 triệu đồng chiếm trung bình trên 50% trong thu từ kinh tế địa phương. Việc lập dự toán với nội dung thu này đã song hành cùng với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng của ngành thương mại và dịch vụ, sự tăng lên nhanh chóng của các loại hình doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

Thu từ tiền sử dụng đất là nội dung thu quan trọng đối với ngân sách thành phố với tỷ trọng trung bình khoảng 20% tổng thu NSNN. Nguồn thu này có đóng góp lớn trong thu ngân sách hàng năm và còn có triển vọng rất lớn trong những năm tới do quỹ đất của thành phố còn rất nhiều, chưa tận dụng hết. Hiện nay UBND thành phố Nha Trang vẫn chưa sử dụng đúng mức quỹ đất thuộc sở hữu Nhà nước để tăng nguồn thu này. Phần lớn số thu về đất đến từ việc thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; thuế sử dụng đất nông nghiệp và phi nông nghiệp. Nguyên do là Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Nha Trang hiện đang tập trung vào công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho người dân thuộc các dự án chỉnh trang đô thị, các dự án phát triển KT-XH, hạ tầng cơ sở đã được HĐND và UBND tỉnh phê duyệt. Vì vậy, tạm thời quỹ đất của thành phố giành để thực hiện nhiệm vụ nêu trên. Một nguyên nhân khác quan khác là những khu vực có vị trí đặc địa tại thành phố Nha Trang đã được UBND tỉnh giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh quản lý và khai thác cho ngân sách tỉnh.

**Bảng 2.2: Tổng hợp dự toán thu NSNN trên địa bàn thành phố Nha Trang theo từng lĩnh vực (2014-2016)**

Chỉ tiêu	Năm 2014 (triệu đồng)		Năm 2015 (triệu đồng)		Năm 2016 (triệu đồng)		Tăng trưởng bình quân (%)
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	
<b>Tổng thu NSNN trên địa bàn (A+B+C)</b>	<b>1.687.100</b>	<b>100,0%</b>	<b>1.993.800</b>	<b>100,0%</b>	<b>3.049.970</b>	<b>100,0%</b>	<b>35,6%</b>
<b>A. Thu cân đối NSNN (I+II)</b>	<b>1.685.500</b>	<b>99,9%</b>	<b>1.993.800</b>	<b>100,0%</b>	<b>3.049.970</b>	<b>100,0%</b>	<b>35,6%</b>
<b>I. Thu nội địa</b>	<b>1.685.500</b>	<b>99,9%</b>	<b>1.993.800</b>	<b>100,0%</b>	<b>3.049.970</b>	<b>100,0%</b>	<b>35,6%</b>
1. Thu từ khu vực kinh tế quốc doanh	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%	0,0%
2. Thu từ doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%	0,0%
3. Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%	0,0%
4. Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	1.129.715	67,0%	1.331.850	66,8%	1.644.000	53,9%	20,7%
5. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	30	0,0%	-	0,0%	5	0,0%	0,0%
6. Thuế thu nhập cá nhân	57.500	3,4%	75.000	3,8%	120.000	3,9%	45,2%
7. Lệ phí trước bạ	122.680	7,3%	139.200	7,0%	203.100	6,7%	29,7%
8. Thuế bảo vệ môi trường	-	0,0%	-	0,0%	-	0,0%	0,0%
9. Thu phí và lệ phí	61.745	3,7%	109.000	5,5%	176.000	5,8%	69,0%
- Trung ương	33.000	2,0%	31.000	1,6%	93.800	3,1%	98,3%
- Tỉnh	-	0,0%	50.000	2,5%	42.900	1,4%	-14,2%
- Thành phố	22.085	1,3%	24.000	1,2%	33.000	1,1%	23,1%
- Xã phường	6.660	0,4%	4.000	0,2%	63.000	2,1%	717,5%
10. Các khoản thu về nhà, đất	291.090	17,3%	309.550	15,5%	881.165	28,9%	95,5%
11. Thu tại xã	5.140	0,3%	5.200	0,3%	3.700	0,1%	-13,8%
12. Thu khác NS	17.600	1,0%	24.000	1,2%	22.000	0,7%	14,0%
<b>II. Thu Hải quan</b>	<b>-</b>	<b>0,0%</b>	<b>-</b>	<b>0,0%</b>	<b>-</b>	<b>0,0%</b>	<b>0,0%</b>
<b>B. Các khoản thu ngoài cân đối (thu sở xố kiến thiết, thu từ các khoản huy động đóng góp)</b>	<b>1.600</b>	<b>0,1%</b>	<b>-</b>	<b>0,0%</b>	<b>-</b>	<b>0,0%</b>	<b>0,0%</b>
<b>C. Các khoản thu để lại chi quản lý qua NSNN (học phí)</b>	<b>-</b>	<b>0,0%</b>	<b>-</b>	<b>0,0%</b>	<b>-</b>	<b>0,0%</b>	<b>0,0%</b>

Nguồn: Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố Nha Trang từ năm 2014 đến 2016

Việc tính giao dự toán thu ngân sách cho xã, thị trấn trên địa bàn được căn cứ vào tình hình kinh tế cụ thể từng huyện, từng xã; căn cứ vào tỷ lệ thu ngân sách được hưởng của các cấp ngân sách và cơ bản đảm bảo phù hợp với các yêu cầu chi ngân sách được giao.

Nhìn chung công tác lập dự toán thu ngân sách đã tương đối đảm bảo sự phù hợp giữa kế hoạch thu đề ra với tiềm năng, lợi thế, định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Trong quá trình lập dự toán thu ngân sách đảm bảo được quy trình, thủ tục và thời gian, đã có sự phối hợp giữa các cấp, các ngành và sự chỉ đạo của chính quyền địa phương. Thực tế vẫn còn những tồn tại sau:

**Thứ nhất**, dự toán thu NSNN được lập còn thấp.

**Thứ hai**, theo quy định việc lập và tổng hợp dự toán từ cơ sở trong khi hệ thống ngân sách còn nhiều cấp nên trong khâu lập chỉ đơn thuần mới chỉ mang tính hình thức. Vai trò của lập dự toán trong cả chu trình quản lý thu ngân sách còn chưa được coi trọng làm ảnh hưởng đến các khâu tiếp theo.

**Thứ ba**, trong phê duyệt dự toán HĐND tỉnh còn có nhiều hạn chế. Đó là: quyết định phê duyệt mang nặng tính hình thức chưa phản ánh đầy đủ quan điểm, chính kiến trong công tác lập dự toán; dự toán được UBND huyện trình lên thường được phê duyệt ngay mà không có điều chỉnh.

#### **2.2.6. Thực hiện dự toán thu ngân sách**

Trong những năm qua, thành phố Nha Trang có tốc độ phát triển kinh tế tương đối nhanh, sản xuất kinh doanh trên địa bàn không ngừng phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch rõ nét theo hướng dịch vụ du lịch - thương mại – công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp. Kết quả đó tác động rất lớn đến thu NSNN trên địa bàn thành phố. Thu ngân sách thành phố Nha Trang đã đạt nhiều kết quả to lớn, nguồn thu ngày càng tăng lên, cơ cấu nguồn thu ngày càng ổn định vững chắc hơn. Thu ngân sách thành phố đã không những đáp ứng được những nhiệm vụ chi thiết yếu cho bộ máy quản lý Nhà nước, chi

SNKT, văn xã, ANQP và bổ sung cân đối ngân sách xã mà còn dành phần thích đáng cho nhu cầu chi đầu tư phát triển, chỉnh trang đô thị làm thay đổi cơ bản bộ mặt của thành phố.

Tình hình thu ngân sách thành phố Nha Trang 3 năm (2014 - 2016) được theo từng lĩnh vực được thể hiện qua bảng 2.3 cụ thể như sau:

Tổng thu NSNN trên địa bàn của thành phố có tốc độ tăng trưởng cao, bình quân tăng khoảng 35,6%/ năm. Cụ thể: Trong năm 2014, tổng thu NSNN trên địa bàn là 2.463.597 triệu đồng đạt 146% dự toán. Trong đó thu từ thu cân đối NSNN là 2.449.509 triệu đồng, đạt 145,3% dự toán. Các khoản thu ngoài cân đối (bao gồm thu từ sổ xố kiến thiết, thu từ các khoản huy động đóng góp) đạt 3.752 triệu đồng. Các khoản thu để lại chi quản lý qua NSNN (bao gồm học phí, viện phí...) đạt 10.336 triệu đồng. Năm 2015, tổng thu NSNN trên địa bàn đã tăng lên đến 3.258.484 triệu đồng (tăng hơn 1,6 lần) đạt 163,4% dự toán. Trong đó, thu từ cân đối ngân sách là 3.244.835 triệu đồng đạt 162,7% dự toán, các khoản thu ngoài cân đối là 2.483 triệu đồng, Các khoản thu để lại chi quản lý qua NSNN là 11.166 triệu đồng. Đến năm 2016, tổng thu NSNN là 4.549.447 triệu đồng đạt 149,7% dự toán, trong đó, thu từ cân đối ngân sách là 4.549.447 triệu đồng đạt 149,2% dự toán, các khoản thu ngoài cân đối đạt 3.570 triệu đồng, Các khoản thu để lại chi quản lý qua NSNN đạt 12.328 triệu đồng.

Trong cơ cấu thu ngân sách hàng năm thì thu từ nội địa chiếm trên 99% trong tổng thu trên địa bàn. Trong nội dung thu nội địa có một số các nguồn thu đóng góp cao vào ngân sách:

Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh chiếm tỷ trọng lớn nhất (chiếm trên 40%) trong thu nội địa và có tốc độ tăng nhanh trong giai đoạn 2014 - 2016 với tỷ lệ tăng trung bình là 33,3%/năm. Năm 2014, số thu từ nội dung này là 1.278.548 triệu đồng đến năm 2016 con số này là 2.214.384 triệu

đồng, tăng hơn 935.836 triệu đồng lần trong 5 năm. Tuy đã đóng góp lớn cho thu nội địa trong thu ngân sách hàng năm nhưng công tác tổ chức thu vẫn còn hạn chế chưa được giải quyết triệt để làm ảnh hưởng đến kết quả thu. Cụ thể là:

Tình trạng trốn thuế của các doanh nghiệp trên địa bàn còn khá lớn và bằng nhiều thủ đoạn khác nhau, nhiều doanh nghiệp có tình chây ỳ trong thực hiện nghĩa vụ thuế. Bên cạnh đó là việc tính lãi đối với việc nộp chậm thuế như hiện nay là quá thấp (0,05%/ngày – 0,07%/ngày); các chế tài xử phạt vi phạm chưa đủ răn đe, do đó nợ thuế trong nội dung thu này chiếm hầu hết nợ thuế hiện nay.

Tiền sử dụng đất là nguồn thu chiếm tỷ trọng tương đối lớn và tăng trưởng khoảng 53,4%/ mỗi năm. Tuy nhiên khoản thu này vẫn chưa được địa phương chú trọng. Về lâu dài, thu từ sử dụng đất quá lớn là không bền vững cho ngân sách do đất đai là nguồn tài nguyên có hạn.

Có tỷ lệ thấp hơn sau hai nội dung thu trên là từ lệ phí trước bạ. Nội dung thu này chiếm khoảng 5,5 % trên thu nội địa.

Các khoản thu khác chủ yếu là phạt vi phạm hành chính trên các lĩnh vực khác nhau. Các khoản thu này đạt kết quả khá do các ngành chức năng bên cạnh việc tuyên truyền giáo dục đã đi đôi với việc xử phạt nghiêm vừa góp phần động viên vào ngân sách vừa đảm bảo trật tự xã hội.

Tình hình thu ngân sách thành phố Nha Trang 3 năm (2014 - 2016) theo từng sắc thuế được thể hiện qua Bảng 2.4, cụ thể như sau:

Thu cân đối NSNN năm 2014 là 2.133.879 triệu đồng. Trong đó, các khoản thu từ thuế là 1.395.075 triệu đồng, các khoản phí và lệ phí là 202.969 triệu đồng, các khoản thu khác là 535.835 triệu đồng. Đến năm 2016, thu cân đối NSNN đã tăng lên đến 4.238.065 triệu đồng. Trong đó, các khoản thu từ thuế là 2.423.721 triệu đồng, các khoản phí và lệ phí là 622.090 triệu đồng, các khoản thu khác là 1.192.255 triệu đồng.



**Bảng 2.3: Tổng hợp quyết toán thu NSNN trên địa bàn thành phố Nha Trang theo từng lĩnh vực (2014-2016)**

Chỉ tiêu	Năm 2014 (triệu đồng)		Năm 2015 (triệu đồng)		Năm 2016 (triệu đồng)		Tăng trưởng bình quân (%)
	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	
<b>Tổng thu NSNN trên địa bàn (A+B+C)</b>	<b>2.463.597</b>	<b>100,0%</b>	<b>3.258.484</b>	<b>100,0%</b>	<b>4.565.345</b>	<b>100,0%</b>	<b>36,2%</b>
<b>A. Thu cân đối NSNN (I+II)</b>	<b>2.449.509</b>	<b>99,4%</b>	<b>3.244.835</b>	<b>99,6%</b>	<b>4.549.447</b>	<b>99,7%</b>	<b>36,3%</b>
<b>I. Thu nội địa</b>	<b>2.130.127</b>	<b>86,5%</b>	<b>2.964.326</b>	<b>91,0%</b>	<b>4.238.065</b>	<b>92,8%</b>	<b>41,1%</b>
1. Thu từ khu vực kinh tế quốc doanh	22.244	0,9%	27.288	0,8%	35.772	0,8%	26,9%
2. Thu từ doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài	2.604	0,1%	-	0,0%	-	0,0%	-100,0%
3. Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	-	0,0%	2.135	0,1%	4.719	0,1%	121,0%
4. Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	1.278.548	51,9%	1.434.613	44,0%	2.214.384	48,5%	33,3%
5. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	43	0,0%	5	0,0%	1	0,0%	-84,2%
6. Thuế thu nhập cá nhân	77.923	3,2%	112.223	3,4%	159.419	3,5%	43,0%
7. Lệ phí trước bạ	138.444	5,6%	188.051	5,8%	235.035	5,1%	30,4%
8. Thuế bảo vệ môi trường	668	0,0%	-	0,0%	2.774	0,1%	315,3%
9. Thu phí và lệ phí	64.525	2,6%	187.294	5,7%	387.054	8,5%	148,5%
- Trung ương	30.411	1,2%	113.147	3,5%	299.275	6,6%	218,3%
- Tỉnh	-	0,0%	40.595	1,2%	53.512	1,2%	31,8%
- Thành phố	27.833	1,1%	27.775	0,9%	28.498	0,6%	1,2%
- Xã phường	6.281	0,3%	5.777	0,2%	5.769	0,1%	-4,1%
10. Các khoản thu về nhà, đất	522.580	21,2%	984.239	30,2%	1.165.578	25,5%	53,4%
11. Thu tại xã	6.184	0,3%	4.468	0,1%	5.862	0,1%	1,7%
12. Thu khác NS	16.364	0,7%	24.010	0,7%	27.467	0,6%	30,6%
<b>II. Thu Hải quan</b>	<b>319.382</b>	<b>13,0%</b>	<b>280.509</b>	<b>8,6%</b>	<b>311.382</b>	<b>6,8%</b>	<b>-0,6%</b>
<b>B. Các khoản thu ngoài cân đối (thu số xố kiến thiết, thu từ các khoản huy động đóng góp)</b>	<b>3.752</b>	<b>0,2%</b>	<b>2.483</b>	<b>0,1%</b>	<b>3.570</b>	<b>0,1%</b>	<b>5,0%</b>
<b>C. Các khoản thu để lại chi quản lý qua NSNN (học phí)</b>	<b>10.336</b>	<b>0,4%</b>	<b>11.166</b>	<b>0,3%</b>	<b>12.328</b>	<b>0,3%</b>	<b>9,2%</b>

*Nguồn: Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố Nha Trang từ năm 2014 đến 2016*

**Bảng 2.4: Tổng hợp Tình hình thu NSNN trên địa bàn thành phố Nha Trang theo từng sắc thuế (2014-2016)**

Chỉ tiêu	Năm 2014 (triệu đồng)		Năm 2015 (triệu đồng)		Năm 2016 (triệu đồng)		Tăng trưởng bình quân (%)
	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	Số tiền	Tỷ trọng %	
<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>2.133.879</b>	<b>100,0%</b>	<b>2.966.809</b>	<b>100,0%</b>	<b>4.238.065</b>	<b>100,0%</b>	<b>41%</b>
<b>I. Các khoản thu từ thuế</b>	<b>1.395.075</b>	<b>65,4%</b>	<b>1.587.986</b>	<b>53,5%</b>	<b>2.423.721</b>	<b>57,2%</b>	<b>33%</b>
1. Thuế giá trị gia tăng	867.206	40,6%	925.208	31,2%	1.292.653	30,5%	23%
2. Thuế Tiêu thụ đặc biệt	24.191	1,1%	24.503	0,8%	31.182	0,7%	14%
3. Thuế Thu nhập doanh nghiệp	330.302	15,5%	432.128	14,6%	820.078	19,4%	60%
4. Thuế Tài nguyên	17.580	0,8%	22.035	0,7%	25.107	0,6%	20%
5. Thuế thu nhập đ.với người có thu nhập cao	77.923	3,7%	112.223	3,8%	159.420	3,8%	43%
6. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	43	0,0%	5	0,0%	1	0,0%	-81%
7. Thuế Nhà đất	13.044	0,6%	12.846	0,4%	11.267	0,3%	-7%
8. Thuế chuyên quyền sử dụng đất		0,0%	87	0,0%	0	0,0%	0%
9. Thuế môn bài	20.501	1,0%	20.910	0,7%	22.847	0,5%	6%
10. Thuế bảo vệ môi trường	669	0,0%	0	0,0%	2.774	0,1%	315%
11. Thu khác thuế	43.616	2,0%	38.040	1,3%	58.392	1,4%	20%
<b>II. Các khoản phí, lệ phí</b>	<b>202.969</b>	<b>9,5%</b>	<b>375.345</b>	<b>12,7%</b>	<b>622.090</b>	<b>14,7%</b>	<b>75%</b>
1. Lệ phí trước bạ	138.444	6,5%	188.051	6,3%	235.035	5,5%	30%
2. Các khoản phí, lệ phí khác	64.525	3,0%	187.294	6,3%	387.054	9,1%	148%
<b>III. Thu khác còn lại</b>	<b>535.835</b>	<b>25,1%</b>	<b>1.003.478</b>	<b>33,8%</b>	<b>1.192.255</b>	<b>28,1%</b>	<b>53%</b>
1. Thu tiền Thuế mặt đất, mặt nước	72.044	3,4%	150.391	5,1%	537.465	12,7%	183%
2. Thu tiền sử dụng đất	433.826	20,3%	822.127	27,7%	621.460	14,7%	33%
3. Thu bán nhà thuộc SHNN	3.666	0,2%	0	0,0%	0	0,0%	0%
4. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	0	0,0%	5.975	0,2%	0	0,0%	0%
5. Thu khác	26.299	1,2%	24.985	0,8%	33.329	0,8%	14%

*Nguồn: Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố Nha Trang từ năm 2014 đến 2016*

Nhìn chung các khoản thu từ thuế và phí lệ phí vẫn là những khoản thu ổn định và chiếm tỷ trọng lớn (gần 70%) trong thu NSNN của thành phố. Riêng đối với khoản thu tiền sử dụng đất không ổn định do thành phố chưa chú trọng đến công tác bán đấu giá quyền sử dụng đất và nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước, chưa đầu tư hạ tầng cơ sở để khai thác quỹ đất trống tại các khu đô thị, khu dân cư chỉnh trang. Ngoài ra do việc thu tiền thuê đất đối với các tổ chức, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của tỉnh nên thành phố cũng không thu được các khoản đóng góp này vào ngân sách địa phương. Cụ thể năm 2014 thu từ nguồn này là 433.826 triệu đồng chiếm tỷ trọng 20,3%, năm 2015 thu 822.127 triệu đồng chiếm tỷ trọng 27,7% nhưng đến năm 2016 đã giảm xuống còn 621.460 triệu đồng chiếm tỷ trọng 14,7%.

Đạt được kết quả trên là do trong công tác tổ chức thu tại địa phương đã có những đổi mới, cải cách công tác quản lý thu ngày càng chuyên nghiệp, hiệu quả hơn. Năm 2010, triển khai thành công dự án hiện đại hóa quy trình quản lý thu, nộp thuế giữa cơ quan Thuế - Kho bạc - Hải quan - Tài chính đã nâng cao hiệu quả quản lý. Góp phần tập trung nhanh và hiệu quả các nguồn thu vào NSNN bằng việc ứng dụng Hệ thống thông tin quản lý ngân sách giữa Tài chính và Kho bạc (Tabmis). Hệ thống xử lý dữ liệu tập trung và chuẩn hóa dữ liệu thông tin về số thu NSNN giữa KBNN, Thuế, Hải quan (TCS), Chương trình KT559 của Hải quan đảm bảo việc tích hợp, truyền nhận dữ liệu với KBNN. Bên cạnh đó là việc triển khai phối hợp thu giữa Kho bạc - Thuế - Hải quan và công tác ủy nhiệm thu cho các Ngân hàng thương mại.

### ***2.2.7. Công tác quyết toán thu ngân sách Nhà nước***

Quyết toán NSNN là khâu cuối cùng của quy trình NSNN, là việc tổng kết đánh giá lại tình hình thực hiện thu ngân sách năm trước. Số liệu quyết toán, các nội dung thu trong báo cáo quyết toán là cơ sở quan trọng để Nhà

nước, chính quyền địa phương các cấp đánh giá lại công tác thu và cũng đề cho người dân biết về việc đóng góp hàng năm của họ vào ngân sách là bao nhiêu. Đồng thời là cơ sở cho việc lập dự toán các năm tiếp theo. Hiện nay, quyết toán ngân sách được thực hiện theo Thông tư số 108/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 18/11/2008 về việc hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm và lập báo cáo quyết toán NSNN hàng năm.

Tại thành phố Nha Trang, vào thời điểm cuối năm ngân sách, cơ quan thu và KBNN đối chiếu số liệu thu thuế trong năm và giải quyết những tồn tại trong tổ chức thu như hoàn trả các khoản thuế, truy thu các khoản thu chưa thực hiện, xử lý các khoản tạm thu, tạm giữ. Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố phải lập báo cáo quyết toán thu gửi cơ quan thu cấp trên và cơ quan tài chính đồng cấp để tổng hợp báo cáo quyết toán NSNN. Cơ quan tài chính, trên cơ sở báo cáo quyết toán của cơ quan thu, lập báo cáo quyết toán thu gửi UBND đồng cấp và gửi cơ quan tài chính cấp trên; đồng thời UBND trình HĐND phê chuẩn. Sau khi báo cáo được HĐND phê chuẩn, UBND gửi báo cáo bổ sung quyết toán ngân sách cho cơ quan tài chính cấp trên.

Theo số liệu Bảng 2.5, tỷ lệ thực hiện so với dự toán thu còn khá cao, giai đoạn 2014-2016 vượt trung bình gần 57,6%/năm. Thực trạng này một phần do chưa tính hết được các nguồn thu trong lập dự toán thu hàng năm.

Nội dung thu tiền qua các năm đều có số dự toán rất thấp so với thực hiện, năm 2014 kết quả thực hiện thu nội địa là 2.130.127 triệu đồng đạt hơn 126,4% dự toán thu (1.685.500 triệu đồng). Đến năm 2015 thành phố vẫn chưa rút kinh nghiệm nội dung này và tiếp tục có kết quả thực hiện thu nội địa vượt 148,7% so với dự toán (2.964.326 triệu đồng/1.993.800 triệu đồng). Đến năm 2016, tuy đã điều chỉnh nội dung này phù hợp hơn nhưng kết quả thực hiện vẫn còn ở mức 139% (4.238.065 triệu đồng/3.049.970 triệu đồng).

Công tác quyết toán thu ngân sách tại thành phố Nha Trang đã thực hiện đúng quy định của Nhà nước về quy trình, thủ tục. Tuy nhiên trong triển khai thực hiện vẫn còn những nội dung tồn tại cụ thể:

**Thứ nhất**, ý nghĩa quyết toán ngân sách đang bị xem nhẹ, chỉ mới đơn thuần tổng hợp các khoản thu ngân sách của một năm. Việc quyết toán nếu vượt kế hoạch đều được đánh giá là thực hiện dự toán tốt nhưng chưa có đánh giá nguyên nhân chênh lệch giữa thực thu với dự toán.

**Thứ hai**, số liệu về quyết toán thu ngân sách chưa được đánh giá một cách toàn diện và chưa được làm căn cứ để lập kế hoạch của năm tiếp theo. Việc đánh giá các số liệu quyết toán còn chưa chú trọng vào các nội dung thu, chưa chỉ ra các nguyên nhân tăng, giảm thu; chưa đánh giá được cơ cấu thu ngân sách đối với các nội dung thu có phù hợp hay không. Từ việc đánh giá chưa thực sự sâu sát, dẫn đến việc chưa chỉ ra cụ thể các bất cập trong tổ chức quản lý thu để có giải pháp cho các năm tiếp theo thực hiện tốt hơn.

**Thứ ba**, công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán của HĐND tỉnh chưa thực sự tốt do còn phụ thuộc vào số liệu do UBND thành phố Nha Trang trình lên. HĐND tỉnh không tham gia vào các khâu của công tác quyết toán nên nắm bắt chưa cụ thể các nội dung trong báo cáo quyết toán. Năng lực về thẩm định tài chính ngân sách của các đại biểu HĐND chưa cao. Do đó quyết toán thường được phê duyệt ngay khi trình lên và ít khi có điều chỉnh.

**Bảng 2.5: Tổng hợp thực hiện so với dự toán thu NSNN trên địa bàn thành phố Nha Trang theo từng lĩnh vực (2014-2016)**

Chỉ tiêu	Năm 2014 (Triệu đồng)			Năm 2015 (Triệu đồng)			Năm 2016 (Triệu đồng)		
	Dự toán	Thực hiện	% TH/DT	Dự toán	Thực hiện	% TH/DT	Dự toán	Thực hiện	% TH/DT
<b>Tổng thu NSNN trên địa bàn (A+B+C)</b>	<b>1.687.100</b>	<b>2.463.597</b>	<b>146,0%</b>	<b>1.993.800</b>	<b>3.258.484</b>	<b>163,4%</b>	<b>3.049.970</b>	<b>4.565.345</b>	<b>149,7%</b>
<b>A. Thu cân đối NSNN (I+II)</b>	<b>1.685.500</b>	<b>2.449.509</b>	<b>145,3%</b>	<b>1.993.800</b>	<b>3.244.835</b>	<b>162,7%</b>	<b>3.049.970</b>	<b>4.549.447</b>	<b>149,2%</b>
<b>I. Thu nội địa</b>	<b>1.685.500</b>	<b>2.130.127</b>	<b>126,4%</b>	<b>1.993.800</b>	<b>2.964.326</b>	<b>148,7%</b>	<b>3.049.970</b>	<b>4.238.065</b>	<b>139,0%</b>
1. Thu từ khu vực kinh tế quốc doanh	-	22.244		-	27.288		-	35.772	
2. Thu từ doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài	-	2.604		-	-		-	-	
3. Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài	-	-		-	2.135		-	4.719	
4. Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh	1.129.715	1.278.548	<b>113,2%</b>	1.331.850	1.434.613	<b>107,7%</b>	1.644.000	2.214.384	<b>134,7%</b>
5. Thuế sử dụng đất nông nghiệp	30	43	<b>143,3%</b>	-	5		5	1	<b>20,0%</b>
6. Thuế thu nhập cá nhân	57.500	77.923	<b>135,5%</b>	75.000	112.223	<b>149,6%</b>	120.000	159.419	<b>132,8%</b>
7. Lệ phí trước bạ	122.680	138.444	<b>112,8%</b>	139.200	188.051	<b>135,1%</b>	203.100	235.035	<b>115,7%</b>
8. Thuế bảo vệ môi trường	-	668		-	-		-	2.774	
9. Thu phí và lệ phí	61.745	64.525	<b>104,5%</b>	109.000	187.294	<b>171,8%</b>	176.000	387.054	<b>219,9%</b>
- Trung ương	33.000	30.411	<b>92,2%</b>	31.000	113.147	<b>365,0%</b>	93.800	299.275	<b>319,1%</b>
- Tỉnh	-	-		50.000	40.595	<b>81,2%</b>	42.900	53.512	<b>124,7%</b>
- Thành phố	22.085	27.833	<b>126,0%</b>	24.000	27.775	<b>115,7%</b>	33.000	28.498	<b>86,4%</b>
- Xã phường	6.660	6.281	<b>94,3%</b>	4.000	5.777	<b>144,4%</b>	63.000	5.769	<b>9,2%</b>
10. Các khoản thu về nhà, đất	291.090	522.580	<b>179,5%</b>	309.550	984.239	<b>318,0%</b>	881.165	1.165.578	<b>132,3%</b>
11. Thu tại xã	5.140	6.184	<b>120,3%</b>	5.200	4.468	<b>85,9%</b>	3.700	5.862	<b>158,4%</b>
12. Thu khác NS	17.600	16.364	<b>93,0%</b>	24.000	24.010	<b>100,0%</b>	22.000	27.467	<b>124,9%</b>
<b>II. Thu Hải quan</b>	<b>-</b>	<b>319.382</b>		<b>-</b>	<b>280.509</b>		<b>-</b>	<b>311.382</b>	
<b>B. Các khoản thu ngoài cân đối (thu số xổ kiến thiết, thu từ các khoản huy động đóng góp)</b>	<b>1.600</b>	<b>3.752</b>	<b>234,5%</b>	<b>-</b>	<b>2.483</b>		<b>-</b>	<b>3.570</b>	
<b>C. Các khoản thu để lại chi quản lý qua NSNN (học phí)</b>	<b>-</b>	<b>10.336</b>		<b>-</b>	<b>11.166</b>		<b>-</b>	<b>12.328</b>	

Nguồn: Báo cáo quyết toán ngân sách thành phố Nha Trang từ năm 2014 đến 2016

### **2.2.8. Thanh tra, kiểm tra quản lý thu ngân sách Nhà nước**

Công tác kiểm tra, thanh tra quản lý thu NSNN tại thành phố Nha Trang là khá tốt. Việc kiểm tra “trước khi thu”: Khâu lập dự toán thu NSNN do cơ quan thuế - tài chính đảm nhận còn nặng về chỉ tiêu phân bổ dự toán ngân sách cho các đơn vị. Nhìn chung, định mức hướng dẫn có phần chung chung của cơ quan tài chính. Vì vậy, việc kiểm tra khâu lập dự toán còn tính chủ quan, chưa quan tâm đúng mức dự toán thu của đơn vị, nên dự toán được duyệt có phần chưa hợp lý. Việc kiểm tra “trong khi thu” được cơ quan thuế, tài chính và kho bạc kiểm tra, xét duyệt nghiêm ngặt theo chế độ, tiêu chuẩn quy định của Nhà nước. Vì vậy, công tác kiểm tra thường chú trọng đến tính nguyên tắc, sự tuân thủ, hợp pháp của quy trình, của hóa đơn chứng từ chứ hầu như không quan tâm đến tính hiệu quả của hoạt động quản lý thu NSNN. Việc kiểm tra “sau thu” cũng được cơ quan thuế, tài chính và kho bạc thực hiện đúng quy định.

Trong năm 2016, thành phố đã tổ chức 06 cuộc thanh tra về công tác quản lý tài chính tại các xã, phường: Vĩnh Lương, Vĩnh Phước, Lộc Thọ, Vĩnh Hải, Ngọc Hiệp, Phước Long và 01 cuộc thanh tra đột xuất tại Ban Quản lý Vịnh Nha Trang. Kết quả thanh tra đã phát hiện một số sai phạm và đã thu hồi nộp ngân sách số tiền gần 261,67 triệu đồng, kịp thời chấn chỉnh các thiếu sót, đồng thời rút kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành quản lý tài chính.

## **2.3. Đánh giá thực trạng quản lý thu ngân sách tại Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa**

### **2.3.1. Những kết quả đạt được**

Trong những năm qua, thành phố Nha Trang có tốc độ phát triển kinh tế tương đối nhanh, sản xuất kinh doanh trên địa bàn không ngừng phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch rõ nét theo hướng dịch vụ Du lịch, Thương mại – Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp. Kết quả đó đã tác động rất lớn đến thu

NSNN trên địa bàn thành phố. Thu ngân sách thành phố Nha Trang đã đạt nhiều kết quả to lớn. Nguồn thu ngày càng tăng lên, cơ cấu nguồn thu ngày càng ổn định vững chắc hơn. Thu ngân sách thành phố đã không những đáp ứng được những nhiệm vụ chi thiết yếu cho bộ máy quản lý Nhà nước, chi SNKT, Văn xã, ANQP và bổ sung cân đối ngân sách xã mà còn dành phần thích đáng cho nhu cầu chi đầu tư phát triển, chỉnh trang đô thị, làm thay đổi cơ bản bộ mặt của thành phố.

### **2.3.2. Những hạn chế**

**Thứ nhất**, công tác kế hoạch hoá nguồn thu chưa được coi trọng đúng mức.

Đây là một trong những hạn chế lớn hiện nay về công tác quản lý thu ngân sách. Cơ quan quản lý thu ngân sách chưa làm tốt công tác kế hoạch hóa các nguồn thu để từ đó có biện pháp quản lý và thu đúng, thu đủ. Hạn chế này thể hiện ở chỗ chưa nắm chắc được khả năng nguồn thu trên địa bàn bao gồm các nguồn thu đã có, nguồn thu sẽ phát sinh để từ đó có biện pháp đa dạng hóa các nguồn thu. Đối với nguồn thu chính là thuế ngoài quốc doanh do không kế hoạch hóa nguồn thu đối với khu vực này nên thiếu cơ sở để xây dựng các biện pháp quản lý nhằm thu đúng, thu đủ.

**Thứ hai**, công tác xây dựng dự toán thu ngân sách chưa có cơ sở vững chắc, đôi khi còn mang yếu tố chủ quan áp đặt, cảm tính. Dự toán thu là cơ sở để điều hành, quản lý thu ngân sách nhưng chưa được xây dựng một cách có khoa học, thường tham khảo số kiểm tra của Sở Tài chính tỉnh và tình hình thu ngân sách năm hiện hành, dự ước khả năng phát triển KT - XH của năm kế hoạch để đề ra dự toán thu. Thực tế là số kiểm tra của Sở Tài chính cũng thường dựa trên số kiểm tra của Bộ Tài chính mà thông báo cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Vì vậy việc xây dựng dự toán thường dựa vào yếu tố chủ quan, kinh nghiệm. Điều này còn xuất phát từ công tác kế hoạch



hóa nguồn thu còn yếu. Ngoài ra còn có nguyên nhân khách quan là thường bị áp đặt của cơ quan cấp trên về số thu ngân sách nhất là thu thuế từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.

**Thứ ba**, trình độ năng lực cán bộ làm công tác tin học chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Do đó hiệu quả từ ứng dụng CNTT chưa cao. Công tác thu thập, hệ thống hóa và xử lý thông tin về đối tượng nộp thuế chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Các dữ liệu về lịch sử doanh nghiệp, về các mối quan hệ chủ yếu của doanh nghiệp, tình hình chấp hành pháp luật, nhân thân của doanh nghiệp đôi khi còn chông chéo, chưa được cập nhật thường xuyên.

**Thứ tư**, tình trạng nợ đọng thuế còn lớn và có xu hướng ngày càng tăng. Trong đó, số nợ khó thu chiếm tỷ lệ không nhỏ. Chi cục thuế chưa thật sự kiên quyết trong việc tham mưu UBND thành phố ban hành các quyết định cưỡng chế hành chính để thu hồi nợ đọng đối với các trường hợp có điều kiện trả nợ thuế nhưng dây dưa, chây ì không chịu trả. Ngoài ra, công tác phối hợp với các cơ quan có liên quan như Công an, Biên phòng, Viện kiểm sát, UBND các Xã, Phường trong việc đôn đốc thu hồi nợ thuế chưa mang lại hiệu quả.

**Thứ năm**, việc lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, HĐND, UBND thành phố về công tác quản lý thu thuế có khi chưa thường xuyên, liên tục, quyết liệt; thường chỉ tập trung vào quý 1 và quý 4 để đảm bảo hoàn thành kế hoạch thu được tỉnh giao.

Lãnh đạo một số UBND xã, phường chưa thật sự quan tâm đến công tác thuế, chưa phát huy được vai trò của Hội đồng tư vấn thuế ở địa phương.

**Thứ sáu**, công tác cải cách hành chính trong kê khai nộp thuế, hoàn thuế, sử dụng hoá đơn tuy có một số tiến bộ bước đầu, nhưng vẫn còn hạn chế, chưa đồng bộ, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh phát triển. Thủ tục hành chính trong quản lý kê khai thuế còn quá rườm rà.

**Thứ bảy**, phương pháp quản lý thu thuế ở Chi cục thuế thành phố Nha

Trang mặc dù đã có những cải tiến nhưng vẫn thiếu khoa học, nhất là đối với các hộ kinh doanh cá thể. Qua khảo sát, trên 80% trong hơn 11 nghìn hộ kinh doanh thực hiện phương pháp khoán thuế đã nhận thấy nhiều hạn chế.

**Thứ tám**, thực hiện ủy nhiệm thu là công tác mới nên bước đầu không tránh khỏi những lúng túng trong việc triển khai. Nhân tố cán bộ rất cần phải chú ý khắc phục. Lực lượng cán bộ làm công tác ủy nhiệm thu do các địa phương tuyển dụng và bố trí, Nhưng thực tế cho thấy việc bố trí này chưa phù hợp. Nhiều trường hợp kiêm nhiệm không đúng quy định, một số nơi thường xuyên thay đổi dẫn đến hậu quả là:

### **2.3.3 Những nguyên nhân đối với công tác quản lý thu thuế**

**Thứ nhất**, hệ thống thuế qua nhiều lần cải cách vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu; chưa chuyển hướng kịp thời để thích nghi với môi trường kinh tế ngày càng đổi mới; chưa dự báo hết những chuyển biến nhanh chóng của quá trình phát triển KT-XH. Chính sách thuế chưa bao quát hết mọi nguồn thu trong nền kinh tế, chưa khuyến khích và bảo hộ có chọn lọc, có thời hạn sản xuất trong nước. Chưa thực sự đảm bảo bình đẳng và công bằng về nghĩa vụ thuế. Ngoài ra chính sách thuế vẫn còn nhiều phức tạp, một số sắc thuế còn nhiều thuế suất. Còn lồng ghép nhiều chính sách xã hội, còn nhiều mức miễn, giảm thuế làm hạn chế tính trung lập của thuế, làm cho công tác quản lý thuế phức tạp, dễ phát sinh tiêu cực .

**Thứ hai**, trình độ nhận thức của xã hội về thuế còn thấp. Phần lớn người dân chưa hiểu rõ bản chất tốt đẹp và lợi ích của công tác thuế, chưa thấy được việc thực hiện nghĩa vụ thuế là trách nhiệm của mọi công dân, chưa phê phán mạnh mẽ các trường hợp gian lận về thuế, chưa hỗ trợ tích cực cho cơ quan thuế thu thuế. Ý thức chấp hành pháp luật về thuế của các đối tượng nộp thuế còn thấp, tình trạng trốn thuế, gian lận thuế, nợ đọng thuế diễn ra khá phổ biến khiến vừa thất thu thuế vừa không công bằng trong xã hội. Các

chế tài về thuế còn hạn chế, chưa đủ sức răn đe các hành vi vi phạm pháp luật về thuế. Sự phối hợp giữa các cơ quan bảo vệ pháp luật và cơ quan thuế trong một số trường hợp xử lý vi phạm chưa được chặt chẽ, chưa thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

**Thứ ba,** nghĩa vụ, trách nhiệm pháp luật và quyền lợi của đối tượng nộp thuế, cơ quan thuế, tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác thuế chưa được quy định đầy đủ và thiếu nhất quán giữa các sắc thuế. Bên cạnh đó một số quy định còn rườm rà, phức tạp, chưa rõ ràng, minh bạch gây khó khăn, tốn kém cho cả người nộp thuế và cơ quan thuế, dễ phát sinh tiêu cực trong việc chấp hành nghĩa vụ thuế.

**Thứ tư,** các giải pháp quản lý KT-XH chưa được cải cách đồng bộ để hỗ trợ cho công tác quản lý thuế như: quản lý đất đai, quản lý thanh toán không dùng tiền mặt, quản lý xuất nhập khẩu, quản lý đăng ký kinh doanh. Hiện nay, hình thức thanh toán bằng tiền mặt còn diễn ra phổ biến trong nền kinh tế, do vậy ngành thuế không thể kiểm tra, kiểm soát được quá trình thanh toán, thu nhập của các đối tượng chịu thuế dẫn đến việc tính toán số thuế phải nộp không chính xác, làm thất thu thuế cho ngân sách.

**Thứ năm,** đội ngũ cán bộ quản lý thu ngân sách còn yếu. Một số cán bộ làm công tác quản lý thu NSNN trình độ hiểu biết chuyên môn nghiệp vụ và tinh thần trách nhiệm còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý thu hiện đại và yêu cầu cải cách hành chính trong quản lý thu. Còn hiện tượng cửa quyền, quan liêu, chưa tận tụy, công tâm giữa quyền lợi Nhà nước và quyền lợi người nộp thuế nên chưa trở thành người bạn đồng hành đáng tin cậy của các doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các luật thuế.

**Thứ sáu,** sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương đối với công tác thuế vẫn còn một số hạn chế, thiếu sót, thể hiện :

+ Chưa có quy định cụ thể trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương, các ban ngành có liên quan trong công tác thuế. Còn có tư tưởng coi việc thu thuế chỉ là nhiệm vụ của ngành thuế.

+ Sự phối kết hợp giữa các ngành chức năng trên cùng một địa bàn chưa chặt chẽ, thiếu thống nhất; thậm chí có nơi còn hạn chế vì lợi ích cục bộ. Phân công trách nhiệm chưa rõ ràng trong công tác phối hợp chống thất thu thuế, chống buôn lậu và gian lận thương mại trên địa bàn.

+ Chưa phát huy tốt vai trò của UBND các xã, phường và Hội đồng tư vấn thuế của địa phương trong vấn đề công khai thuế, hiệp thương mức thuế, ấn định thuế, dẫn đến số thuế giữa các hộ cùng ngành nghề chưa đảm bảo sự công bằng, công tác báo cáo thống kê còn chậm, số liệu chưa chính xác. Số hộ kinh doanh lập bộ thuế còn thấp so với đơn vị được cấp mã số nhưng chưa được làm rõ nguyên nhân để xử lý dứt điểm.

**Thứ bảy,** chưa có biện pháp mở rộng nguồn thu một cách thỏa đáng. Đây là một vấn đề rất quan trọng vì nếu không quan tâm bồi dưỡng, mở rộng nguồn thu thì dễ dẫn đến tình trạng lạm thu (vì cứ tập trung tăng thu đối với những cơ sở kinh doanh đã quản lý được), mất nguồn thu (vì các hộ kinh doanh cá thể không thể chịu đựng mức thuế liên tục tăng sẽ chuyển sang kinh doanh không ổn định hoặc xin nghỉ kinh doanh nhưng thực tế vẫn kinh doanh lén lút gây thất thu).

## ***Tóm tắt chương 2***

Chương 2 phân tích thực trạng quản lý thu ngân sách của thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, đề cập đến một số nội dung khoa học chủ yếu sau:

Một là, phân tích những yếu tố về đặc điểm KT - XH và tốc độ phát triển kinh tế xã hội của thành phố Nha Trang tác động đến công tác quản lý thu NSNN của thành phố.

Hai là, phân tích thực trạng quản lý thu ngân sách tại thành phố theo các nội dung đã được đề cập tại chương 1 về cơ sở khoa học của quản lý thu NSNN.

Ba là, đánh giá kết quả đạt được và những hạn chế về thu NSNN trên địa bàn thành phố. Luận văn đã chỉ ra được những nguyên nhân sâu sắc của quá trình quản lý thu ngân sách tại địa phương làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng, giảm thu ngân sách với những nguyên nhân khách quan và chủ quan trong thực tiễn. Đó chính là căn nguyên của vấn đề trong quản lý thu NSNN của Việt Nam nói chung và thành phố Nha Trang nói riêng. Từ đó tạo căn cứ để xác định được giải pháp tối ưu nhằm hoàn thiện quản lý thu ngân sách tại thành phố Nha Trang.

Đây được coi là cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất phương hướng và giải pháp hoàn thiện quản lý thu NSNN ở chương sau.

### **Chương 3**

## **ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN QUẢN LÝ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**

### **3.1. Định hướng hoàn thiện quản lý thu NSNN tại thành phố Nha Trang**

#### **3.1.1. Định hướng phát triển KT - XH của thành phố Nha Trang đến 2020**

##### **3.1.1.1. Quan điểm phát triển**

Quá trình phát triển đi lên của thành phố Nha Trang trong những năm tới đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý thu NSNN của thành phố. Quản lý thu, chi ngân sách phải góp phần tạo ra sự ổn định về KT - XH trên địa bàn tạo lập, phân phối và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, mở rộng đầu tư để thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển KT - XH của thành phố đến năm 2020.

Việc hoàn thiện quản lý thu NSNN của thành phố Nha Trang trong thời gian tới cần dựa trên các quan điểm sau:

**Thứ nhất**, hoàn thiện quản lý thu ngân sách trên địa bàn thành phố Nha Trang phải dựa trên cơ sở quán triệt đường lối, chính sách phát triển KT - XH của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Khánh hòa, Thành ủy, UBND thành phố Nha Trang nhằm thực hiện tốt các mục tiêu phát triển KT - XH, phù hợp với trình độ phát triển của thành phố trong điều kiện kinh tế mở cửa, hội nhập trước những thách thức và cơ hội. Quan điểm này cần quán triệt theo hướng khai thác, quản lý nguồn thu một cách chặt chẽ; đồng thời phải tạo điều kiện để khuyến khích các thành phần kinh tế hoạt động trên địa bàn thành phố mở rộng sản xuất kinh doanh. Cần động viên hợp lý ở mức cao nhất nguồn thu vào ngân sách để đảm bảo nguồn lực tài chính thực hiện các chiến lược phát triển KT -

XH, đảm bảo hoạt động của bộ máy Nhà nước, tạo động lực để các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh. Vấn đề quan trọng nhất trong quản lý nguồn thu ở thành phố hiện nay và sắp đến là thu làm sao để đảm bảo công bằng, khuyến khích sản xuất phát triển. Không phải nguồn thu trên địa bàn thành phố tăng lên bao nhiêu phần trăm so với kế hoạch đề ra là lý tưởng mà quan trọng hơn là giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng cường quản lý thu thuế và đảm bảo cho sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố vẫn phát triển. Đó mới là hiệu quả của quản lý thu NSNN.

**Thứ hai**, đa dạng hóa nguồn thu tạo ra sự đóng góp của các thành phần kinh tế trên địa bàn làm cho nguồn thu ngày càng tăng lên, đảm bảo ổn định lâu dài. Khắc phục tình trạng hiện nay chỉ tập trung quản lý thu vào các lĩnh vực chủ yếu, chưa quan tâm đến các lĩnh vực liên quan khác. Phải mở rộng nguồn thu trên địa bàn trên cơ sở chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách phù hợp. Quan điểm này cần quán triệt trên các khía cạnh sau:

+ Mặc dù các lĩnh vực khác nguồn thu còn ít, nhưng phát triển thêm đối tượng nộp thuế thì tổng số nguồn thu sẽ tăng lên.

+ Coi trọng hơn các khoản thu ngoài thuế. Đây là khoản thu tuy nhỏ nhưng có sự đóng góp của mọi người dân trên địa bàn.

**Thứ ba**, nâng cao hiệu quả các khoản chi ngân sách, bố trí chi thường xuyên ở mức hợp lý, tăng chi đầu tư phát triển để thực hiện thắng lợi các mục tiêu KT - XH đặt ra. Coi trọng hiệu quả các khoản chi ngân sách, xác định các nội dung trọng tâm cần đầu tư các khoản chi ngân sách, với quan điểm nhận thức "chi để mà thu", "chi vào đâu để nguồn thu được sinh sôi nảy nở". Đó là vấn đề rất quan trọng cần phải quán triệt trong quản lý chi ngân sách. Vấn đề quan trọng nhất ở thành phố Nha Trang chủ yếu không phải là tìm mọi cách để tăng chi mà là quản lý chi ngân sách như thế nào để tăng thu, tạo môi trường cho sản xuất phát triển, rút ngắn khoảng cách giữa người giàu người

nghèo, phát triển kinh tế đi đôi với công bằng xã hội là quan trọng nhất.

**Thứ tư**, hoàn thiện công tác quản lý thu ngân sách phải đi liền với hoàn thiện bộ máy, tăng cường chức năng, quyền hạn của bộ máy quản lý thu, chi ngân sách, nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý thu, chi ngân sách.

### *3.1.1.2. Mục tiêu phát triển*

Phấn đấu xây dựng thành phố Nha Trang trở thành vùng kinh tế động lực trọng điểm phát triển của tỉnh trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đảng bộ đề ra phương hướng trong nhiệm kỳ tới: Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng với chiều sâu theo hướng dịch vụ - du lịch, công nghiệp, nông nghiệp. Xây dựng Nha Trang thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh; khoa học kỹ thuật, giáo dục - đào tạo và dịch vụ của vùng duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên; trung tâm du lịch - nghỉ dưỡng của cả nước và quốc tế; là nơi tổ chức các sự kiện lễ hội, văn hóa có ý nghĩa cấp quốc gia và quốc tế. Phát triển du lịch kết hợp bảo tồn, phát huy hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, di tích lịch sử, văn hóa. Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, nông, lâm nghiệp và thủy sản gắn với phát triển du lịch và bảo vệ môi trường. Xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị tạo không gian kiến trúc đồng bộ, hiện đại; mở rộng thành phố về phía tây, phía nam theo quy hoạch. Nâng cao chất lượng các ngành giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao và truyền thanh. Xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; bảo đảm quốc phòng an ninh; bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái phát triển theo hướng bền vững.



### **3.1.2. Các quan điểm hoàn thiện quản lý thu NSNN thành phố Nha Trang**

Về cải cách thể chế quản lý: Thực hiện cải cách cơ bản các thủ tục hành chính kể cả về thể chế và tổ chức thực hiện. Loại bỏ những khâu bất hợp lý phiền hà, ngăn chặn tuyệt đối tệ cửa quyền, tham nhũng hối lộ cũng như những hành vi vi phạm pháp luật khác.

Về tổ chức bộ máy: Chấn chỉnh lại cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động đảm bảo bộ máy tinh gọn, có hiệu quả với chi phí quản lý hợp lý nhất, đảm bảo sự điều hành tập trung thống nhất trong suốt từ Trung ương đến cơ sở.

Về đội ngũ cán bộ, công chức quản lý: Xây dựng và ban hành các văn bản pháp quy về chế độ công vụ, công chức, quy chế đào tạo, tuyển dụng, biên chế. Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức vừa có trình độ chuyên môn cao, kỹ năng nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao, tư cách đạo đức tốt.

Ngân sách cấp thành phố là phương tiện vật chất để chính quyền địa phương thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình. Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay, Đảng và Nhà nước quan tâm đến vấn đề chuyển đổi cơ cấu kinh tế, mà trong đó chính quyền thành phố và NSNN đóng vai trò hết sức quan trọng. Do vậy yêu cầu đổi mới công tác quản lý thu ngân sách ở thành phố Nha Trang đang được đặt ra hết sức cấp thiết, góp phần nâng cao hiệu lực hiệu quả trong quản lý, sử dụng các nguồn lực từ ngân sách để phát triển KT-XH.

Xuất phát từ đặc điểm KT-XH, chủ trương tăng cường quản lý của Đảng và Nhà nước, từ thực tế thi hành công tác quản lý thu NSNN những năm vừa qua, thời gian tới cần đạt được mục tiêu các mục tiêu cơ bản sau đây:

Tăng cường quản lý thu NSNN xét ở khía cạnh quản lý thu thuế phải đạt được yêu cầu giảm chi phí, tạo điều kiện thuận lợi, đúng đắn và hợp lý cho cán bộ thu thuế và đối tượng nộp thuế.

Hoàn thiện quản lý thu ngân sách phải gắn liền với quy hoạch phát triển kinh tế, tăng cường sự quản lý của Nhà nước theo hướng xã hội chủ nghĩa.

Cải tiến cơ chế quản lý thu thuế, thực hiện cơ chế tự kê khai, tự tính thuế. Tăng cường trách nhiệm pháp lý của đối tượng nộp thuế.

Cải cách bộ máy ngành thuế cho phù hợp với điều kiện mới, đảm bảo tinh giảm, gọn nhẹ, hiệu quả cao.

Tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật, con người cho ngành thuế, đảm bảo thích ứng với quy trình quản lý thuế hiện đại, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước giao.

Tăng cường sự phối hợp đồng bộ giữa các ban, ngành tài chính các cấp với cơ quan thuế và các tổ chức, cá nhân khác được ủy nhiệm thu. Chi cục thuế thành phố Nha Trang cần phối hợp chặt chẽ với phòng Tài chính – Kế hoạch tính toán ủy nhiệm rộng hơn cho UBND cấp phường thu các khoản thuế của hộ nhỏ lẻ, các khoản phí, các khoản thuế liên quan đến tỷ lệ điều tiết cho phường như thuế nhà đất, thuế giá trị gia tăng...

## **3.2. Giải pháp hoàn thiện quản lý thu NSNN tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa**

### **3.2.1. Nhóm giải pháp chung**

#### *3.2.1.1. Tăng cường vận động, giáo dục tuyên truyền về thuế*

Trong những năm qua, công tác tuyên truyền pháp luật thuế ở địa phương đã được quan tâm đúng mức, góp phần thiết thực vào công tác quản lý thu NSNN. Tuy nhiên, hình thức tuyên truyền chưa thật phong phú đa dạng. Sự phối kết hợp giữa cơ quan thuế và các ban ngành đoàn thể, cơ quan thông tin

truyền thông ở thành phố Nha Trang chưa chặt chẽ, đồng bộ, thiếu sự chỉ đạo của Đảng ủy, chính quyền các cấp. Do đó, hiệu quả của công tác tuyên truyền chưa cao, chưa làm cho mọi công dân và tổ chức kinh tế hiểu biết đầy đủ về pháp luật thuế, về nghĩa vụ và quyền lợi của công dân đối với việc nộp thuế và giám sát thực hiện chính sách thuế.

Để tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, góp phần thiết thực, hiệu quả hơn vào công tác thu thuế, luận văn đề xuất thực hiện một số biện pháp sau:

Phối hợp các cơ quan thông tin đại chúng như đài truyền hình thành phố và các bộ phận phát thanh các phường để phát và đăng tải các bài viết tuyên truyền về thuế. Biện pháp này phải đảm bảo tính thường xuyên, liên tục... Cơ quan thuế cung cấp tài liệu, nội dung chính sách thuế, nhất là những luật thuế mới và những sửa đổi, bổ sung cho các phóng viên để viết tin bài, đồng thời khuyến khích cán bộ thuế viết tin bài.

Soạn thảo tài liệu hỏi, đáp pháp luật thuế, nhất là các chính sách chế độ mới ban hành, tổ chức in ấn dưới dạng sách, báo, tờ rơi... phát hành miễn phí cho các cấp chính quyền và các đối tượng sản xuất kinh doanh để tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuế.

Tổ chức văn nghệ cổ động tuyên truyền kết hợp phổ biến các nội dung văn bản pháp luật thuế. Để thực hiện hình thức tuyên truyền này, ngành thuế cần phối hợp với ngành văn hóa thông tin tổ chức các đội thông tin phổ biến các văn bản bằng xe lưu động. Thu băng cát sét nội dung tuyên truyền đưa về các tổ thông tin tuyên truyền phường để phát thanh cho nhân dân nghe và nắm được các nội dung các văn bản pháp luật thuế. Biên soạn các chương trình văn nghệ với chủ đề chấp hành pháp luật thuế, nêu gương người tốt việc tốt, phê phán hành vi trốn thuế, không chấp hành nghĩa vụ nộp thuế và tổ chức biểu diễn cổ động tại khu văn hóa, các phường tuyên truyền về pháp luật thuế.

Thành lập các câu lạc bộ pháp luật thuế ở các phường xã. Đây là một hình thức đem lại hiệu quả cao trong việc tuyên truyền, giáo dục, giải đáp về thuế cho mọi công dân và tổ chức kinh tế. Ban chủ nhiệm câu lạc bộ các cấp gồm đại diện các ban ngành, đoàn thể như: Thuế, Tư pháp, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Công đoàn do ngành thuế chủ trì.

Mở các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật thuế do ngành thuế phối hợp với ngành tư pháp tổ chức cùng với các tổ chức đoàn thể như Đoàn thanh niên, Phụ nữ, Công đoàn, Trường học. Cơ quan thuế thành phố soạn thảo chương trình, các câu hỏi, đáp án cho các cuộc thi này. Phối hợp với các cơ sở giáo dục và đào tạo nghiên cứu đưa công tác phổ biến giáo dục pháp luật thuế vào các trường học phổ thông, các cơ sở đào tạo ngành nghề, tạo điều kiện cho công tác giáo dục tuyên truyền pháp luật thuế đến với tầng lớp nhân dân và học sinh, sinh viên.

*3.2.1.2. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Thành ủy, UBND thành phố đối với ngành thuế; xây dựng, củng cố mối quan hệ giữa ngành thuế với các ngành có liên quan và UBND các phường, xã*

Thời gian qua, công tác quản lý thu thuế của thành phố Nha Trang đã mang lại kết quả tốt, luôn hoàn thành kế hoạch được giao. Nhưng vẫn chưa tương xứng với tiềm năng kinh tế của thành phố. Công tác quản lý thu thuế thời gian tới phải tăng cường sự lãnh đạo của Thành ủy, UBND thành phố đối với ngành thuế; xây dựng và củng cố mối quan hệ giữa ngành thuế với các ngành có liên quan và UBND các phường, xã trong công tác thuế. Cụ thể là:

- Nâng cao mối quan hệ công tác giữa ngành thuế với chính quyền các cấp. Xác định rõ nhiệm vụ Đảng lãnh đạo Chính quyền đối với công tác thuế. Đặc biệt là vai trò người đứng đầu các cấp chính quyền phải chịu trách nhiệm trước Nhà nước về việc chấp hành nộp thuế ở địa phương mình.

- Các cấp chính quyền (thành phố; phường, xã) cần xây dựng kế hoạch và nội dung chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thu thuế, giám sát ngành thuế theo nguyên tắc song trùng lãnh đạo. Muốn làm được điều đó cần phải cụ thể hóa các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương (thành phố; phường, xã), của các ngành trong việc chỉ đạo thực hiện quản lý thu thuế, quản lý bộ máy thuế trên địa bàn trong việc thực hiện luật thuế.

- Có sự phân công, phân cấp cụ thể trong phối hợp giữa ngành thuế với chính quyền địa phương về tổ chức chỉ đạo, lãnh đạo thu thuế. Tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm hoặc khoán trắng cho ngành thuế.

- Thành phố phải xây dựng kế hoạch, giao nhiệm vụ cụ thể cho ngành thuế. Thông qua đó kiểm tra, đôn đốc, giám sát uốn nắn và xử lý những vấn đề liên quan đến công tác quản lý thu trên địa bàn thành phố. Bên cạnh đó, lãnh đạo chỉ đạo các ngành hữu quan phối kết hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ thu trên địa bàn. Lãnh đạo ngành thuế phải chủ động tham mưu với Thành ủy và UBND thành phố có kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị trong công tác thu thuế trên địa bàn.

### *3.2.1.3. Hoàn thiện đổi mới cơ chế phân cấp quản lý và điều hành thu NSNN các cấp*

Trong thời gian qua, thực hiện Luật NSNN 2015, chính quyền cấp tỉnh quyết định cụ thể các nguồn thu, tỷ lệ phân chia nguồn cho các cấp ngân sách địa phương. Cho đến nay, phân cấp quản lý thu ngân sách đang ngày càng phát huy tác dụng tích cực. Trong thực tế cấp thành phố, cấp huyện chưa thực sự là một cấp ngân sách ổn định. Phân tích dự báo, lập dự toán ngân sách từ cấp cơ sở lên nhưng nhiều khi sự cân đối ngân sách, giao chi tiêu ngân sách từ cấp trên lại chưa mang tính khả thi. Điều đó cho thấy rằng vai trò hạn chế của HĐND các cấp trong vấn đề ngân sách địa phương – công tác lập dự toán ngân sách nhưng các hạng mục dự toán cụ thể lại phải chờ từ cấp trên phê

duyệt song lại chuyển xuống khiến cho tính chủ động, tính tích cực của cấp dưới bị giảm thiểu.

Trong điều kiện thực hiện công nghiệp hóa – hiện đại hóa, để đảm bảo cho sự phát triển thống nhất bền vững của thành phố nói chung, của mỗi địa phương nói riêng, việc đổi mới cơ chế phân cấp quản lý và điều hành thu NSNN là đòi hỏi tất yếu.

Hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý thu NSNN là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao tính năng động, tự chủ và linh hoạt trong quản lý thu ngân sách của các cấp chính quyền, đáp ứng nhu cầu tăng thu một cách vững chắc, đảm bảo như cầu chi tiêu công của mỗi cấp chính quyền.

Hiện tại, hầu như các nguồn thu tập trung vào ngân sách cấp Trung ương nhiều hơn và phân cấp hạn chế cho cấp tỉnh, cấp huyện. Điều này dẫn đến tình trạng ngân sách cấp dưới phụ thuộc quá nhiều vào ngân sách cấp trên. Khả năng tự chủ, tự quản trong xác định nguồn thu, dự toán và điều hành thu ngân sách gặp nhiều khó khăn.

Mở rộng danh mục đối tượng thu cho ngân sách cấp tỉnh và tương đương trong vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, thương mại... Trong thời gian tới, Trung ương cần tăng tỷ lệ phân chia nhiều hơn các khoản thu điều tiết cho địa phương, chẳng hạn, thuế GTGT, thuế TNDN, thuế tài nguyên nhằm tạo nguồn lực cho ngân sách địa phương một cách đầy đủ, qua đó phản ánh thực chất cân đối của địa phương, địa phương sẽ thấy rõ tiềm lực tài chính để phân đầu.

Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu NSNN trên địa bàn, đòi hỏi phải phân cấp rõ ràng nguồn thu cho đến ngân sách cấp tỉnh và cấp huyện. Sự phân định đó phải mang tính chất pháp lý, tính khả thi cao, tạo quyền chủ động trong việc lập kế hoạch, dự toán thu ngân sách địa phương. Qua đó, khuyến khích cấp tỉnh, huyện coi trọng nuôi dưỡng, phát triển nguồn thu, tích

cực thu đúng, thu đầy đủ, đấu tranh quyết liệt với nạn trốn thuế, gian lận thương mại...

### **3.2.2. Nhóm giải pháp chuyên môn**

#### **3.2.2.1. Đổi mới, nâng cao chất lượng dự toán và quyết toán thu NSNN hàng năm**

##### *Đối với lập dự toán thu NSNN hàng năm cấp thành phố*

Công tác dự toán thu ngân sách phải nâng cao chất lượng. Nội dung thu ngân sách phải có trong danh mục thu NSNN. Lập dự toán thu ngân sách đòi hỏi phải được thực hiện sớm và xem xét kỹ lưỡng, tránh tình trạng bỏ sót nguồn thu làm cho việc quản lý NSNN bị động. Hạn chế ở mức thấp nhất tình trạng chênh lệch quá cao giữa số quyết toán với dự toán thu. Nếu khoản thu vượt mức kế hoạch đề ra thì khoản thu dôi ra sử dụng vào việc công ích hoặc bổ sung vào quỹ dự phòng của thành phố.

Việc lập dự toán ở các đơn vị cơ sở phải căn cứ vào tình hình thực hiện năm trước để đảm bảo độ chính xác nhất định, tránh tình trạng dự toán của các đơn vị lập lên quá cao, gây khó khăn cho công tác thẩm định, xét duyệt dự toán.

Trong quá trình phát triển KT - XH trong từng thời kỳ, Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến công tác quản lý dự toán thu NSNN. Vì vậy, lập dự toán ngân sách phải chi tiết, đầy đủ nội dung, được xây dựng dựa trên kế hoạch phát triển KT - XH và khai thác triệt để tiềm năng, lợi thế của địa phương. Lập dự toán thu ngân sách yêu cầu phải nâng cao, đổi mới và dựa trên những căn cứ khoa học, logic, đúng tiêu chuẩn của Nhà nước quy định, phù hợp với tình hình cụ thể của từng địa phương, có tính đến sự biến động giá cả của thị trường.

Các cơ quan thuộc hệ thống tài chính cần có chương trình cụ thể để nắm vững tình hình hoạt động của cơ sở kinh tế, các đối tượng kinh doanh và các đối tượng sử dụng nguồn kinh phí ngân sách để xây dựng dự toán thu – chi sát thực

và khoa học. Khi yêu cầu các cơ sở lập dự toán, các cơ quan tổng hợp cần tính toán kỹ các yếu tố ảnh hưởng đến việc lập dự toán thu NSNN, nhất là tình hình biến động về kinh tế thị trường, giá cả và chế độ chính sách của Nhà nước. Từ đó đưa ra được hệ số điều chỉnh phù hợp, khắc phục tình trạng thiếu chuẩn xác và thiếu độ tin cậy của số liệu, làm ảnh hưởng đến việc phân tích tài chính, xét duyệt giao kế hoạch và điều hành thực hiện kế hoạch những năm sau.

Tóm lại, các cấp chính quyền địa phương thành phố Nha Trang cần phải đặc biệt chú trọng công tác phân tích, đánh giá, dự báo thu. Quan tâm công tác phân tích, đánh giá, dự báo là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên của ngành thuế và các cơ quan quản lý thu NSNN. Triển khai ứng dụng CNTT trong phân tích, dự báo bằng các mô hình kinh tế lượng. Xây dựng và phát triển các phần mềm ứng dụng chuyên môn dùng cho công tác thống kê nhằm tự động hóa các khâu xử lý, tính toán, phân tích thống kê. Xây dựng và củng cố hệ thống Trung tâm cơ sở dữ liệu tại Chi cục thuế thành phố Nha Trang theo hướng hiện đại hóa, đảm bảo thuận tiện cho truy cập, khai thác cơ sở dữ liệu thống kê, nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc bí mật. Kiện toàn tổ chức tin học thống kê tại cơ quan thuế đảm bảo đủ năng lực và cơ sở vật chất phục vụ cho nhiệm vụ thu thập, xử lý, tổng hợp, lưu giữ và cung cấp thông tin phục vụ cho quản lý thuế nói chung và công tác phân tích dự báo nói riêng. Xây dựng mạng lưới đội ngũ cộng tác viên cung cấp dữ liệu và thông tin, có chế độ đãi ngộ thích hợp để từng bước nâng cao và đổi mới chất lượng công tác lập dự toán thu NSNN.

#### *Đối với quyết toán thu ngân sách Nhà nước hàng năm*

Công tác lập báo cáo quyết toán ngân sách phải đảm bảo tính chính xác, sát thực tế. Phải cập nhật và thống nhất từ các đơn vị thụ hưởng cho đến đơn vị cấp trên. Kèm theo các báo cáo là phần giải trình và đánh giá việc thực hiện kế hoạch và kết quả đạt được từ sử dụng nguồn kinh phí. Tìm hiểu



nguyên nhân và rút ra biện pháp tăng cường quản lý để làm cơ sở cho việc lập dự toán năm sau.

Quyết toán NSNN là khâu cuối cùng trong một chu trình ngân sách nhằm tổng kết, đánh giá việc thực hiện ngân sách cũng như các chính sách của năm ngân sách đã qua. Nó trở thành một khâu quan trọng, là chức năng, nhiệm vụ của nhiều cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách. Công tác quyết toán NSNN hàng năm đã được quy định trong Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn Luật.

*3.2.2.2 Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về thuế và thu hồi các khoản nợ thuế đối với ngân sách.*

Thanh tra, kiểm tra, kiểm soát và xử lý tài chính – ngân sách là một biện pháp hết sức quan trọng trong công tác quản lý thu NSNN. Làm tốt công tác thanh tra tài chính về việc kiểm soát thu NSNN, góp phần tập trung đầy đủ, kịp thời nguồn thu ngân sách về cho Nhà nước, tăng nguồn lực tài chính cho đầu tư phát triển, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thanh tra tài chính đối với việc thu ngân sách. Tăng cường sự kiểm tra, kiểm soát và xử phạt nghiêm minh những tập thể, cá nhân có hành vi trốn thuế, vi phạm Luật NSNN, thực hành việc tiết kiệm, chống lãng phí.

Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về thuế và thu hồi các khoản nợ thuế đối với ngân sách đòi hỏi cần tập trung vào các cơ quan đơn vị, tổ chức kinh tế và cá nhân có phát sinh các nguồn thu nhập trong diện chịu thuế.

Có thể nói, đẩy mạnh quản lý thuế là vấn đề khó, chứa đựng nhiều mối quan hệ kinh tế và lợi ích phức tạp, gắn kết giữa vấn đề tài chính – ngân sách – chính trị và pháp lý.

Đẩy mạnh việc kiểm tra tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách tại các doanh nghiệp. Thực hiện công khai kết luận thanh tra, kiểm toán. coi trọng công

tác xử lý kỷ luật về quản lý thu ngân sách và kiến nghị xử lý vi phạm về trách nhiệm đối với người đứng đầu đơn vị vi phạm pháp luật về ngân sách.

Để khắc phục sự chông chéo trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, cần phải xây dựng quy chế phối hợp công tác giữa các cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát theo định hướng. Đối với một đơn vị và cùng một nội dung mỗi năm chỉ cần tiến hành kiểm tra, thanh tra một lần. Tránh việc kiểm tra, thanh tra trùng lặp nội dung. Đối với nội dung việc chấp hành thu nộp ngân sách nên giao cho ngành Thuế chịu trách nhiệm. Thanh tra Nhà nước cấp thành phố và Ủy ban kiểm tra Đảng chỉ tiến hành thanh tra, kiểm tra công tác thu nộp ngân sách khi thật sự cần thiết theo yêu cầu của Chủ tịch UBND thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy để giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra phải tiến hành bằng phương thức có hiệu quả nhất, tùy từng đối tượng cụ thể mà có phương pháp thanh tra khác nhau cho phù hợp: thanh tra theo chương trình, thanh tra theo kế hoạch, thanh tra theo điểm, thanh tra theo vụ việc, thanh tra thường xuyên. Lực lượng thanh tra phải đủ mạnh cả về số lượng và chất lượng, có tinh thần trách nhiệm cao, kiên quyết đấu tranh với những trường hợp sai phạm quy định. Khi phát hiện sai phạm tùy thuộc vào mức độ để có biện pháp xử lý đúng đắn, kiên quyết. Có chế tài xử lý trong lĩnh vực thu NSNN; xử lý các hiện tượng chậm nộp thuế, trốn thuế, chiếm dụng tiền thuế.

Công tác thanh tra, kiểm tra thuế là một biện pháp hết sức quan trọng trong việc chống thất thu thuế. Nó là một khâu không thể thiếu trong công tác quản lý thuế. Công tác thanh tra có mối quan hệ mật thiết với các khâu như công tác quản lý biên lai, ấn chỉ, công tác thu nộp thuế, công tác kế hoạch, tạo thành một hệ thống thống nhất trong quá trình quản lý thuế. Để đáp ứng được

công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về thuế và thu hồi các khoản nợ thuế đối với NSNN, cần phải:

- Nhà nước cần phải đầu tư thích đáng về con người cũng như cơ sở vật chất để đảm bảo hoạt động về kiểm tra, thanh tra thuế. Cần tuyển chọn và đào tạo chuyên sâu những cán bộ thanh tra thuế có phẩm chất tư tưởng vững vàng, kiên định, có trình độ chuyên môn và năng lực công tác tốt.

- Tăng cường hiệu lực của tổ chức thanh tra trong việc kiểm tra xử lý các vi phạm về thuế cũng như quyền hạn và trách nhiệm của thanh tra viên.

- Phân định nhiệm vụ rõ ràng, hợp lý các chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức thanh tra. Hạn chế và chấm dứt việc thành lập các đoàn thanh tra mang tính chồng chéo, ồ ạt tạo khó khăn trong kinh doanh cho đối tượng nộp thuế.

- Lực lượng kiểm tra, thanh tra thuế cần kiên quyết chống thất thu trên mọi phương diện và bằng mọi biện pháp. Đưa kỷ luật và chấp hành Luật thuế thành nguyên tắc cao nhất trong mọi hoạt động của các tổ chức, cá nhân.

- Nhà nước cần chỉ đạo các cấp, các ngành kết hợp, ủng hộ ngành thuế trong việc xử lý nghiêm minh các trường hợp dây dưa, chây ì, trốn thuế. Có như vậy mới đảm bảo được tính pháp lý cao của luật thuế và ý thức tự giác của đối tượng nộp thuế

- Tổ chức bộ máy ngành thuế cần phải được tiến hành theo mô hình phân công công việc theo chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận và cơ quan thuế mỗi cấp. Đây là yêu cầu rất cơ bản. Cơ quan Nhà nước ở cấp nào, vị trí nào chỉ nên thực hiện những nhiệm vụ của cấp đó, vị trí đó. Để công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về thuế có hiệu quả, phải xem xét kỹ những vấn đề cụ thể, cần dựa vào tư vấn, phân tích của các chuyên gia, chỉ ra những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, những nội dung còn nhiều tranh luận.

- Công tác kiểm tra cũng cần được đẩy mạnh để phù hợp với yêu cầu triển khai Luật quản lý thuế 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật

quản lý thuế năm 2012, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật thuế GTGT, tiêu thụ đặc biệt và Luật thuế năm 2016 về mô hình tự khai, tự nộp. Bên cạnh đó, đẩy mạnh công tác kiểm tra nội bộ để đảm bảo thực hiện đúng các quy trình quản lý thuế và xử lý kịp thời đối với các trường hợp vi phạm. Kết quả thanh tra, kiểm tra cần công khai kết luận, có chế tài xử phạt đủ mạnh đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật thuế: trốn thuế, chiếm đoạt tiền thuế, chây ì không chấp hành nộp tiền thuế theo đúng quy định.

- Cần có chính sách khen thưởng kịp thời đối với những tổ chức, cá nhân hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế vào ngân sách và những cán bộ thuế có những sáng tạo trong công tác thu thuế. Hàng năm có thể bố trí trong dự toán một khoản kinh phí (khoảng 0,5% số thu trong cân đối ngân sách) để sử dụng làm nguồn kinh phí thưởng cho các địa phương, đơn vị thu hoàn thành và vượt dự toán giao trong năm.

- Bộ Tài chính cần phải tập trung chỉ đạo cơ quan thuế triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tăng cường công tác chống thất thu cho ngân sách và thu hồi hỗ trợ nợ đọng thuế; phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng đẩy mạnh các hoạt động chống chuyên giá, chống buôn lậu và gian lận thương mại.

- Đối với cơ quan thuế: Phải tiến hành công tác thanh tra, kiểm tra đối tượng nộp thuế khi có đơn thư kiến nghị, khiếu nại hoặc kiểm tra theo một chương trình đã định sẵn. Thường xuyên kiểm tra, giám sát sau khi các bộ phận trực tiếp quản lý đối tượng nộp thuế đã thanh quyết toán trong kỳ. Đồng thời, gắn chặt trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc quản lý đối tượng nộp thuế, nâng cao tinh thần trách nhiệm và ý thức pháp luật trong công việc của cán bộ thuế. Xử lý kịp thời các vấn đề vướng mắc về thuế, tạo điều kiện đối tượng nộp thuế thực hiện tốt những yêu cầu của luật.

- Cơ quan thuế phải phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quan trọng trong khối nội chính như: Công an, Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân, Chính quyền

địa phương xử lý kịp thời và nghiêm khắc các đối tượng có hành vi vi phạm về thuế: Cố tình dây dưa, chây ì nộp thuế, chống đối, tích cực đấu tranh chống buôn lậu, trốn thuế. Tất cả trường hợp vi phạm về thuế, vượt quá thẩm quyền xử lý của cơ quan thuế và các cấp chính quyền, phải xử lý ở mức cao hơn như tịch thu, kê biên tài sản, truy cứu trách nhiệm hình sự, cơ quan thuế phải lập ngay hồ sơ gửi qua cơ quan công an, Viện kiểm sát nhân dân để thụ lý, giải quyết theo luật định.

### **3.2.3. Nhóm giải pháp điều kiện thực hiện**

#### **3.2.3.1. Nâng cao chất lượng cán bộ và bộ máy quản lý thu NSNN**

##### *Về công tác tổ chức cán bộ*

Trước hết phải chú trọng đến chất lượng công tác của cán bộ thuế, coi cán bộ thuế là gốc của công việc, vừa là những yếu tố quyết định cho sự thành công của một hệ thống thuế. Do vậy để tăng cường công tác quản lý thu ngân sách cần phải nâng cao năng lực của cán bộ chính quyền địa phương. Trong các nguyên nhân gây ra thất thu thuế thì nguyên nhân cơ bản nhất là do cán bộ thuế chưa đủ năng lực, trình độ quản lý kém hiệu quả, chưa thật sự phù hợp với yêu cầu thực tế để hướng dẫn, giúp đỡ các cơ sở, hộ sản xuất kinh doanh tổ chức hạch toán kinh doanh, thực hiện chế độ kế toán bảo đảm thực hiện tốt nghĩa vụ nộp NSNN. Vì vậy, giải pháp quan trọng là phải nâng cao trình độ của cán bộ thuế về mọi mặt, làm cho mỗi cán bộ ngành thuế phải nắm vững luật pháp, nhất là các Luật thuế, các nội dung quản lý thu thuế, trình độ về kế toán, CNTT, ngoại ngữ, trình độ về lý luận chính trị - hành chính, đạo đức tác phong..

Trong thời gian tới cần tiếp tục tập trung vào một số nội dung sau đây:

- Trên cơ sở đội ngũ cán bộ thuế hiện có, cần tiến hành phân loại và có kế hoạch bồi dưỡng năng lực cho cán bộ ngành thuế. Trước hết, chú trọng đội ngũ đội trưởng đội thuế các huyện, phường, cán bộ thanh tra và cán bộ thuế làm công tác tuyên truyền.

- Cần khuyến khích ý thức tự học, tự tu dưỡng rèn luyện của cán bộ thuế. Tiếp tục nâng cao trình độ của cán bộ thuế, kể cả về chuyên môn và các nghiệp vụ khác. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá chất lượng công tác của mỗi cán bộ thuế thông qua việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Định kỳ 6 tháng hoặc 1 năm tổ chức kiểm tra trình độ nghiệp vụ, sự hiểu biết về các chính sách thuế nếu không đạt yêu cầu thì kéo dài thời gian nâng lương và cắt giảm tiền lương.

- Xử lý kỷ luật nghiêm khắc đối với cán bộ vi phạm bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo, cách chức, hạ lương hoặc buộc thôi việc.

- Quy hoạch cán bộ kế cận từ đội trưởng đến lãnh đạo cơ quan thuế các cấp. Những người không đủ năng lực chuyên môn, lý luận chính trị, phẩm chất đạo đức, không đủ tín nhiệm với tập thể cần phải được thay thế, tránh tình trạng trì trệ, ngại đổi mới.

- Cần tổ chức lại, sắp xếp, bố trí cơ cấu cán bộ cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với khả năng để phát huy triệt để tiềm năng, sở trường của từng cán bộ, tinh giảm biên chế đối với một số trường hợp yếu kém, mất phẩm chất không còn phù hợp với yêu cầu quản lý hiện nay, tránh tình trạng nhận cán bộ không đúng chuyên môn.

- Cải cách chế độ tiền lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ, phúc lợi xã hội đối với cán bộ làm việc trong ngành thuế, đảm bảo cho những nhu cầu sinh hoạt tối thiểu của cán bộ công nhân viên trong ngành thuế. Nhờ đó mới đảm bảo cho họ thực sự yên tâm trong công tác, tránh được những nguy cơ phát sinh các hiện tượng tiêu cực.

Hàng năm cần phải đổi mới công tác tổ chức thi tuyển chọn, sát hạch về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ ngành thuế, trên cơ sở đánh giá phân loại cán bộ theo các tiêu chuẩn đề ra.

*Về cải tiến bộ máy quản lý ngành thuế*

Một là, xác định rõ mối quan hệ giữa ngành thuế với các đơn vị chức năng khác.

Hiện nay ở thành phố Nha Trang, Chi cục thuế được đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa. Theo chúng tôi trong điều kiện hiện nay, việc đặt ra Chi cục thuế dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Cục Thuế tỉnh là phù hợp vì nó gắn với công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

Tuy nhiên, để công tác thu đảm bảo tính kịp thời giải quyết những vấn đề vướng mắc trong thực tế phát sinh, cần mở rộng hơn quyền của Chi cục trưởng Chi cục thuế trong lĩnh vực chỉ đạo chính sách, nghiệp vụ.

- Nguyên tắc song trùng lãnh đạo là hết sức cần thiết trong hoạt động quản lý bộ máy ngành thuế của địa phương hiện nay. Tuy nhiên, trong thực tế triển khai cũng còn nhiều vướng mắc và khó khăn. Theo chúng tôi nên thay thế nguyên tắc song trùng lãnh đạo bằng phối hợp giữa cơ quan ở địa phương với ngành thuế hoặc phải quy định rõ hơn về phạm vi áp dụng nguyên tắc “song trùng lãnh đạo”, đặc biệt là trong lĩnh vực quản lý cán bộ.

Hai là, cải tiến mô hình tổ chức bộ máy

Tổ chức hoạt động của bộ máy ngành thuế là một trong những nội dung quan trọng trong quá trình cải cách hành chính Nhà nước nói chung và nâng cao chất lượng bộ máy ngành thuế nói riêng, nhằm thiết lập được mô hình quản lý thuế có hiệu lực, hiệu quả nhất phù hợp với tốc độ phát triển KT-XH, hòa nhập với tiến trình hiện đại hóa và xu hướng công bằng, dân chủ hóa trong xã hội.

Để củng cố và cải tiến mô hình tổ chức ngành thuế nhằm tăng cường công tác quản lý thu NSNN tại thành phố Nha Trang, cần phải quan tâm đến một số nội dung trọng tâm sau đây:

- Phải đảm bảo tổ chức bộ máy có hiệu quả, tinh giảm, gọn nhẹ, đồng thời quản lý bao quát, chặt chẽ đối tượng nộp thuế. Cho nên, cần phải có những biện pháp cụ thể để nâng cao chất lượng hoạt động.

- Tranh thủ sự chỉ đạo, lãnh đạo, phối hợp chặt chẽ với cấp ủy và Chính quyền các cấp. Mọi quá trình triển khai nhiệm vụ công tác quản lý đều phải được cơ quan thuế báo cáo tình hình, tiếp tục xin ý kiến chỉ đạo của chính quyền địa phương nhằm cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ cho việc điều hành thu ngân sách.

- Tổ chức bộ máy phải phù hợp với quy trình quản lý thuế mới, đáp ứng yêu cầu quy trình mới, tránh trường hợp quá sức, không thể quản lý tốt, gây thất thu thuế.

- Cơ quan thuế phải chủ động trong việc tham mưu cho cấp ủy và chính quyền các cấp điều hành công tác thuế gắn với hoạt động KT-XH, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất, kinh doanh của các cơ sở nhằm ổn định và phát triển kinh tế, trên cơ sở đó thực hiện tốt các luật và chính sách thuế.

- Tổ chức bộ máy phải đảm bảo nâng cao sức mạnh của hệ thống thuế, nâng cao trình độ pháp lý của thuế, đảm bảo công tác kiểm tra, giám sát và chỉ đạo chặt chẽ việc quản lý thu thuế hiện đại theo mô hình chức năng như: kê khai thuế, đốc thuế và tăng cường thanh tra, kiểm tra thuế.

- Theo mô hình quản lý thuế hiện đại, toàn bộ việc tiếp nhận tờ khai, xử lý và kiểm tra tờ khai, đốc thuế và cưỡng chế thuế, thanh tra được thực hiện liên hoàn trong cơ quan thuế, đảm bảo sự tách rời mối liên hệ trực tiếp giữa cán bộ thuế và đối tượng nộp thuế, đảm bảo tính khách quan của quy trình quản lý thuế.

Bộ phận dịch vụ hỗ trợ đối tượng nộp thuế cũng có thể coi là một bộ phận trong quy trình làm nhiệm vụ hướng dẫn, trợ giúp có nhiệm vụ đối với các đối tượng nộp thuế nhưng không làm thay đổi đối tượng nộp thuế.



### *3.2.3.2. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào công tác quản lý thu nhằm nâng cao hiệu quả công tác thu*

Chiến lược cải cách hệ thống thuế giai đoạn 2011-2020 được Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng phê duyệt tại Quyết định 732/QĐ-TTg ngày 17/5/2011 xác định: ứng dụng CNTT và xây dựng cấu trúc cơ bản của hệ thống thuế theo hướng hiện đại vào công tác quản lý thuế là một trong những nhiệm vụ quan trọng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế. Việc ứng dụng CNTT hợp lý trên cơ sở pháp lý sẽ đảm bảo cải thiện thỏa đáng tất cả các chức năng quản lý thuế, giúp loại bỏ thủ tục giấy tờ và sự tiếp xúc giữa người nộp thuế với cơ quan thuế, giảm thất thu thuế. Thực hiện nhiệm vụ đó, trong những năm gần đây, CNTT đã được đẩy mạnh và đang được ứng dụng tại hầu hết các lĩnh vực và ngày càng thể hiện rõ vai trò là công cụ đắc lực trong cải cách thu thuế. Ngành thuế đẩy mạnh ứng dụng CNTT, sử dụng mã số đăng ký kinh doanh, giảm dần thủ tục và thời gian kê khai cho người nộp thuế. Để nâng cao hiệu quả của công tác quản lý, điều hành thu NSNN ứng dụng CNTT vào là hết sức cần thiết và vô cùng quan trọng. Hiện nay, hầu hết các tỉnh, thành phố, các huyện trong cả nước đã được ứng dụng CNTT trong quản lý ngân sách và đem lại hiệu quả cao.

Để ứng dụng CNTT đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý thu NSNN ở thành phố Nha Trang, trước hết cần trang bị đủ máy móc, thiết bị tin học, phần mềm quản lý chuyên dùng và phần mềm kế toán ngân sách cho các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách. Tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý ngân sách về chuyên môn và kỹ năng cơ bản. Trong thời gian tới cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao trình độ tin học cho các cơ quan, đơn vị, các cơ quan liên quan của cấp tỉnh để phục vụ công tác quản lý thu NSNN ngày càng nâng cao hiệu lực, hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu, chức năng nhiệm vụ của công việc.

Tuy nhiên, để tăng cường ứng dụng CNTT vào công tác quản lý nhằm nâng cao hiệu quả công tác thu, cần hoàn thiện hệ thống cơ sở pháp lý đồng bộ liên quan đến dịch vụ thuế điện tử.

### **3.3. Các kiến nghị với Nhà nước, chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan trong quản lý thu NSNN**

#### **3.3.1. Kiến nghị với Quốc hội và Chính phủ**

- Quốc hội phải tiếp tục tìm ra những biện pháp hợp lý nhằm bổ sung cho luật NSNN phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của đất nước và quốc tế.

- Chính phủ cần có những quy định cụ thể, chính xác và thích hợp hơn với điều kiện thực tiễn của từng lĩnh vực. Cải cách chính sách thuế phải đảm bảo với yêu cầu khuyến khích phát triển kinh doanh đồng thời đảm bảo nguồn thu đáp ứng nhu cầu cho phát triển KT-XH. Trong quản lý thu ngân sách, ngoài việc phân định nhiệm vụ quyền hạn của các cấp, các ngành; phân cấp nhiệm vụ thu các cấp ngân sách thì việc cải cách thủ tục hành chính trong quản lý ngân sách nói chung là vô cùng quan trọng.

- Cần quán triệt quan điểm của Đảng và Nhà nước để đổi mới chính sách thuế, sớm tiếp tục cải tiến hệ thống chính sách thuế, xây dựng hệ thống chính sách thuế đồng bộ, cơ cấu hợp lý phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

#### **3.3.2. Kiến nghị với Bộ Tài chính**

- Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế luôn phải kịp thời ban hành các Quyết định, các Thông tư hướng dẫn, tổ chức các buổi hội thảo, tập huấn cho các cơ quan trực tiếp quản lý thu NSNN tại địa để tổ chức thực hiện thu NSNN một cách có hiệu quả nhất.

- Việc đổi mới hoàn thiện hệ thống chính sách thuế phải đạt được những mục tiêu cơ bản có tính chất định hướng, đồng thời phải dựa trên những nguyên tắc cơ bản sau đây:

- Chính sách thuế phải đảm bảo bao quát hết nguồn thu, phù hợp với đặc điểm nền kinh tế trong từng thời kỳ, đảm bảo tăng thu cho ngân sách.

- Đảm bảo tính khách quan, linh hoạt, công bằng trong hệ thống chính sách thuế nhằm phát huy đầy đủ tác dụng của từng sắc thuế và cả hệ thống thuế.

- Tiến dần tới mục tiêu đơn giản hóa hệ thống thuế, đảm bảo dễ làm, dễ hiểu, dễ áp dụng, khuyến khích các thành phần kinh tế tự giác thực hiện các yêu cầu của luật thuế.

- Thu hẹp diện miễn, giảm thuế mở rộng diện thu thuế, giảm bớt việc thực hiện các chính sách xã hội trong luật thuế, đảm bảo sự bình đẳng thực hiện giữa các thành phần kinh tế.

- Đảm bảo tính dân chủ, công khai trong việc thực hiện luật thuế, nâng cao trách nhiệm pháp lý của đối tượng nộp thuế.

- Đảm bảo khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế, khuyến khích mở rộng sản xuất kinh doanh, đầu tư chiều sâu, đảm bảo quyền lợi cho đối tượng nộp thuế.

- Hệ thống chính sách thuế cần từng bước đạt yêu cầu của một hệ thống hiện đại, phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương.

- Trên nền tảng mục tiêu, nguyên tắc chung đó hướng chỉ đạo về việc hoạch định chính sách thuế nhằm hoàn thiện quản lý thu ngân sách cần tập trung giải quyết một số vấn đề sau đây:

- Cải thiện lại hệ thống thuế.

- Mở rộng thuế thu vào đất đai và danh mục thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Sử dụng thuế GTGT cho phù hợp với từng giai đoạn.

- Đối với khoản thu sự nghiệp, không huy động tràn lan, chỉ huy động và sử dụng nguồn vốn do nhân dân đóng góp để xây dựng những công trình có lợi ích thiết thực, trực tiếp với người dân như đường giao thông, nhà văn hóa, đền chùa.

### **3.3.3. Kiến nghị với UBND tỉnh Khánh Hòa và thành phố Nha Trang**

- UBND tỉnh Khánh Hòa cần tăng cường chỉ đạo, lãnh đạo các ban, ngành có liên quan như Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê, Sở Công thương, Công an, Tư pháp... phối hợp chặt chẽ với cơ quan thuế trong việc xây dựng kế hoạch thu thuế, quản lý thuế và xử lý kịp thời những hành vi vi phạm về thuế.

Tỉnh cần tăng cường phân cấp quản lý ngân sách cho chính quyền địa phương, trong đó tăng số lượng các khoản thu mà cấp thành phố/quận/huyện được hưởng 100% để ngân sách cấp thành phố có thể điều tiết cho ngân sách cấp phường.

Thành phố thường xuyên chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch đầu tư, Chi cục thuế nghiên cứu hoàn thiện cơ chế phân cấp cho cấp phường về ngân sách, đầu tư, xây dựng cơ bản với quy mô của từng đơn vị.

Tăng cường công tác tuyên truyền vận động, cung cấp dịch vụ thuế cho doanh nghiệp một cách tốt nhất, bố trí đủ kinh phí hàng năm để cấp cho các phường thực hiện công tác tuyên truyền.

Ban hành quy chế phối hợp lãnh đạo, chỉ đạo song trùng giữa chính quyền địa phương với ngành dọc trong quản lý thu – chi ngân sách.

### ***Tóm tắt chương 3***

Chương 3, tác giả đã đề xuất ba nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý thu NSNN tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, tập trung vào các nội dung khoa học chủ yếu sau:

Một là, trên cơ sở đường lối đổi mới kinh tế của Đảng và Nhà nước đã nêu lên những vấn đề quan trọng làm định hướng cho công tác quản lý thu NSNN tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Hai là, từ cơ sở khoa học về quản lý thu NSNN ở Chương 1, thực trạng quản lý thu NSNN tại thành phố Nha Trang ở Chương 2, có tham khảo kinh nghiệm của một số địa phương, và căn cứ vào mục tiêu phát triển KT-XH của địa phương, luận văn đề xuất 7 nhóm giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện quản lý thu NSNN tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Ba là, nêu lên kiến nghị với các cơ quan hữu quan có thẩm quyền, với các ngành liên quan tạo điều kiện và góp phần quản lý tốt về quản lý thu ngân sách của thành phố Nha Trang.

## KẾT LUẬN

Với sự đầu tư trong quá trình nghiên cứu, hoàn thành luận văn, tác giả hy vọng đáp ứng được yêu cầu của luận văn thạc sỹ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng với những nội dung khoa học sau:

**Thứ nhất**, hệ thống hóa cơ sở khoa học về ngân sách Nhà nước, thu ngân sách Nhà nước, quản lý thu ngân sách Nhà nước. Luận giải những nội dung như khái niệm, mục đích, yêu cầu, các nhân tố ảnh hưởng đến thu ngân sách cũng như nội dung quản lý thu ngân sách Nhà nước. Tham khảo kinh nghiệm quản lý thu ngân sách Nhà nước một số địa phương, trên cơ sở đó rút ra những vấn đề cần nghiên cứu cho quản lý thu ngân sách Nhà nước ở Việt Nam và trực tiếp ở thành phố Nha Trang.

**Thứ hai**, khảo sát và phân tích thực trạng quản lý thu ngân sách Nhà nước ở thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa từ năm 2012 đến năm 2016, chỉ ra những tồn tại, hạn chế đang cần xử lý hiện nay và các nguyên nhân của các hạn chế đó.

**Thứ ba**, dựa trên chính sách đường lối của Đảng và Nhà nước, của địa phương thành phố Nha Trang và định hướng hoàn thiện công tác quản lý thu ngân sách Nhà nước đề xuất hệ thống giải pháp, đưa ra một số kiến nghị đối với cơ quan hữu quan đối với việc quản lý thu ngân sách Nhà nước ở thành phố Nha Trang. Những giải pháp đưa ra phù hợp với tình hình thực tế của thành phố Nha Trang và có giá trị thực tiễn nhất định cho công tác quản lý đặc biệt là quản lý thu ngân sách Nhà nước tại địa phương.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Kiều Anh (2015), *Quản lý thu ngân sách Nhà nước tại huyện Vụ Bản – tỉnh Nam Định*, Luận văn thạc sỹ, Học viện Hành chính, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Lan Anh (2010), *Giải pháp tăng cường nguồn thu ngân sách trên địa bàn thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh*.
3. Thái Thị Tú Anh (2012), *Quản lý thu ngân sách Nhà nước tại huyện Đắc Song – tỉnh Đắc Nông*, Luận văn thạc sỹ, Học viện Hành chính, Hà Nội.
4. Bộ Tài chính (2016), *Thông tư số 342/2016/TT-BTC quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước*, Hà Nội.
5. Bộ Tài chính (2017), *Tài liệu hội nghị phổ biến luật NSNN 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật NSNN cho các địa phương*.
6. Nguyễn Thị Cành (2004), *Phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế*, Nxb. Đại học Quốc gia TP. HCM.
7. Dương Đăng Chính, Phạm Văn Khoan (2005), *Giáo trình Quản lý tài chính công*, Nxb. Tài chính, Hà Nội.
8. Chính phủ (2016), *Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước*, Hà Nội.
9. Trần Thị Hồng Hạnh (2007), *Hoàn thiện phân cấp quản lý thu chi ngân sách Nhà nước đối với chính quyền địa phương qua thực tiễn khảo sát tại tỉnh Khánh Hòa*.
10. HĐND tỉnh Khánh Hòa (2010), *Nghị quyết phân cấp nguồn thu nhiệm vụ chi thường xuyên cho ngân sách các cấp ở địa phương*.
11. HĐND tỉnh Khánh Hòa (2010), *Nghị quyết về tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã năm 2011*.

12. HĐND và UBND thành phố Nha Trang, (2011-2015), Báo cáo quyết toán chi ngân sách địa phương các năm 2014, 2015, 2016
13. HĐND tỉnh Khánh Hòa (2011-2015), *Nghị quyết phân cấp nguồn thu nhiệm vụ chi thường xuyên cho ngân sách các cấp ở địa phương*, Khánh Hòa.
14. HĐND tỉnh Khánh Hòa (2013), *Nghị quyết về tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh với ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã năm 2014*, Khánh Hòa.
15. Học viện Hành chính, (2004), *Giáo trình Quản lý Nhà nước về Tài chính công*.
16. Học viện Tài chính (2007), *Tài liệu bồi dưỡng kiến thức về Quản lý tài chính công dành cho lãnh đạo tài chính địa phương*, Hà Nội.
17. Đậu Thị Thùy Hương (2006), *Quản lý Nhà nước về thu ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước, luận văn thạc sỹ, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh*, Hà Nội.
18. *Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và hệ thống các văn bản hướng dẫn thực hiện*.
19. Lê Chi Mai, (2011), *Quản lý chi tiêu công*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
20. Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa, (2014-2016), *Báo cáo thu chi ngân sách tỉnh Khánh Hòa từ năm 2014-2016*.
21. Nguyễn Thị Thanh (2008), *Hoàn thiện quản lý thu, chi ngân sách Nhà nước của quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sỹ, Học viện Hành chính, Hà Nội.
22. Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009), *Hoàn thiện quản lý thu thuế của Nhà nước nhằm tăng cường sự tuân thủ thuế của doanh nghiệp (nghiên cứu tình huống của Hà Nội)*, Luận án tiến sỹ kinh tế, trường Đại Học Kinh tế Quốc dân.



23. Hoàng Thị Ánh Tuyết (2014), *Hoàn thiện công tác quản lý ngân sách Nhà nước trên địa bàn thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.*
24. UBND thành phố Nha Trang 2014, *Báo cáo tình hình KT-XH và công tác chỉ đạo điều hành của UBND thành phố Nha Trang hàng năm.*
25. UBND thành phố Nha Trang 2015, *Báo cáo tình hình KT-XH và công tác chỉ đạo điều hành của UBND thành phố Nha Trang hàng năm.*
26. UBND thành phố Nha Trang 2016, *Báo cáo tình hình KT-XH và công tác chỉ đạo điều hành của UBND thành phố Nha Trang hàng năm.*